



NGÀNH CÔNG NGHIỆP GỖ DÁN VIỆT NAM

Định vị và giảm thiểu rủi ro để phát triển bền vững trong tương lai

Tô Xuân Phúc, Cao Thị Cẩm, Trần Lê Huy



Tháng 6 năm 2020

Lời cảm ơn

Báo cáo **Ngành công nghiệp Gỗ dán Việt Nam: Định vị và giảm thiểu rủi ro để phát triển bền vững trong tương lai** là sản phẩm hợp tác do Nhóm nghiên cứu của Tổ chức Forest Trends, Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFOREST), Hội Mỹ nghệ và Chế biến gỗ Thành phố Hồ Chí Minh (HAWA), Hội chế biến gỗ tỉnh Bình Dương (BIFA) và Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định (FPA Bình Định) soạn thảo. Báo cáo cung cấp các thông tin một số thông tin về cung – cầu mặt hàng này trên thế giới, từ đó định vị ngành sản xuất và thương mại gỗ dán của Việt Nam trong bối cảnh cung – cầu toàn cầu. Tập trung vào khía cạnh rủi ro là hệ quả trực tiếp của cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, Báo cáo đưa ra thông tin về thực trạng sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu mặt hàng này của Việt Nam. Các thông tin này nhằm định vị các rủi ro xảy ra trong các khâu của chuỗi cung. Dựa trên các thông tin này, Báo cáo đưa ra một số kiến nghị chính sách nhằm giúp ngành giảm rủi ro, hướng tới sự phát triển bền vững trong tương lai.

Nhóm nghiên cứu chân thành cảm ơn sự chia sẻ thông tin từ các doanh nghiệp, các hộ gia đình, hợp tác xã, các cơ sở sản xuất ván bóc, gỗ dán...những người trực tiếp tham gia vào chuỗi cung gỗ dán. Xin cảm ơn Tổng cục Lâm nghiệp đã cho phép nhóm sử dụng một số thông tin khảo sát năm 2019 về thực trạng ngành chế biến gỗ. Đặc biệt xin trân trọng cảm ơn ông Đỗ Xuân Lập, Chủ tịch VIFOREST đã chia sẻ ý tưởng trong việc giảm rủi ro, nhằm giúp ngành phát triển trong tương lai. Báo cáo này được hình thành với sự hỗ trợ nguồn lực một phần từ Cơ quan Hợp tác Phát triển của Vương quốc Anh (DFID) và Na Uy (NORAD). Các thông số và nhận định trong Báo cáo là của các tác giả.

Nhóm biên soạn

Mục lục

1. Giới thiệu.....	1
2. Tổng quan về sản xuất và thương mại gỗ dán trên thế giới	2
2.1. Các quốc gia sản xuất gỗ dán	3
2.2. Các quốc gia tiêu thụ gỗ dán chính	4
2.3. Các quốc gia xuất khẩu gỗ dán chính.....	4
2.4. Các quốc gia nhập khẩu gỗ dán lớn	6
3. Chi tiết một số thị trường gỗ dán chính.....	7
3.1 Trung Quốc	7
3.2 Hoa Kỳ	10
4. Sản xuất và thương mại gỗ dán tại Việt Nam.....	16
4.1. Khâu nguyên liệu gỗ đầu vào.....	18
4.2. Khâu sản xuất ván bóc	18
4.3. Khâu sản xuất gỗ dán	19
Doanh nghiệp sản xuất gỗ dán.....	21
Doanh nghiệp FDI đầu vào mặt hàng gỗ dán	23
5. Khâu nhập khẩu gỗ dán.....	25
Thị trường nhập khẩu gỗ dán chính.....	26
Doanh nghiệp nhập khẩu gỗ dán	28
6. Khâu xuất khẩu gỗ dán.....	30
Các thị trường xuất khẩu gỗ dán	30
Thị trường Mỹ	33
Thị trường Hàn Quốc	33
Thị trường Nhật Bản	34
Thị trường Thổ Nhĩ Kỳ	35
Doanh nghiệp xuất khẩu gỗ dán.....	36
7. Khâu đầu vào cho ngành chế biến gỗ.....	37
8. Rủi ro trong chuỗi cung gỗ dán hiện nay	38
8.1. Bối cảnh phát sinh rủi ro	38
8.2. Định vị các loại hình rủi ro trong chuỗi cung	39
9. Giảm rủi ro và phát triển bền vững ngành gỗ dán	44
9.1. Nhóm kiến nghị nhằm giảm rủi ro trong khâu gỗ nguyên liệu và ván bóc.....	45
9.2. Nhóm kiến nghị nhằm giảm rủi ro trong pha trộn nguồn gỗ dán nhập khẩu và nguồn sản xuất nội địa.	45
9.3. Giảm rủi ro trong khâu gỗ dán là nguyên liệu đầu vào cho các mặt hàng xuất khẩu khác	46
Phụ lục.....	47
Phụ lục 1: Một số quy định trong các khâu từ gỗ rừng trồng tới nhà máy gỗ dán	47
Phụ lục 2: Các quốc gia đầu tư vào mặt hàng gỗ dán tại Việt Nam	49
Phụ lục 3: Tóm tắt tiến trình các vụ điều tra liên quan mặt hàng gỗ dán	49
Tài liệu tham khảo	55

Giới thiệu

Rủi ro đối với mặt hàng gỗ dán xuất khẩu từ Việt Nam vào thị trường Hoa Kỳ mà đã được một số cơ quan chức năng và hiệp hội gỗ cảnh báo trước đó đã trở thành hiện thực. Ngày 9 tháng 6 vừa qua Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã chính thức đưa ra quyết định điều tra ngành gỗ dán của Việt Nam. Quyết định này được đưa ra dựa trên cáo buộc của Liên minh Thương mại Công bằng về Gỗ dán cứng Hoa Kỳ (Coalition for Fair Trade in Hardwood Plywood) rằng một số công ty xuất gỗ dán từ Việt Nam vào thị trường này đã vi phạm điều luật về chống lẩn tránh thuế (anti-circumvention) trong khuôn khổ của Đạo luật Thuế năm 1930 của Hoa Kỳ. Cụ thể, Liên minh này cáo buộc một số công ty nhập khẩu gỗ dán có nguồn gốc từ Trung Quốc vào Việt Nam, sau giai đoạn gia công, sơ chế, lắp ghép tại đây, và mặc dù chưa đáp ứng được điều kiện xuất xứ và nhãn mác của Việt Nam, các công ty này xin chứng nhận xuất xứ (COC) từ các cơ quan chức năng của Việt Nam để xuất khẩu các sản phẩm này dưới nhãn mác của Việt Nam vào thị trường này. Quá trình điều tra của Bộ Thương mại Hoa Kỳ diễn ra trong vòng 300 ngày, bắt đầu kể từ ngày khởi xướng điều tra. Trong thời gian điều tra, Chính phủ Hoa Kỳ có thể đưa ra các mức thuế tạm thời áp dụng đối với mặt hàng này mà Việt Nam xuất vào Hoa Kỳ. Dựa trên kết luận điều tra chính thức, Chính phủ Hoa Kỳ sẽ quyết định có áp thuế chính thức hay không, và nếu có mức thuế này sẽ là bao nhiêu và áp dụng cho những nhóm đối tượng doanh nghiệp nào xuất khẩu từ Việt Nam.

Hoa Kỳ không chỉ là quốc gia duy nhất đang điều tra về mặt hàng gỗ dán của Việt Nam. Ngày 3 tháng 12 năm 2019 Ủy ban Thương mại của Hàn Quốc (KTC) cũng đã chính thức ra quyết định điều tra đối với mặt hàng gỗ dán của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường này. Quyết định điều tra được đưa ra dựa trên cáo buộc 6 công ty từ Việt Nam xuất khẩu mặt hàng này vào Hàn Quốc đã vi phạm quy định về chống bán phá giá.¹ Ngày 24 tháng 4 năm 2020, Ủy ban Thương mại Hàn Quốc công bố kết quả điều tra sơ bộ, theo đó mức thuế tạm thời được áp dụng đối với tất cả các sản phẩm gỗ dán từ Việt Nam xuất khẩu vào thị trường này sẽ ở mức 9,18 – 10,56% (tuy nhiên 6 công ty nằm trong diện điều tra có mức thuế cao hơn). Mức thuế tạm thời được áp dụng từ 29 tháng 5 tới 28 tháng 9 năm 2020. Trước đó (vào năm 2015), Bộ Kinh tế của Thổ Nhĩ Kỳ cũng chính thức điều tra mặt hàng này của Việt Nam. Ngày 28 tháng 10 năm 2016 Bộ này đã đưa ra quyết định cuối cùng về kết quả điều tra, theo đó, mức thuế 240 USD/m³ được áp dụng cho tất cả công ty không phản hồi thông tin cho cơ quan điều tra. Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ áp dụng mức thuế bằng 0 cho riêng 2 các công ty có phản hồi thông tin.² Các thông tin trên cho thấy xu hướng rủi ro trong các vụ kiện liên quan đến chống bán phá giá đối với các mặt hàng gỗ xuất khẩu từ Việt Nam ngày càng gia tăng, đặc biệt trong bối cảnh ngành gỗ Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với thị trường thế giới. Cuộc chiến thương mại Mỹ Trung làm gia tăng các rủi ro này. Trong tương lai, các doanh nghiệp gỗ Việt Nam sẽ tiếp tục phải đối mặt với các rủi ro, không chỉ đối với mặt hàng gỗ dán mà có thể đối với một số mặt hàng khác, ở các thị trường xuất khẩu khác.

Nhằm giảm rủi ro gây ra bởi các vụ kiện, thời gian vừa qua Chính phủ đã đưa một số cơ chế, chính sách quan trọng. Cụ thể, Quyết định 824/QĐ-TTg ngày 4 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Tăng cường quản lý nhà nước về chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại và gian lận xuất xứ*” yêu cầu các cơ quan chức năng tăng cường kiểm tra, quản lý các mặt hàng tiềm ẩn rủi ro,

¹ Các công ty này bao gồm SAVICO, Công ty TNHH XNK Thanh Hùng, Công ty TNHH Gỗ Yên Bái, Công ty TNHH Gỗ Rongjia, Công ty Jumma Phú Thọ, và Công ty TNHH Một thành viên Kiều Thị Jumma. Thông tin chi tiết tham khảo tại www.moef.go.kr.

² Thông tin chi tiết xem tại <https://moit.gov.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/tho-nhi-ky-dieu-tra-chong-ban-pha-gia-voi-go-dan-nhap-khau-tu-viet-nam-108113-22.html>

bao gồm mặt hàng gỗ dán được nhập khẩu từ Trung Quốc vào Việt Nam.³ Thủ tướng cũng yêu cầu xem xét các dự án đầu tư mới vào ngành. Ngày 20 tháng 8 cùng năm, Bộ Chính trị cũng ban hành Nghị quyết 50—NQ/TW nhằm nâng cao chất lượng thể chế và chính sách và hiệu quả, bao gồm cả việc giảm rủi ro, trong các hoạt động đầu tư nước ngoài.⁴ Trong bối cảnh ngành gỗ, từ năm 2018 đến nay, Nhóm nghiên cứu của các hiệp hội gỗ và Forest Trends đã đưa ra một loạt các cảnh báo về rủi ro trong gian lận thương mại và đầu tư, bao gồm cả về mặt hàng gỗ dán.⁵

Báo cáo Ngành công nghiệp Gỗ dán Việt Nam: Định vị và giảm thiểu rủi ro để phát triển bền vững trong tương lai tiếp tục cung cấp các thông tin có liên quan đến thực trạng sản xuất, nhập khẩu và xuất khẩu gỗ dán từ Việt Nam. Sử dụng phương pháp tiếp cận theo chuỗi cung, Báo cáo tiếp tục định vị các rủi ro trong các khâu của chuỗi, và một số các rủi ro khác trong các sản phẩm xuất khẩu sử dụng gỗ dán làm nguồn nguyên liệu đầu vào. Báo cáo thảo luận về các biện pháp giảm thiểu rủi ro từ các sáng kiến của doanh nghiệp và đưa ra các kiến nghị chính sách nhằm góp phần giúp ngành phát triển bền vững trong tương lai.

Thông tin trong Báo cáo được tổng hợp từ các nguồn khác nhau. Thống kê xuất nhập khẩu mặt hàng gỗ dán của Tổng cục Hải Quan cho phép xác định được thực trạng và quy mô xuất nhập khẩu mặt hàng này. Thông tin các dự án đầu tư nước vào ngành, bao gồm đầu tư vào sản xuất gỗ dán được thu thập từ Cục Đầu tư Nước ngoài. Nguồn thông tin điều tra các cơ sở sản xuất chế biến do Tổng cục Lâm nghiệp thực hiện năm 2019 cho phép xác định số lượng và phân bố của các cơ sở sản xuất tham gia trong chuỗi cung. Ngoài ra, Báo cáo còn có nguồn thông tin chia sẻ từ Chi hội gỗ dán, đại diện một số doanh nghiệp và các hộ gia đình trực tiếp tham gia một số khâu trong chuỗi cung này. Bên cạnh đó, Nhóm nghiên cứu cũng sử dụng một số con số theo ước tính của chuyên gia. Các con số thống kê về cung – cầu mặt hàng này trên thị trường thế giới được tổng hợp từ nguồn thông tin của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) dựa trên nguồn thông tin của UNCOMTRADE.

1. Tổng quan về sản xuất và thương mại gỗ dán trên thế giới

Theo con số thống kê của RAUTE, gỗ dán chủ yếu được sử dụng là nguồn nguyên liệu đầu trong các công trình xây dựng, làm ván sàn, phương tiện vận chuyển, đồ gỗ, bao bì và một số sản phẩm khác. Với sản phẩm đầu ra đa dạng, nhu cầu về sản phẩm ngày càng gia tăng. Theo con số công bố của Tạp chí Global Trade Magazine⁶ năm 2017 quy mô của thị trường toàn cầu của mặt hàng này, bao gồm tổng doanh thu của nhà sản xuất và nhà nhập khẩu đạt 72 tỉ USD. Năm 2018 quy mô thị trường của mặt hàng này tăng lên 73,9 tỉ USD, cao hơn 2,6% so với năm 2017. Trong giai đoạn năm 2007 đến 2018, tổng sản lượng gỗ dán tăng bình quân hàng năm là 4,9% mỗi năm.

³ Chi tiết Quyết định này tham khảo tại: <https://vanbanphapluat.co/quyet-dinh-824-qd-ttg-2019-chong-lan-tranh-bien-phap-phong-ve-thuong-mai-va-gian-lan-xuat-xu>

⁴ Thông tin chi tiết về Nghị quyết này tham khảo tại: <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngphi-quyet-so-50-nqtw-ngay-2082019-cua-bo-chinh-tri-ve-dinh-huong-hoan-thien-the-che-chinh-sach-nang-cao-chat-luong-hieu-qua-5629>.

⁵ Các cảnh báo này được đưa ra trong các báo cáo như: Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung: Cơ hội và rủi ro cho ngành gỗ Việt Nam (tháng 6 năm 2018), Việt Nam xuất nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ: Thực trạng 2019 và xu hướng 2020 (Tháng 2 năm 2020), Đầu tư nước ngoài trong ngành gỗ Việt Nam 2019: Thực trạng và một số khía cạnh về chính sách (tháng 2 năm 2020), Thương mại gỗ dán giữa Việt Nam với Trung Quốc và Hoa Kỳ (Tháng 8 năm 2019) và một số báo cáo khác. Tất cả các báo cáo này được công bố tại: <http://goviet.org.vn/bai-viet/bao-cao>.

⁶ <https://www.globaltrademag.com/global-plywood-market-2019-the-industry-desperately-needs-new-growth-drivers/>

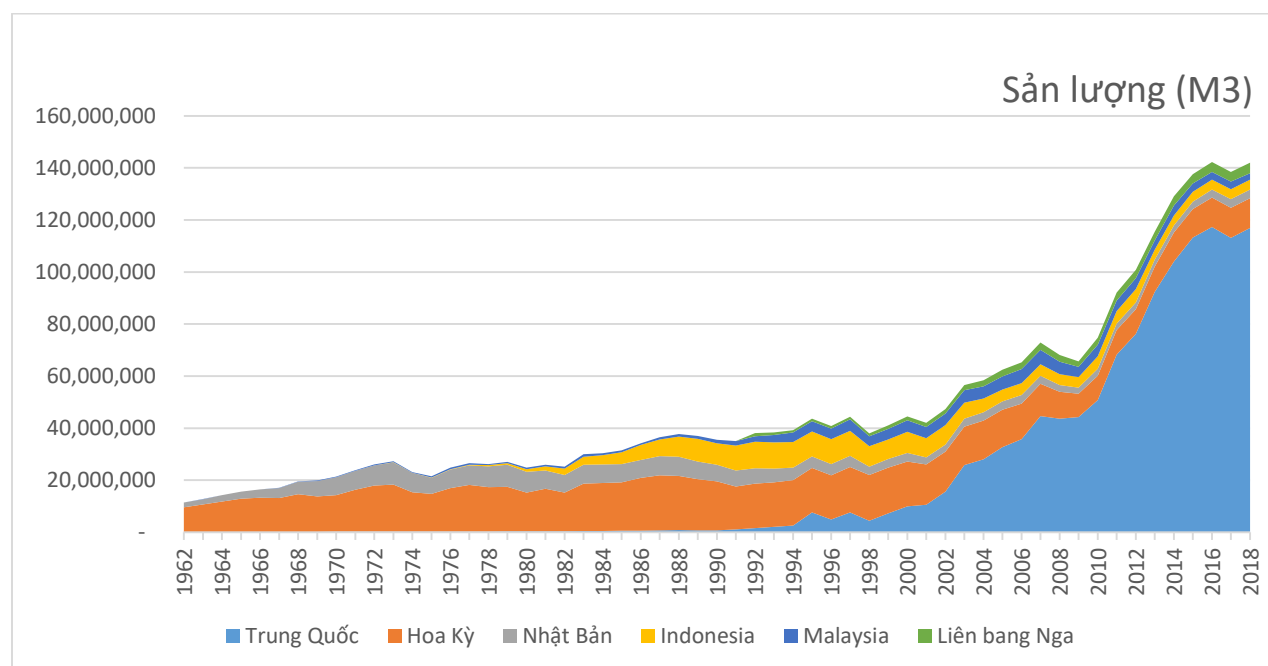
2.1. Các quốc gia sản xuất gỗ dán

Theo Tạp chí Global Trade Magazine, năm 2018, lượng cung và kim ngạch của mặt hàng hàng trên toàn thế giới đạt khoảng 160 triệu m³, tương đương giá trị kim ngạch 72,7 tỉ USD. Lượng cung này xấp xỉ lượng cung của năm 2017, tuy nhiên thấp hơn 2,8% so với lượng cung năm 2016 (165 triệu m³). Các quốc gia sản xuất gỗ dán chính bao gồm:

- Trung Quốc: Là quốc gia sản xuất gỗ dán lớn nhất trên thế giới. Năm 2018 lượng gỗ dán sản xuất từ Trung Quốc đạt khoảng 113 triệu m³, chiếm 71% tổng sản lượng toàn cầu.
- Hoa Kỳ: Năm 2018 đã sản xuất 11 triệu m³, chiếm 7% tổng sản lượng.
- Liên bang Nga: Năm 2018 đã sản xuất 4 triệu m³, chiếm 3% tổng sản lượng.
- Indonesia: Năm 2018 sản xuất 3,8 triệu m³, chiếm 2% tổng sản lượng.
- Malaysia: Năm 2018 sản xuất 2,1 triệu m³, chiếm 1% tổng sản lượng.

Hình 1 chỉ sự thay đổi sản lượng gỗ dán từ các quốc gia sản xuất chính

Hình 1. Thay đổi sản lượng gỗ dán từ các quốc gia sản xuất chính 1962-2018



Nguồn: Dữ liệu FAOSTAT ngày 2/7/2020

2.2. Các quốc gia tiêu thụ gỗ dán chính

- Trung Quốc: Là quốc gia tiêu thụ gỗ dán số một thế giới với 101 triệu m³ trong năm 2018, chiếm 64% tổng lượng tiêu thụ toàn cầu, tương đương trị giá 45,8 tỷ USD.
- Hoa Kỳ: Là quốc gia tiêu thụ lớn đứng thứ 2. Lượng tiêu thụ năm 2018 khoảng 16 triệu m³, chiếm 10% tổng lượng tiêu thụ toàn cầu, tương đương 7,3 tỷ USD.
- Nhật Bản: Lượng tiêu thụ 6,2 triệu m³, chiếm 3,9% tổng tiêu thụ toàn cầu, tương đương 2,8 tỷ USD.
- Hàn Quốc: Lượng tiêu thụ 1,6 triệu m³, chiếm 1% tổng lượng tiêu thụ, tương đương 0,7 tỷ USD .

2.3. Các quốc gia xuất khẩu gỗ dán chính

Theo Global Trade Magazine, xuất khẩu gỗ dán quy mô toàn cầu đạt khoảng 34 triệu m³ trong năm 2018, tăng 4,7% so với năm 2017.

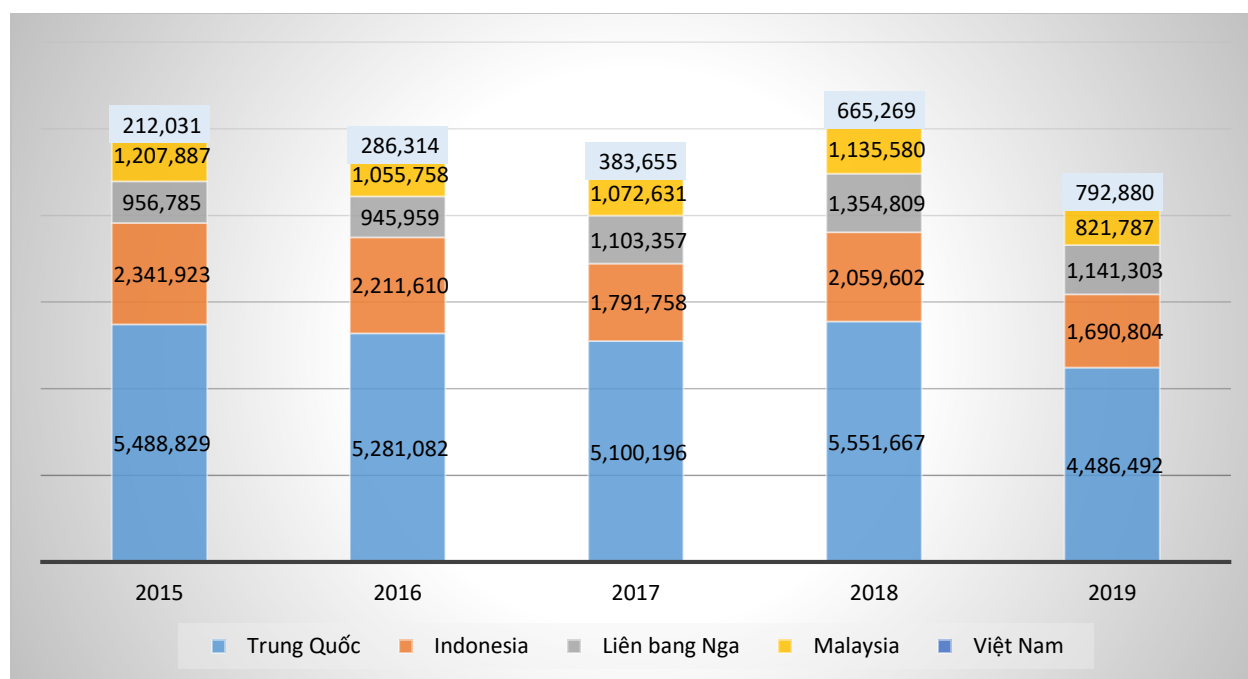
Theo con số thống kê của ITC/UN COMTRADE, xuất khẩu gỗ dán trên thế giới đạt 16,5 tỷ đô la Mỹ trong năm 2014. Từ 2015 đến 2019, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này có chiều hướng giảm nhẹ, với kim ngạch mỗi năm đạt khoảng 15 tỷ đô la. Tuy nhiên kim ngạch tăng mạnh vào năm 2018 (17,5 tỷ USD).

Hình 2 thể hiện năm quốc gia có giá trị xuất khẩu gỗ dán lớn nhất trên thế giới. Kim ngạch từ 5 nước này chiếm khoảng 60% tổng giá trị xuất khẩu mặt hàng gỗ dán toàn cầu.

- Trung Quốc: Là nhà cung cấp gỗ dán lớn nhất toàn cầu. Năm 2019, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này từ Trung Quốc đạt 4,49 tỷ USD, chiếm 30% tổng giá trị xuất khẩu mặt hàng này trên toàn cầu. Con số kim ngạch này giảm 19% so với năm 2018. Thông tin từ cơ quan Hải quan Trung Quốc chỉ ra xuất khẩu gỗ dán của nước này trong quý 1 năm 2020 là 1,85 triệu m³, giảm 85% so với cùng kỳ năm 2019⁷.
- Indonesia: Cũng là một trong những quốc gia xuất khẩu gỗ dán lớn. Kim ngạch xuất khẩu năm 2019 đạt 1,69 tỷ USD, chiếm 11% tổng giá trị xuất khẩu toàn cầu. Giá trị kim ngạch năm 2019 giảm 18% so với năm 2018.
- Nga: Xuất khẩu mặt hàng này năm 2019 đạt 1,14 tỷ USD, tương đương 8% tổng giá trị xuất khẩu toàn cầu. Kim ngạch năm 2019 giảm 16% so với năm 2018.
- Malaysia: Kim ngạch năm 2019 0,82 tỷ USD, chiếm 6% tổng giá trị xuất khẩu toàn cầu. Kim ngạch năm 2019 giảm 28% so với năm 2018.
- Việt Nam: Kim ngạch năm 2019 đạt 0,79 tỷ USD, chiếm 5% tổng giá trị xuất khẩu toàn cầu. Khác với các quốc gia khác, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam tăng 19% so với năm 2018.

⁷ <https://www.floordaily.net/flooring-news/chinese-plywood-exports-down-85-yoy-in-q1>

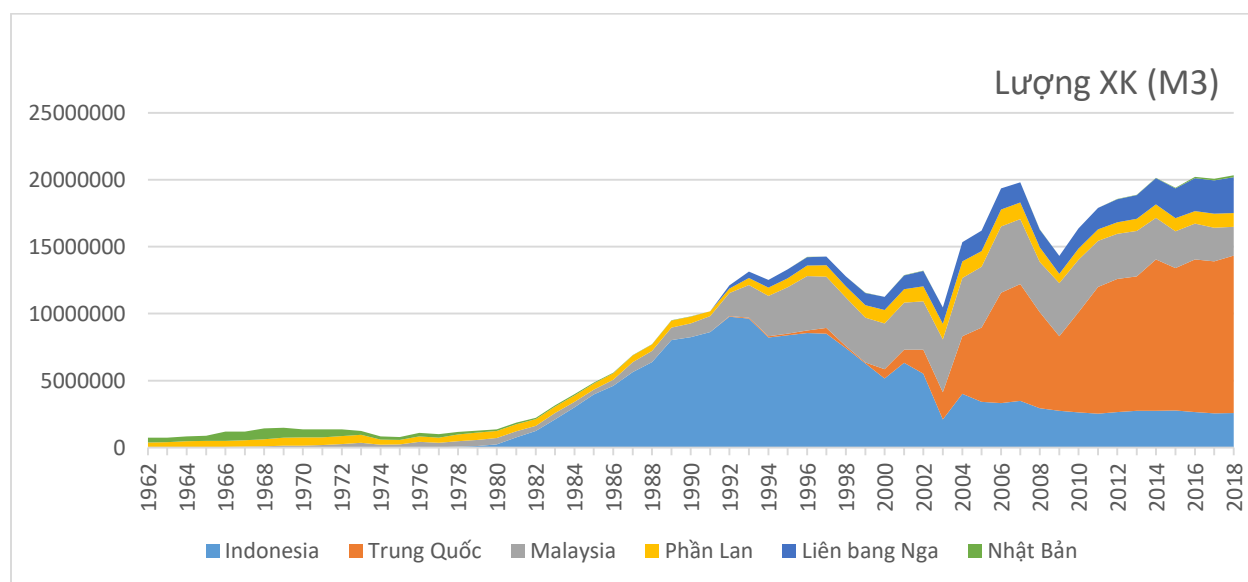
Hình 2. Giá trị xuất khẩu gỗ dán của các quốc gia xuất khẩu hàng đầu 2015 – 2019 (nghìn USD)



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê của ITC/UN COMTRADE.

Hình 3 chỉ ra sự thay đổi về lượng xuất khẩu từ các quốc gia chính, tính đến hết năm 2017. Xu hướng cho thấy Trung Quốc đã soán ngôi Indonesia – quốc gia xuất khẩu gỗ dán lớn nhất trong thập niên 80 và 90.

Hình 3. Lượng gỗ dán xuất khẩu của các quốc gia chính 1962-2018

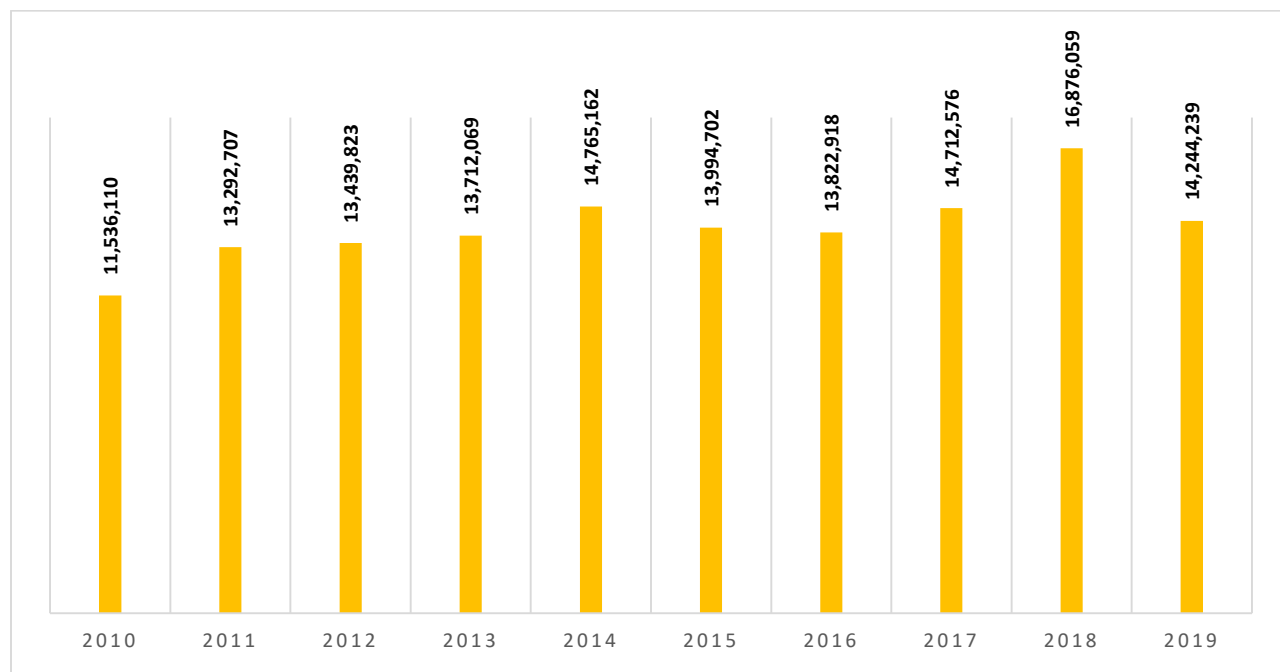


Nguồn: Dữ liệu FAOSTAT ngày 2/7/2020

2.4. Các quốc gia nhập khẩu gỗ dán lớn

Theo ITC / UN COMTRADE, năm 2018 lượng gỗ dán nhập khẩu trên toàn thế giới lên tới 32 triệu m³, tăng 5,2% so với năm 2017. Kim ngạch nhập khẩu toàn cầu trong cùng năm đạt 16,87 tỉ USD. Năm 2019, kim ngạch nhập khẩu giảm 16% so với 2018, còn 14,24 tỉ USD. Hình 4 chỉ ra sự thay đổi này.

Hình 4. Giá trị nhập khẩu gỗ dán trên thế giới trong giai đoạn 2010 – 2019 (nghìn USD)

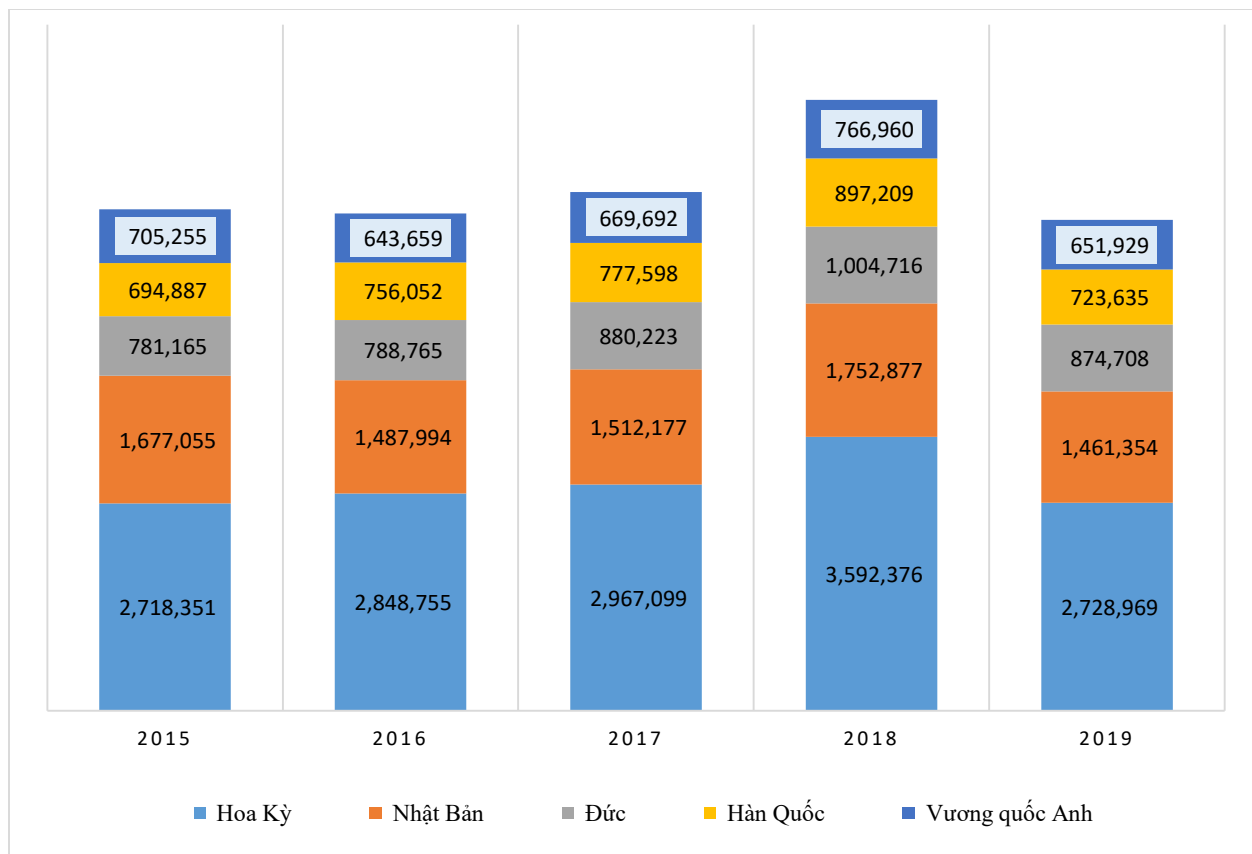


Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê của ITC /UN COMTRADE.

Năm thị trường nhập khẩu gỗ dán nhiều nhất trong năm 2019 lần lượt là Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc và Vương quốc Anh. Kim ngạch từ 5 nước này chiếm khoảng 45% tổng giá trị nhập khẩu gỗ dán toàn cầu. Năm 2019, kim ngạch nhập từ 5 quốc gia này giảm so với năm 2018. (Hình 5).

- Hoa Kỳ: Là thị trường nhập khẩu gỗ dán lớn nhất thế giới, đạt 2,72 tỉ USD trong năm 2019, chiếm 19% tổng giá trị nhập khẩu gỗ dán toàn cầu. Giá trị nhập năm 2019 giảm 24% so với năm 2018.
- Nhật Bản: Đứng thứ 2 về quy mô nhập khẩu với 1,46 tỉ USD năm 2019, chiếm 10% tổng giá trị nhập khẩu toàn cầu. Kim ngạch nhập năm 2019 giảm 17% so với năm 2018.
- Đức: Đứng thứ 3 về quy mô, đạt 0,87 tỉ USD trong năm 2019, chiếm 6% tổng giá trị nhập khẩu. Giá trị nhập năm 2019 giảm 13% so với năm 2018.
- Hàn Quốc: Đứng thứ 4, đạt 0,72 tỉ USD trong năm 2019, chiếm 5,1% tổng giá trị nhập khẩu. Kim ngạch nhập năm 2019 giảm 19% so với năm 2018.
- Vương quốc Anh: Đứng thứ 5, đạt 0,65 tỉ USD trong năm 2019, chiếm 4,6% tổng giá trị nhập khẩu. Kim ngạch nhập năm 2019 giảm 15% so với năm 2018.

Hình 5. Giá trị nhập khẩu gỗ dán của các thị trường chính trong giai đoạn 2015 – 2019 (Nghìn USD)



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê của ITC/UN COMTRADE.

Phần 3 dưới đây đi vào chi tiết một số thị trường gỗ dán chính.

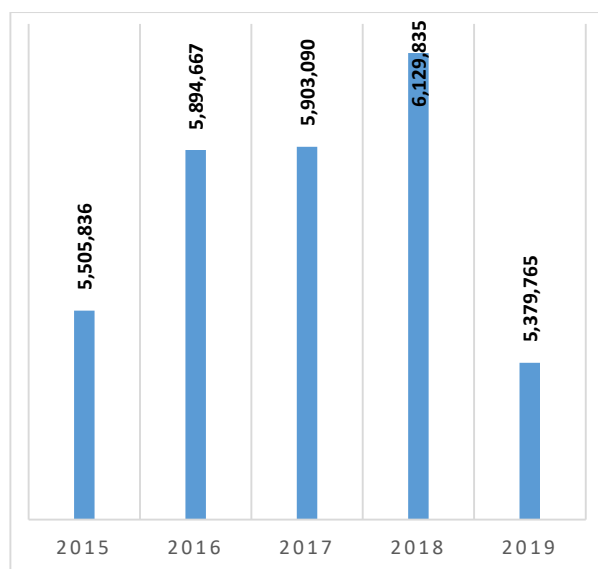
3. Chi tiết một số thị trường gỗ dán chính

3.1 Trung Quốc

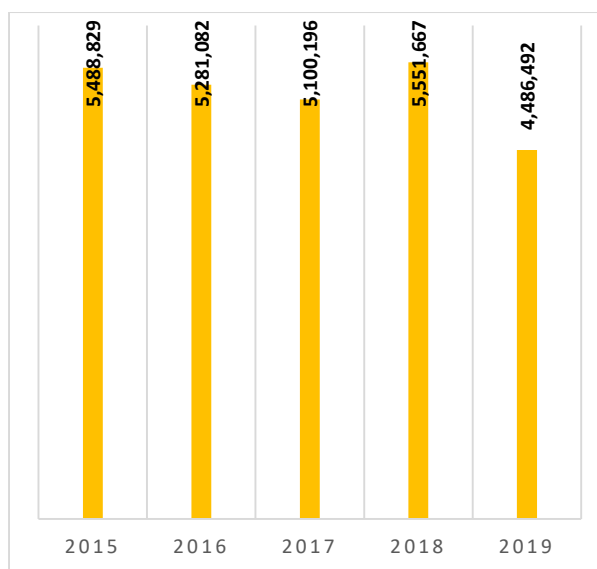
Trung Quốc được biết đến như là một cường quốc xuất khẩu gỗ dán. Hình 6, 7 chỉ ra lượng và giá trị gỗ dán Trung Quốc xuất khẩu cho thế giới trong giai đoạn 2015-2019.

Năm 2019, lượng gỗ dán Trung Quốc xuất khẩu đạt 5,37 triệu tấn, giảm 12% về lượng, tương đương 4,48 tỉ USD, giảm 19% về giá trị so với năm 2018.

Hình 6. Lượng gỗ dán Trung Quốc xuất khẩu (tấn)



Hình 7. Giá trị gỗ dán Trung Quốc xuất khẩu (000.USD)

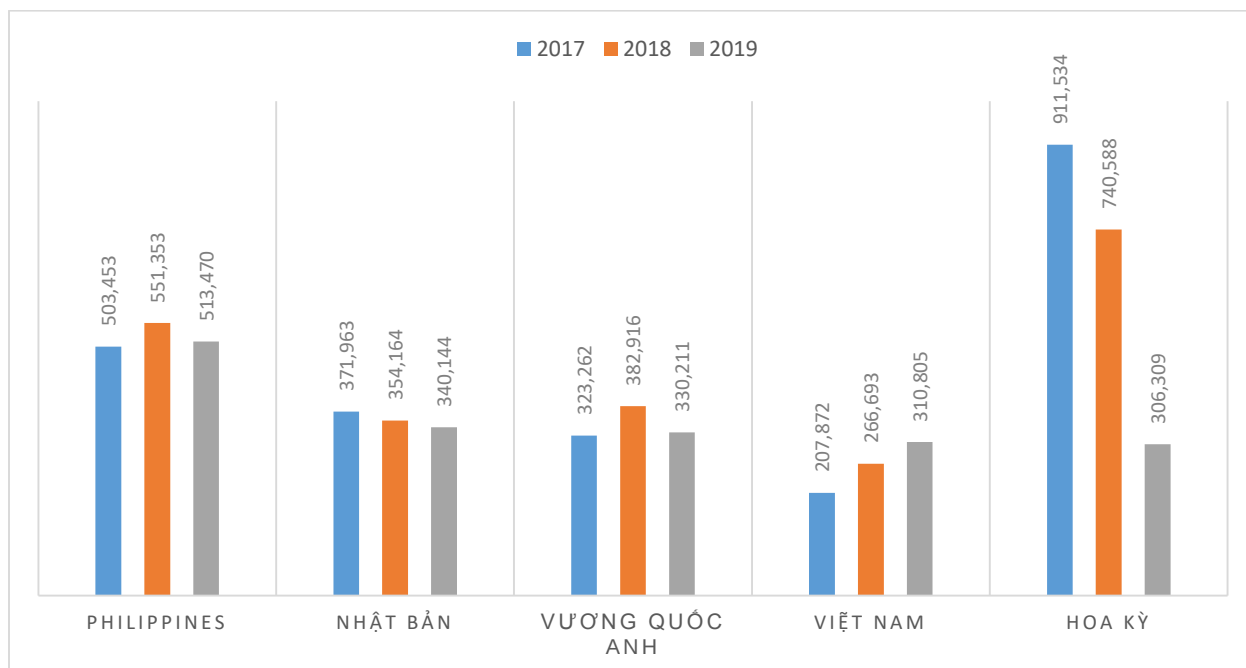


Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê của ITC/UN COMTRADE.

Thông tin từ ITC/UNCOMTRADE cho thấy thị trường nhập khẩu nhiều gỗ dán Trung Quốc là Philippines, Nhật Bản, Vương Quốc Anh, Việt Nam và Hoa Kỳ (Hình 8 & 9). Trong năm 2019, lượng và giá trị xuất khẩu gỗ dán của Trung Quốc vào năm thị trường này chiếm lần lượt là 33% và 36%. Năm 2019, lượng gỗ dán của Trung Quốc xuất vào các thị trường này như sau:

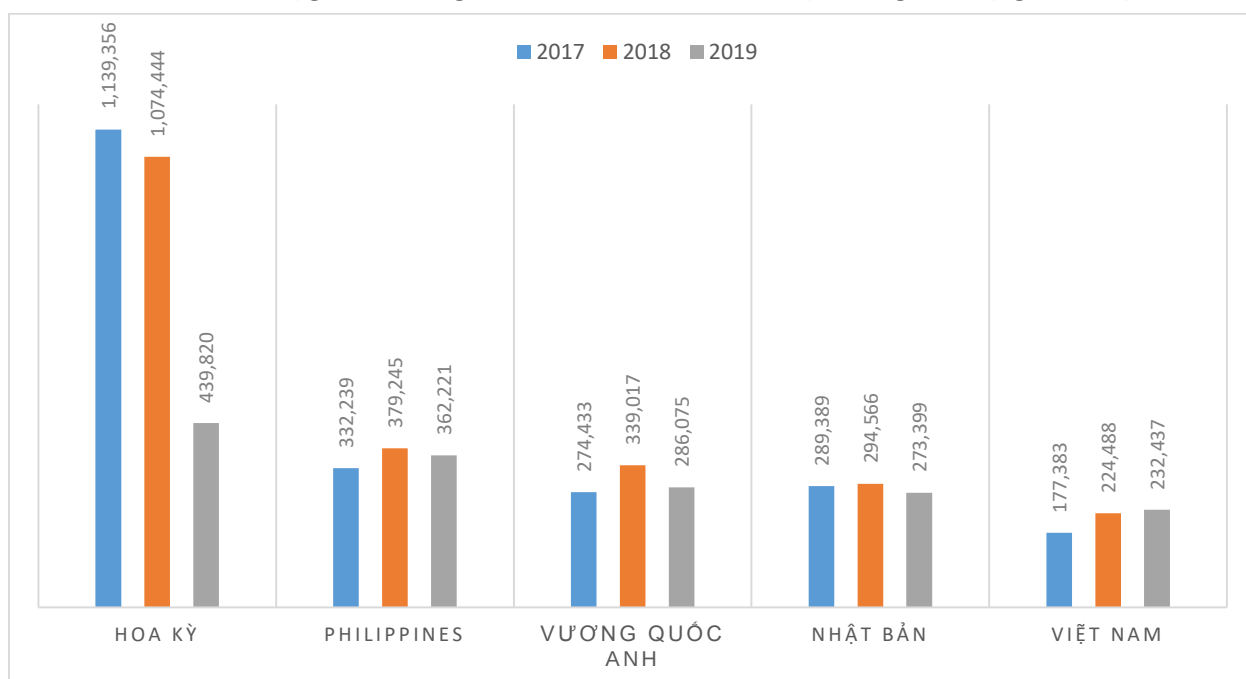
- Philippines: **513,4 ngàn tấn**, chiếm 10% tổng lượng xuất gỗ dán của Trung Quốc vào tất cả các thị trường. Lượng xuất giảm 7% so với năm 2018. Kim ngạch đạt **0,36 tỉ USD**, chiếm 8% tổng giá trị xuất gỗ dán của Trung Quốc vào tất cả các thị trường. Kim ngạch giảm 4% so với 2018.
- Hoa Kỳ: **306,3 ngàn tấn**, chiếm 6% tổng lượng xuất gỗ dán của Trung Quốc vào tất cả các thị trường. Kim ngạch xuất vào thị trường này giảm 59% so với năm 2018. Giá trị xuất **0,44 tỉ USD**, chiếm 10% tổng giá trị xuất gỗ dán của Trung Quốc vào tất cả các thị trường. Giá trị xuất khẩu vào thị trường này giảm 59% so với 2018.
- Nhật Bản: **340,1 ngàn tấn**, giảm 4% so với năm 2018, chiếm 6% tổng lượng xuất gỗ dán của Trung Quốc vào tất cả các thị trường. Kim ngạch xuất **0,27 tỉ USD**, giảm 7%, chiếm 6% tổng giá trị xuất gỗ dán của Trung Quốc vào tất cả các thị trường.
- Vương Quốc Anh: **330,2 ngàn tấn** gỗ dán, giảm 14% so với năm 2018, chiếm 6% tổng lượng xuất gỗ dán của Trung Quốc vào tất cả các thị trường. Giá trị xuất **0,28 tỉ USD**, giảm 16%, chiếm 6% tổng giá trị xuất gỗ dán của Trung Quốc vào tất cả các thị trường.
- Việt Nam: **310,8 ngàn tấn** gỗ dán, tăng 17% so với năm 2018, chiếm 6% tổng lượng xuất gỗ dán của Trung Quốc vào tất cả các thị trường.; Giá trị xuất **0,23 tỉ USD**, tăng 4%, chiếm 5% tổng giá trị xuất gỗ dán của Trung Quốc vào tất cả các thị trường.

Hình 8. Lượng gỗ dán Trung Quốc xuất khẩu theo các thị trường chính (tấn)



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê của ITC /UN COMTRADE.

Hình 9. Giá trị gỗ dán Trung Quốc xuất khẩu theo các thị trường chính (nghìn USD)



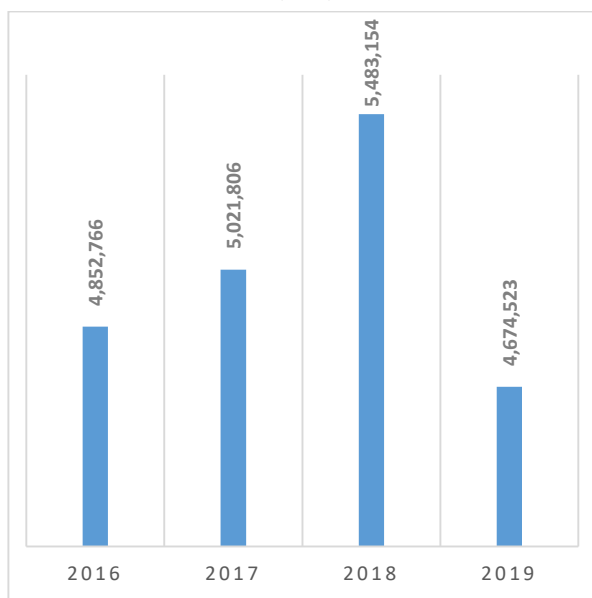
Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê của ITC /UN COMTRADE.

3.2 Hoa Kỳ

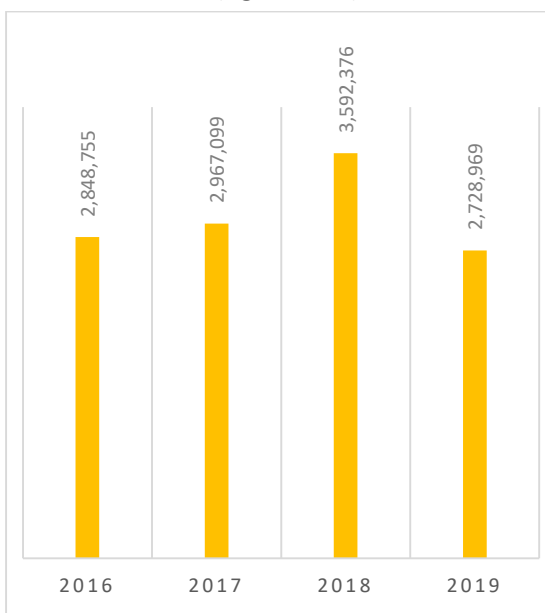
Hoa Kỳ là một thị trường khổng lồ trong việc tiêu thụ gỗ dán. Đây cũng là quốc gia nhập khẩu gỗ dán lớn nhất thế giới. Hình 10 và 11 chỉ ra lượng và giá trị gỗ dán nhập khẩu vào Hoa Kỳ trong giai đoạn 2016-2019.

Năm 2019, lượng gỗ dán nhập vào Hoa Kỳ đạt 4,67 triệu m³, tương đương 2,72 tỉ USD. So với năm 2018, lượng nhập giảm 15%, kim ngạch nhập giảm 24%.

Hình 10. Lượng gỗ dán nhập khẩu vào Hoa Kỳ
(M³)



Hình 11. Giá trị gỗ dán nhập khẩu vào Hoa Kỳ
(nghìn USD)



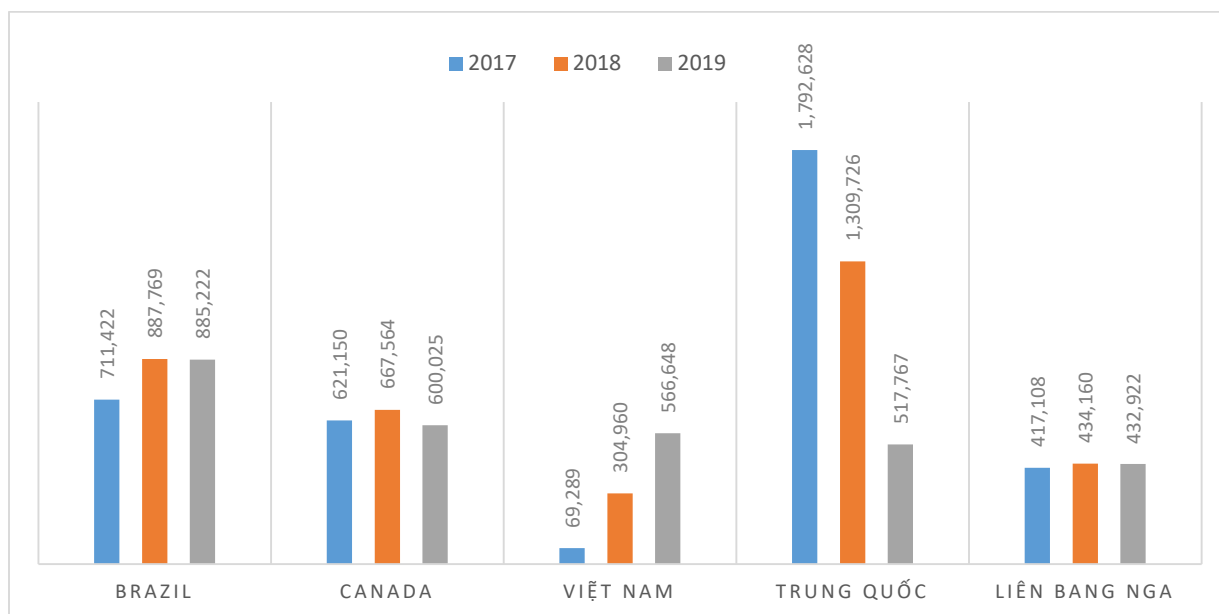
Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê của ITC/UN COMTRADE.

Các nước cung cấp gỗ dán hàng đầu vào Mỹ là Brazil, Canada, Việt Nam, Trung Quốc, và LB Nga (Hình 12, 13). Lượng cung từ 5 nước này chiếm lần lượt 64% tổng lượng gỗ dán nhập khẩu vào Hoa Kỳ. Kim ngạch từ 5 quốc gia này chiếm 63% tổng giá trị nhập khẩu gỗ dán vào Mỹ. Cụ thể:

- Brazil: **0,88 triệu m³** gỗ dán, chiếm 19% tổng lượng nhập gỗ dán vào Mỹ, giảm 0.3% về lượng so với năm 2018. Giá trị xuất **0,27 tỉ USD**, chiếm 10% tổng giá trị nhập gỗ dán vào Hoa Kỳ, giảm 20.5% so với 2018.
- Canada: **0,6 triệu m³** gỗ dán, chiếm 13% tổng lượng nhập gỗ dán vào Mỹ, giảm 10% về lượng so với năm 2018. Kim ngạch xuất **0,33 tỉ USD**, chiếm 12% tổng giá trị nhập gỗ dán vào thị trường này, giảm 3% giá trị.
- Việt Nam: **0,56 triệu m³** gỗ dán, chiếm 12% tổng lượng nhập gỗ dán vào Mỹ, tăng 86% về lượng so với năm 2018. Giá trị xuất **0,36 tỉ USD**, chiếm 13% tổng giá trị nhập gỗ dán vào Mỹ, tăng 68% giá trị.
- Trung Quốc: **0,51 triệu m³** gỗ dán, chiếm 11% tổng lượng nhập gỗ dán vào Mỹ, giảm 60% về lượng so với năm 2018. Kim ngạch xuất **0,46 tỉ USD**, chiếm 17% tổng giá trị nhập gỗ dán vào Hoa Kỳ, giảm 58,8% giá trị.

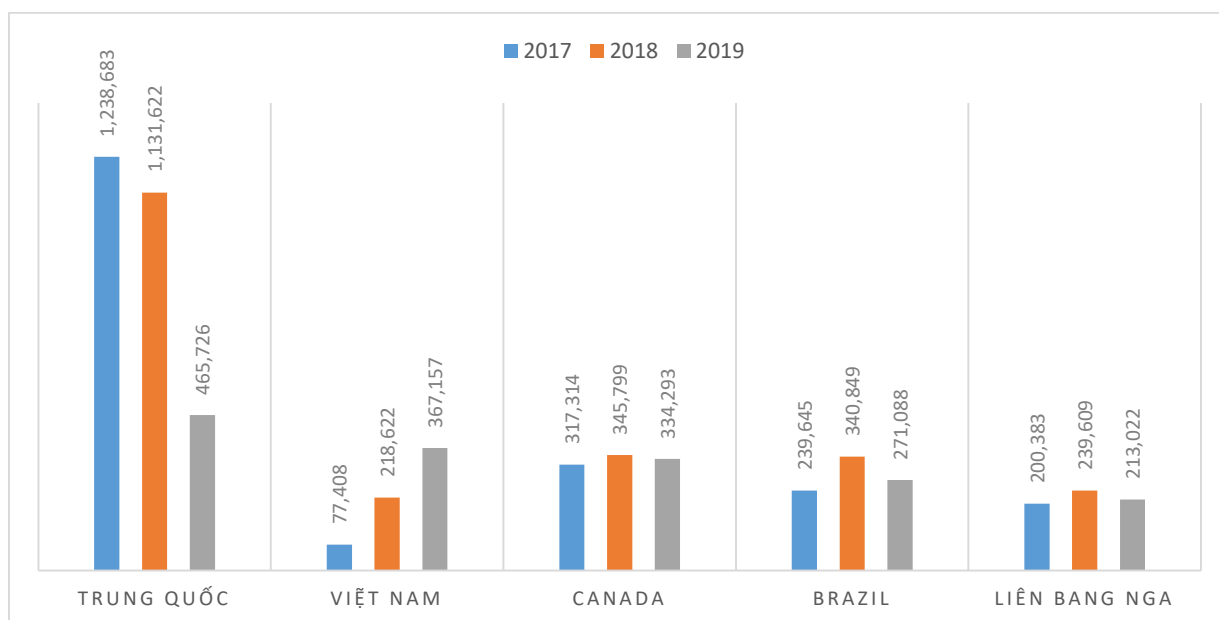
- LB Nga: **0,43 triệu m3** gỗ dán, chiếm 9% tổng lượng nhập gỗ dán vào Mỹ, giảm 0.3% về lượng so với năm 2018. Kim ngạch xuất **0,23 tỉ USD**, chiếm 8% tổng giá trị nhập gỗ dán vào Hoa Kỳ, giảm 11,1% giá trị.

Hình 12. Lượng gỗ dán nhập vào Hoa Kỳ từ các nước cung cấp chính (M3)



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê của ITC /UN COMTRADE.

Hình 13 Giá trị gỗ dán nhập vào Hoa Kỳ từ các nước cung cấp chính (nghìn USD)



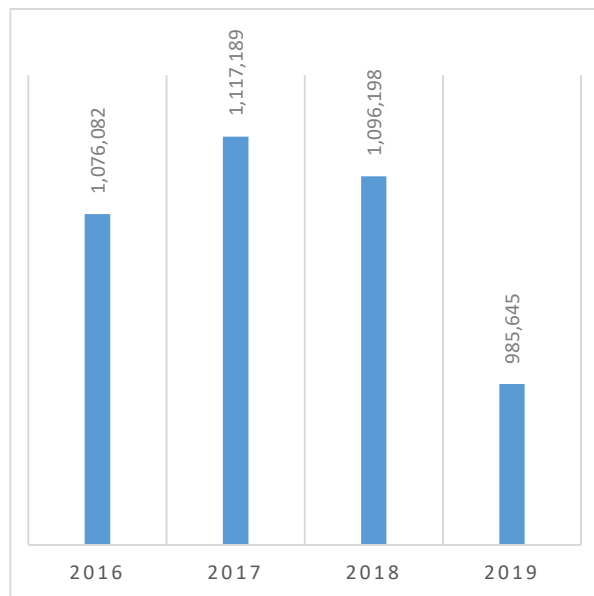
Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê của ITC /UN COMTRADE.

3.3 Hàn Quốc

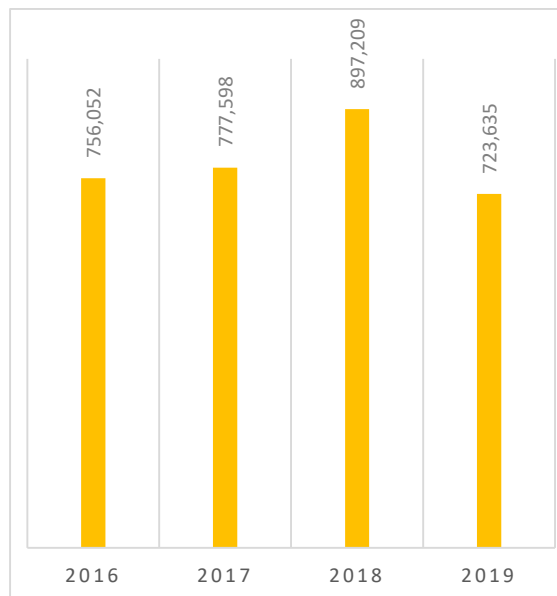
Hàn Quốc là nước có nhu cầu tiêu thụ gỗ dán tăng nhanh trong những năm gần đây. Hình 14 và 15 chỉ ra lượng và giá trị gỗ dán nhập khẩu vào thị trường này trong giai đoạn 2016-2019.

Năm 2019, lượng gỗ dán nhập vào Hàn Quốc đạt 0,98 triệu tấn, tương đương 0,72 tỉ USD. So với 2018, lượng và kim ngạch nhập giảm lần lượt là 10% và 19%.

Hình 14. Lượng gỗ dán nhập khẩu vào Hàn Quốc (tấn)



Hình 15. Giá trị gỗ dán nhập khẩu vào Hàn Quốc (000.USD)



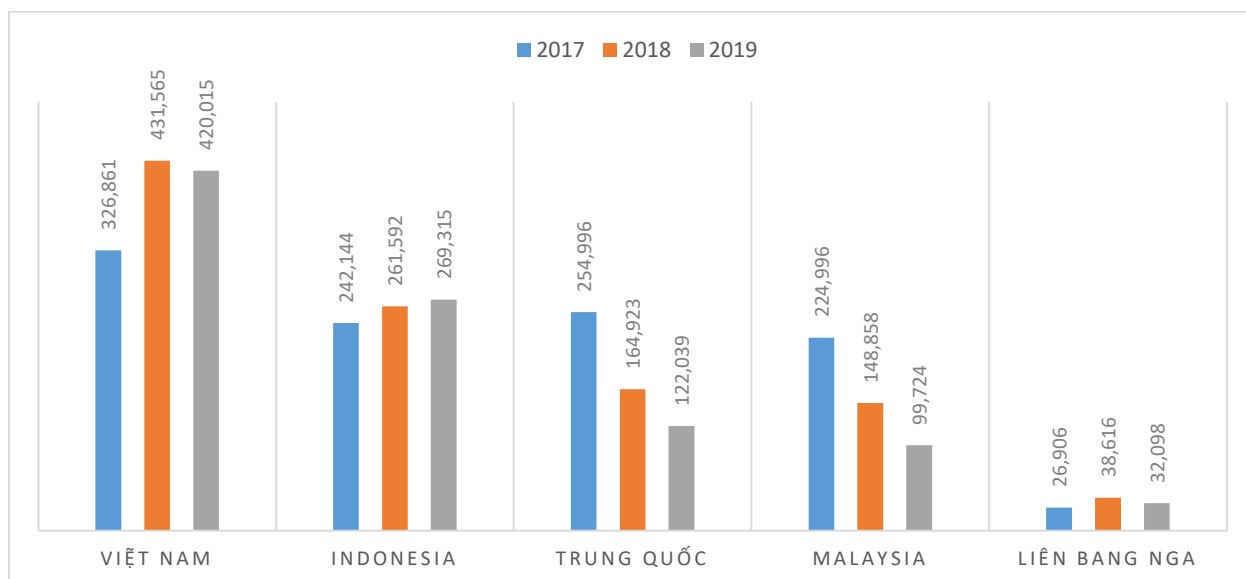
Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê của ITC /UN COMTRADE.

Các nước cung cấp gỗ dán hàng đầu vào Hàn Quốc gồm Việt Nam, Indonesia, Trung Quốc, Malaysia và Liên bang Nga (Hình 16, hình 17). Lượng cung từ 5 nước này chiếm 96% tổng lượng gỗ dán nhập khẩu vào Hàn Quốc. Giá trị kim ngạch từ 5 nước cùng chiếm khoảng 90% tổng giá trị nhập khẩu gỗ dán vào thị trường này. Các quốc gia cung gỗ dán chính cho Hàn Quốc năm 2019 bao gồm

- Việt Nam: **0,42 triệu tấn**, chiếm 43% tổng lượng nhập gỗ dán vào Hàn Quốc, giảm 2,7% so với năm 2018. Giá trị xuất gần **0,22 tỉ USD**, chiếm 30% tổng giá trị nhập gỗ dán vào Hàn Quốc, giảm 6% giá trị.
- Indonesia: **0,27 triệu tấn** gỗ dán, chiếm 27% tổng lượng nhập gỗ dán vào Hàn Quốc, tăng 3% so với năm 2018. Kim ngạch xuất gần **0,27 tỉ USD**, chiếm 33% tổng giá trị nhập gỗ dán vào thị trường này, giảm 13.7% so với 2018.
- Trung Quốc: **0,12 triệu tấn** gỗ dán, chiếm 12% tổng lượng nhập gỗ dán vào Hàn Quốc, giảm 26% so với năm 2018. Giá trị xuất **0,087 tỉ USD**, chiếm 12% tổng giá trị nhập gỗ dán vào Hàn Quốc, giảm 32% so với 2018.

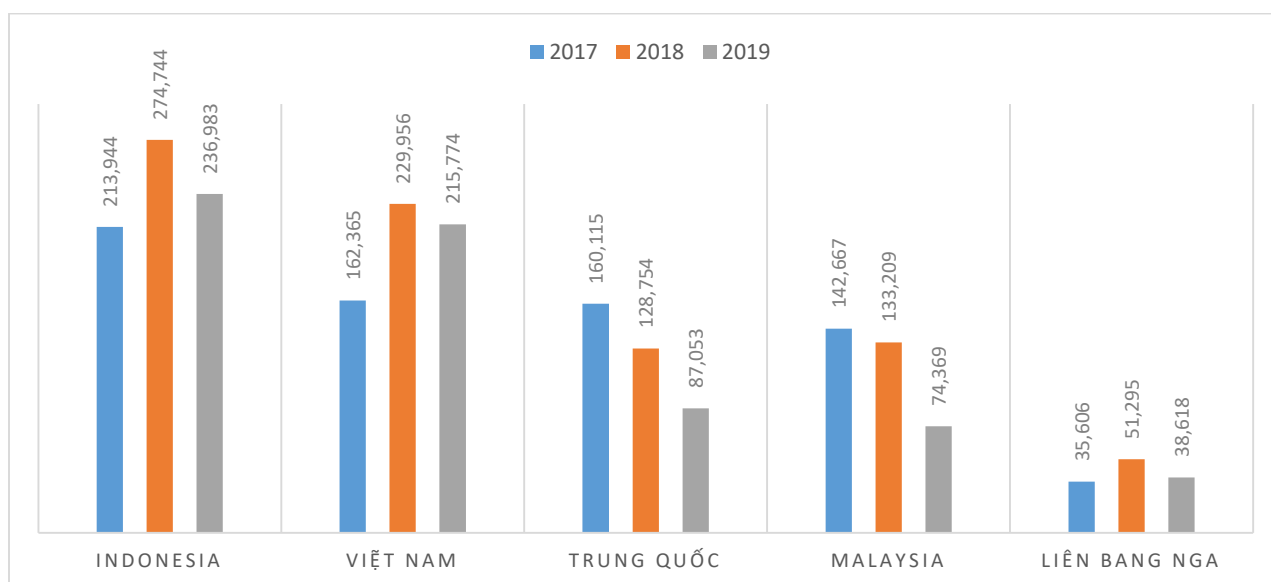
- Malaysia: **0,1 triệu tấn** gỗ dán, chiếm 10% tổng lượng nhập gỗ dán vào Hàn Quốc, giảm 33% so với năm 2018. Kim ngạch xuất **0,07 tỉ USD**, chiếm 10% tổng giá trị nhập gỗ dán vào Hàn Quốc, giảm 44%.
- Liên bang Nga: **0,03 triệu tấn** gỗ dán, chiếm 3% tổng lượng nhập gỗ dán vào Hàn Quốc, giảm 16.9% so với năm 2018. Kim ngạch xuất gần **0,04 tỉ USD**, chiếm 5% tổng giá trị nhập gỗ dán vào Hàn Quốc, giảm 24.7%.

Hình 16. Lượng gỗ dán nhập vào Hoa Kỳ từ các nước cung cấp chính (M3)



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê của ITC /UN COMTRADE.

Hình 17. Giá trị gỗ dán nhập vào Hoa Kỳ từ các nước cung cấp chính (nghìn USD)



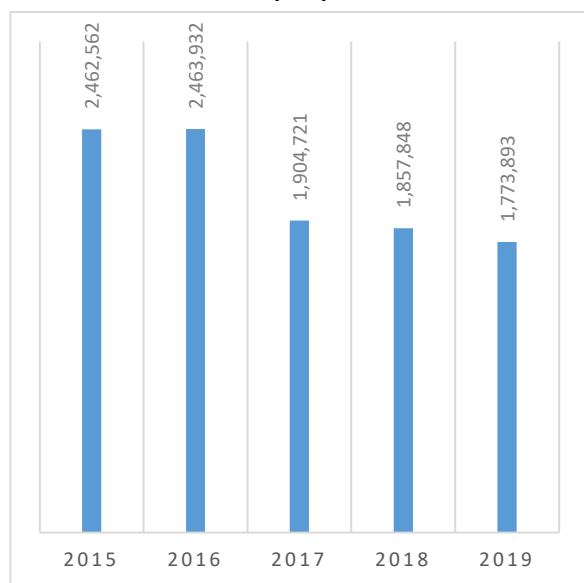
Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê của ITC /UN COMTRADE.

3.4 Indonesia

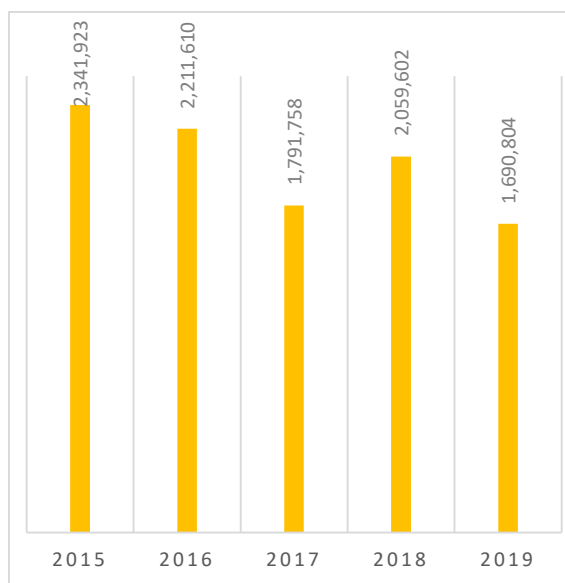
Indonesia là một trong những nước cung cấp gỗ dán hàng đầu thế giới. Hình 18 và 19 cho thấy lượng và giá trị gỗ dán Indonesia xuất khẩu vào các thị trường toàn cầu trong giai đoạn 2015-2019.

Năm 2019, lượng gỗ dán Indonesia xuất khẩu đạt gần 1,8 triệu tấn, tương đương 1,7 tỉ USD. Lượng và kim ngạch xuất khẩu giảm lần lượt là 5% và 18% so với năm 2018.

**Hình 18. Lượng gỗ dán Indonesia xuất khẩu
(tấn)**



**Hình 19. Giá trị gỗ dán Indonesia xuất khẩu
(nghìn USD)**

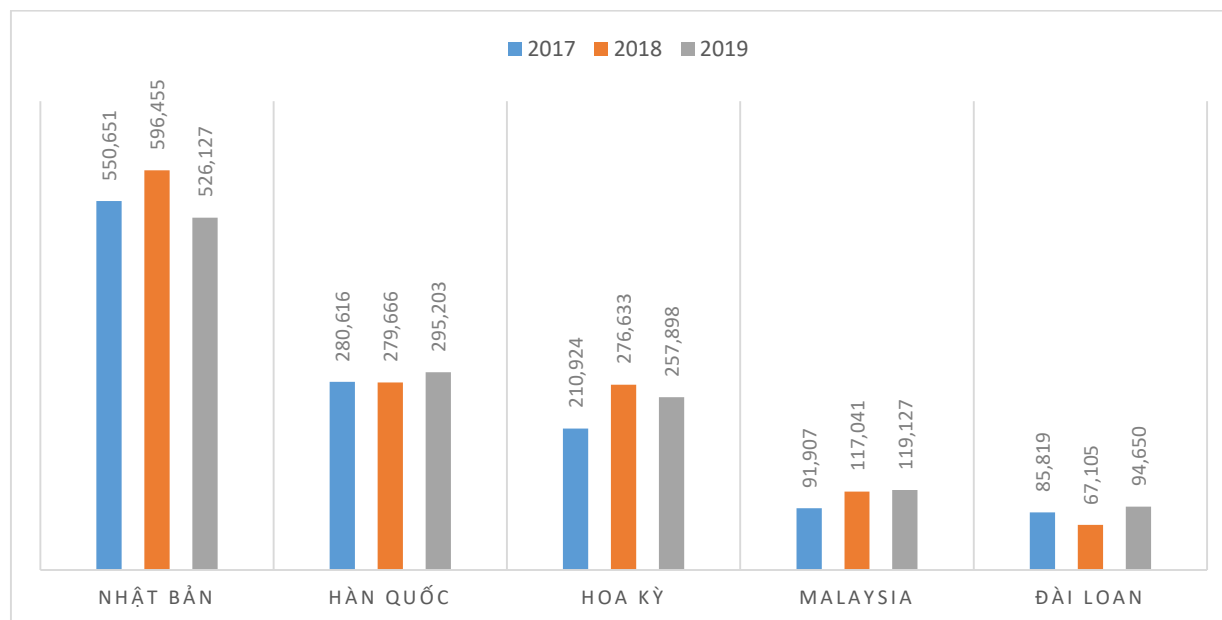


Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê của ITC /UN COMTRADE.

Các thị trường nhập khẩu nhiều gỗ dán từ Indonesia là Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Malaysia và Đài Loan (Hình 20 và hình 21). Lượng nhập từ năm thị trường này chiếm 73% tổng lượng và giá trị xuất khẩu gỗ dán của Indonesia. Năm 2019 lượng xuất cụ thể của Indonesia vào các thị trường chính này như sau:

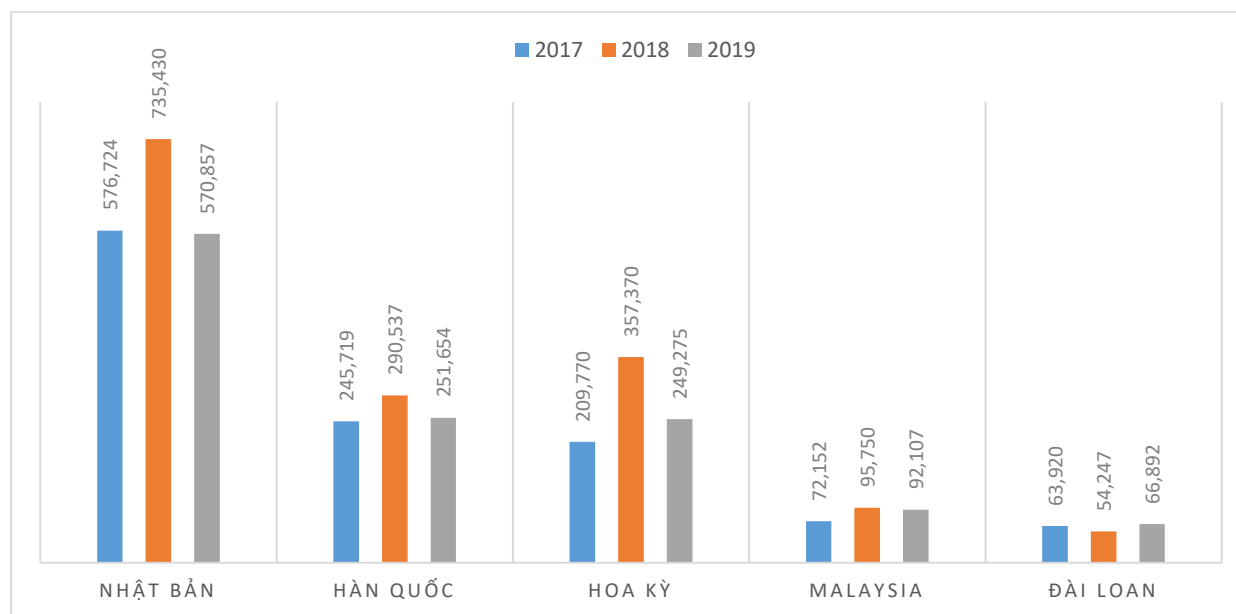
- Nhật Bản: **526,1 ngàn tấn**, chiếm 30% tổng lượng gỗ dán của Indonesia xuất vào tất cả các thị trường. Lượng xuất vào thị trường này giảm 11,8% so với năm 2018. Kim ngạch xuất **0,57 tỉ USD**, giảm chiếm 34% tổng giá trị xuất gỗ dán của Indonesia vào tất cả các thị trường, 22% so với 2018.
- Hàn Quốc: **295,2 ngàn tấn**, chiếm 17% tổng lượng xuất gỗ dán của Indonesia vào tất cả các thị trường. Lượng xuất tăng 6% so với năm 2018. Kim ngạch xuất **0,25 tỉ USD**, chiếm 15% tổng giá trị xuất gỗ dán của Indonesia vào tất cả các thị trường, giảm 13%.
- Hoa Kỳ: **257,9 ngàn tấn**, chiếm 15% tổng lượng xuất gỗ dán của Indonesia vào tất cả các thị trường, giảm 7% so với năm 2018. Giá trị xuất **0,25 tỉ USD**, chiếm 15% tổng giá trị xuất gỗ dán của Indonesia vào tất cả các thị trường, giảm 30%.
- Malaysia: **119,1 ngàn tấn**, chiếm 7% tổng lượng xuất gỗ dán của Indonesia vào tất cả các thị trường, tăng 2% so với năm 2018. Giá trị xuất **0,09 tỉ USD**, chiếm 5% tổng giá trị xuất gỗ dán của Indonesia vào tất cả các thị trường, giảm 4%.
- Đài Loan: **91,6 ngàn tấn**, chiếm 5% tổng lượng xuất gỗ dán của Indonesia vào tất cả các thị trường, tăng 41% so với năm 2018. Giá trị xuất **0,07 tỉ USD**, chiếm 4% tổng giá trị xuất gỗ dán của Indonesia vào tất cả các thị trường, tăng 23,3%.

Hình 20. Lượng gỗ dán Indonesia xuất khẩu theo các thị trường chính (tấn)



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê của ITC /UN COMTRADE.

Hình 21. Giá trị gỗ dán Indonesia xuất khẩu theo các thị trường chính (nghìn USD)



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê của ITC /UN COMTRADE.

Trong những năm gần đây Việt Nam đã trở thành một trong những nguồn cung gỗ dán quan trọng trên thế giới. Phần 4 dưới đây sẽ đưa ra một số thông tin về ngành này tại Việt Nam.

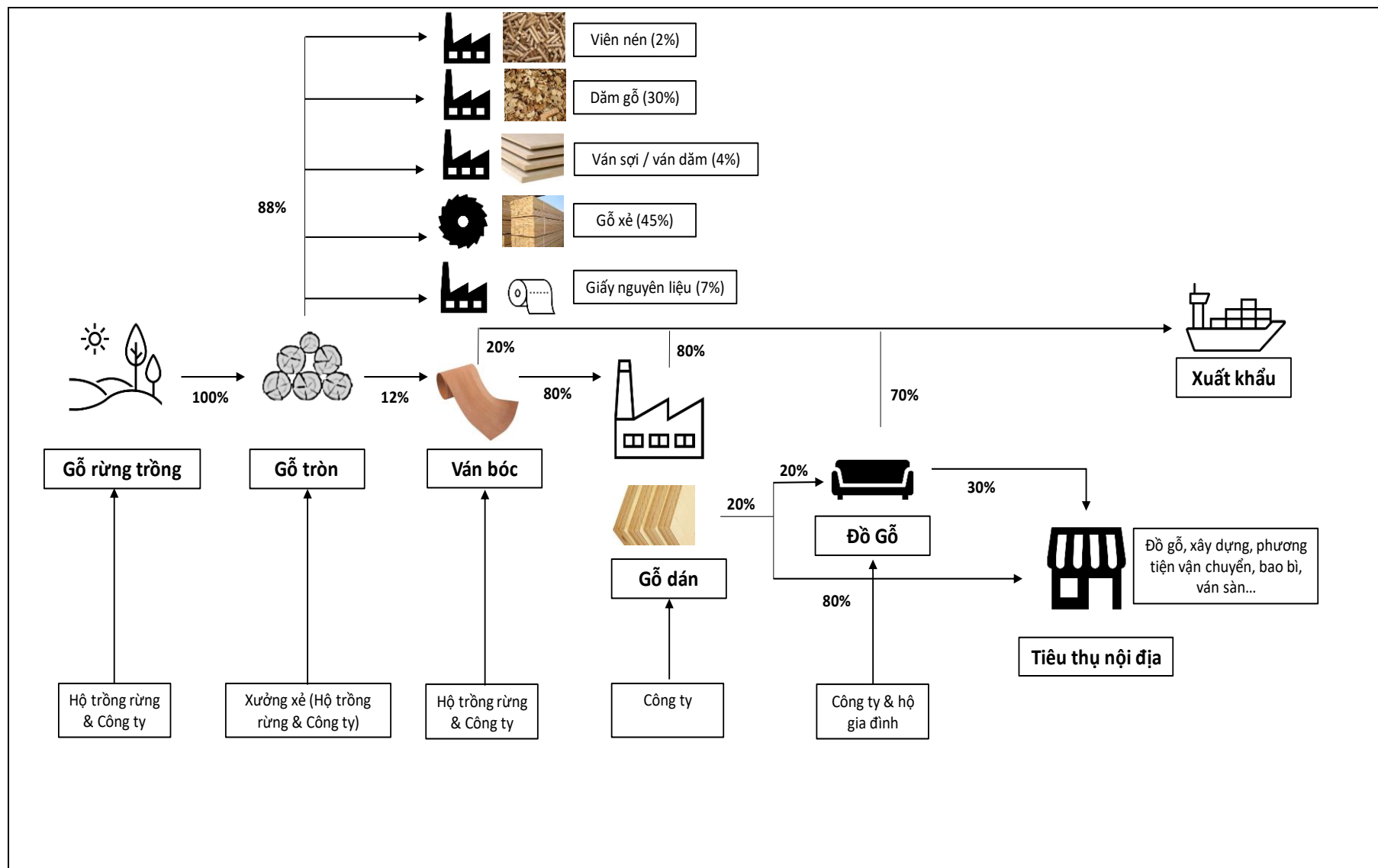
4. Sản xuất và thương mại gỗ dán tại Việt Nam

Gỗ dán hiện là nguồn gỗ nguyên liệu đầu vào quan trọng của nhiều mặt hàng đồ gỗ khác nhau. Gỗ được sử dụng làm các tấm chắn trong các công trình xây dựng, sử dụng làm ván sàn, tường nhà, lót container đựng hàng hóa, bao bì hàng hóa, đồ gỗ, và một số sản phẩm khác. Ở Việt Nam, đầu vào của gỗ dán là nguồn gỗ rừng trồng, chủ yếu là gỗ keo từ các hộ gia đình và các công ty. Một phần nguyên liệu đầu vào là gỗ cao su, hoặc từ các nguồn cây phân tán. Gỗ tròn từ nguồn này được đưa vào các cơ sở làm ván bóc, thuộc sở hữu của hộ gia đình và từ các công ty. Các miếng ván bóc sau đó được kết dính lại nhau, tạo ra gỗ dán. Gỗ dán sau đó đưa vào xuất khẩu (80% tổng lượng cung) và làm nguồn nguyên liệu đầu vào cho các nhóm mặt hàng đồ gỗ khác.

Hình 22 mô tả chuỗi cung gỗ dán hiện nay.

Theo ước tính của Nhóm nghiên cứu của các hiệp hội gỗ và Forest Trends (sau đây được gọi là Nhóm nghiên cứu), năm 2019 tổng sản lượng gỗ dán sản xuất trong nước đạt khoảng 3,07 triệu m³. Khoảng 66% trong số này (2,03 triệu m³) được xuất khẩu trực tiếp. Phần còn lại được sử dụng trong nước. Phần dưới đây sẽ đi vào các khâu khác nhau của chuỗi cung gỗ dán này.

Hình 22. Chuỗi cung gỗ dán tại Việt Nam



4.1. Khâu nguyên liệu gỗ đầu vào

Theo con số thống kê của Cục Kiểm lâm, hiện Việt Nam có 3,53 triệu ha rừng trồng là rừng sản xuất⁸. Theo ước tính của Nhóm nghiên cứu, dựa trên các con số về các mặt hàng gỗ xuất khẩu, như dăm gỗ, đồ gỗ, và dựa trên ước tính về nguồn gỗ nguyên liệu tiêu thụ trong nước, hàng năm nguồn gỗ nguyên liệu rừng trồng trong nước cung cấp trên 38 triệu m³ gỗ bình quân mỗi năm cho ngành chế biến gỗ. Con số này bao gồm khoảng trên 30,5 triệu m³ gỗ rừng trồng, chủ yếu là keo, gần 4 triệu m³/năm gỗ cao su và trên 3,5 triệu m³ gỗ từ nguồn cây phân tán.

Hiện có khoảng 1,1 triệu hộ gia đình (HGD) tham gia vào khâu trồng rừng. Con số này chưa bao gồm khoảng trên 263.000 hộ trồng cao su (Trần Thúy Hoa và cộng sự, 2018).

Khoảng 85-90% gỗ đưa vào làm ván bóc là keo và bạch đàn (chủ yếu là keo). Phần còn lại (10-15%) là gỗ cao su, gỗ thông và cây phân tán.

Gỗ tròn đưa vào làm ván bóc thường có đường kính từ 10 cm trở lên.

4.2. Khâu sản xuất ván bóc

Theo ước tính từ các chuyên gia và Nhóm nghiên cứu, hàng năm trung bình có khoảng 12% tổng lượng gỗ từ nguồn rừng trồng, gỗ cao su và cây phân tán, tương đương với 5,7 triệu m³ được đưa vào làm ván bóc.⁹ Hầu hết lượng cung này là từ các HGD.

Hộ gia đình và công ty là 2 nhóm đối tượng tham gia trực tiếp vào khâu sản xuất ván bóc. Con số thống kê của Tổng cục Lâm nghiệp cho thấy đến hết năm 2019 cả nước có 135 công ty và 810 HGD tham gia vào sản xuất ván bóc phục vụ cho sản xuất gỗ dán.¹⁰ Theo khảo sát của Nhóm nghiên cứu, để hình thành một cơ sở sản xuất ván bóc, nguồn vốn đầu tư cần tối thiểu khoảng 1 tỷ đồng. Nguồn vốn này chủ yếu được sử dụng để mua máy móc, lắp đặt hệ thống điện ba pha và trạm biến thế, xây dựng nhà xưởng.

Với mức yêu cầu đầu tư không cao, nhiều hộ gia đình và cơ sở kinh doanh có thể đáp ứng được yêu cầu đầu tư. Kết quả là một lượng đông đảo các hộ và công ty tham gia vào khâu này. Các công ty và HGD hoạt động sản xuất ván bóc tập trung chủ yếu ở khu vực Đông Bắc. Lý do vùng này tập trung nhiều các cơ sở sản xuất ván bóc là bởi khoảng gần 36% diện tích rừng trồng của cả nước, tương đương với 1,56 triệu ha, tập trung ở vùng này.¹¹

Bảng 1 thống kê con số các công ty và hộ gia đình tham gia vào sản xuất và kinh doanh ván bóc phân theo vùng kinh tế.

Bảng 1. Hộ gia đình và công ty tham gia vào sản xuất và kinh doanh ván bóc

Vùng	Hộ gia đình	Công ty
Bắc Trung Bộ		7
Đông Bắc	803	102
Đông Nam Bộ	2	17

⁸ http://www.kieclam.org.vn/Desktop.aspx/List/So-lieu-dien-bien-rung-hang-nam/NAM_2019/

⁹ Khoảng 88% trong tổng lượng cung còn lại đi vào các khâu như dăm gỗ (30%), gỗ xẻ (45%), ván sợi, ván dăm (4%), viên nén (2%) và nguyên liệu giấy (7%).

¹⁰ Thống kê của Tổng cục Lâm nghiệp năm 2019 cũng cho thấy tổng số HGD trong cả nước tham gia vào khâu chế biến gỗ là khoảng 12.270 hộ và tổng số công ty tham gia vào khâu này là 5.238.

¹¹ Theo Quyết định số 1423/QĐ-BNN-TCLN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ngày 15 tháng 4 năm 2020 Công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2019, tổng diện tích rừng trồng cả nước là khoảng 4,3 triệu ha, trong đó bao gồm 3,5 triệu ha là rừng sản xuất. Quyết định này không chi tiết hóa diện tích rừng sản xuất tại các vùng khác nhau. Chi tiết xem tại: <http://tongcuclamnghiep.gov.vn/content/uploads/files/Hien%20trang%20rung%202019.pdf>.

Đồng bằng Sông Hồng	1	1
Tây Bắc	4	1
Nam Trung Bộ/Duyên Hải		5
Tây Nguyên		2
Tổng	810	135

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê của Tổng cục Lâm nghiệp năm 2019.

Khi cây đã đến tuổi khai thác, các hộ và hợp tác xã, công ty có nguồn gỗ rừng trồng – nguồn gỗ là do các đơn vị này tổ chức trồng rừng (sau đây được gọi là công đoạn 1), bán gỗ tròn cho khối tư thương, có thể là cá nhân hoặc tổ chức (công đoạn 2). Theo quy định hiện hành, các hộ/HTX/Công ty bán gỗ tự khai báo để đảm bảo nguồn gỗ là của mình¹², được khai thác từ diện tích đất mà mình là người sử dụng hợp pháp. Hộ/HTX/Công ty này bán gỗ không phải đóng thuế giá trị gia tăng hay bất kể một loại thuế hoặc phí nào khác khi bán gỗ của mình¹³.

Pháp luật hiện hành cũng quy định các loại thuế, phí khác nhau đối với các giao dịch từ công đoạn 2 tới các công đoạn tiếp theo. Mức thuế, phí này phụ thuộc vào người bán là tổ chức hay cá nhân. Cụ thể, nếu người mua trong công đoạn 2 là HGD, và hộ này bán gỗ tròn cho người mua trong công đoạn 3 là HGD khác thì HGD trong công đoạn 2 phải nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) là 1% và thêm vào đó là 0,5% thuế thu nhập cá nhân.

Nếu người mua trong công đoạn 2 là công ty thương mại/HTX có hình thức khấu, và công ty này bán gỗ tròn cho người mua là một công ty khác (trong công đoạn 3) thì công ty thương mại trong bước 2 phải trả GTGT là 10%.

Khi cá nhân hoặc tổ chức trong công đoạn 3 (khâu sản xuất ra ván bóc) bán ván bóc bán cho đơn vị sản xuất gỗ dán (công đoạn 4) thì các đơn vị bán ván trong bước 3 phải đóng thuế GTGT được quy định theo loại hình của từng đối tượng.

Khoảng 80% lượng ván bóc được sản xuất trong công đoạn 4 được đưa vào sản xuất gỗ dán (công đoạn 5). Phần còn lại (20%) được các công ty trong công đoạn 4 trực tiếp xuất khẩu.

Phụ lục 1 liệt kê một số quy định liên quan hoạt động thương mại gỗ rừng trồng và các sản phẩm đầu vào cho hoạt động sản xuất gỗ dán. Phụ lục này cũng chỉ ra mối quan hệ giữa các bên liên quan trong khâu thu mua, sơ chế trong hoạt động thương mại và sản xuất gỗ dán và các mức thuế (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập) được áp dụng cho các bên liên quan. Nhìn chung, các quy định hiện nay rất phức tạp, gây ra khó khăn trong quá trình áp dụng, và cũng phát sinh các rủi ro trong các công đoạn nêu trên nói riêng và cho cả chuỗi cung xuất khẩu nói chung. Phần 8 sẽ thảo luận chi tiết về khía cạnh này.

4.3. Khâu sản xuất gỗ dán

Hình 23 chỉ ra các khâu chi tiết trong việc sản xuất gỗ dán. Từ ván bóc, các công việc tiếp theo bao gồm ghép, dán keo, ép nóng lạnh, chà nhám... để ra sản phẩm cuối cùng là gỗ dán.

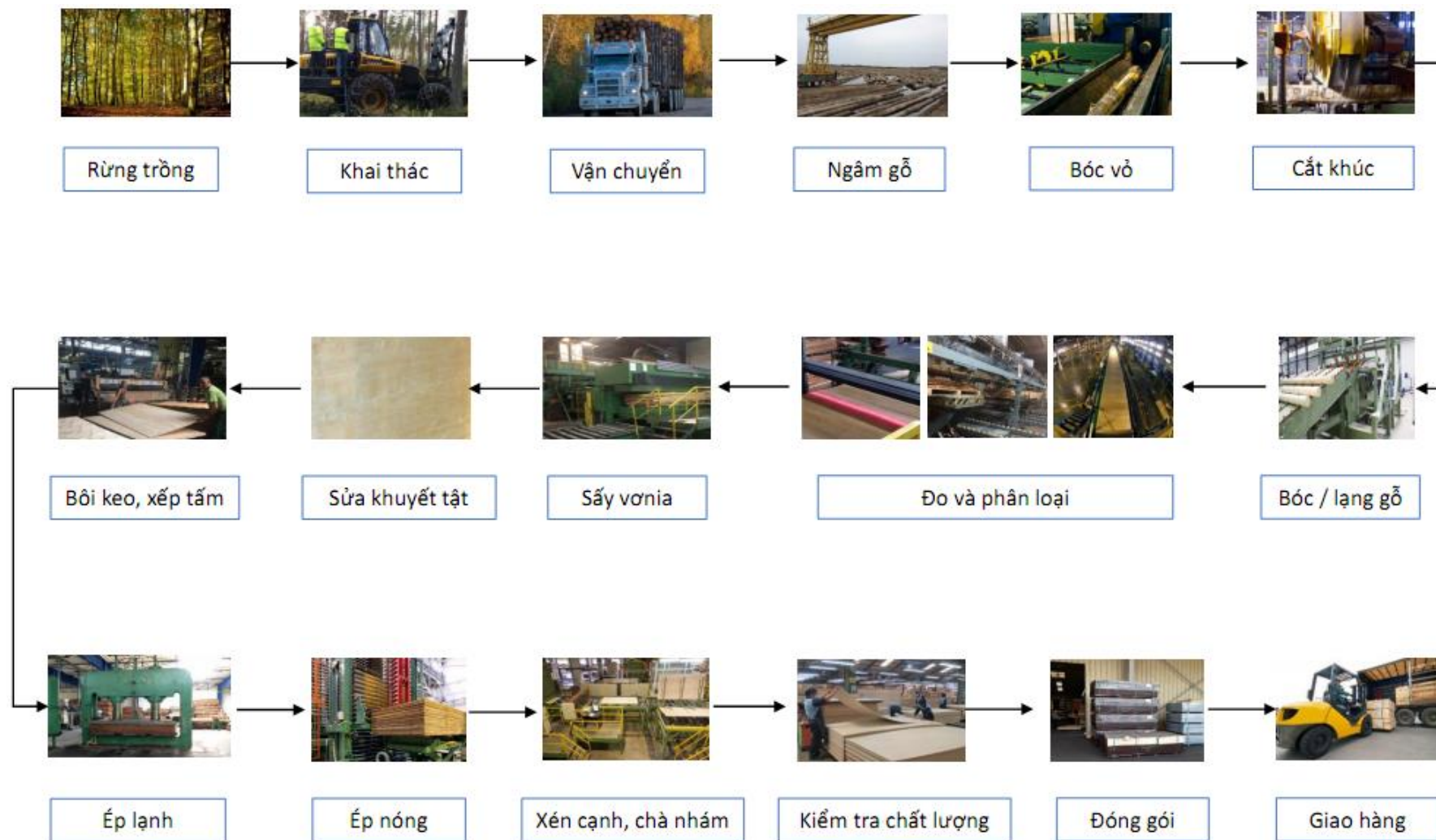
¹² Thông tư 27/2018/TT-BNNPNTN ngày 16/11/2018

<http://tongcuclamnghiep.gov.vn/LamNghiep/Index/thong-tu-so-272018tt-bnnptnt-ngay-16112018-cua-bo-nong-nghiep-va-phat-trien-nong-thon-quy-dinh-ve-quan-ly-truy-xuat-nguon-goc-lam-san-3906>

¹³ Khoản 1, Điều 4 Thông tư 219/2013/TT-BTC

<http://vbpl.vn/botaichinh/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=44778>

Hình 23. Quy trình sản xuất gỗ dán từ khâu đầu vào tới đầu ra



Nguồn: Trích từ nguồn của Bộ thương mại Hoa Kỳ, 2020¹⁴

¹⁴ Petitioner Request for Vietnam Circumvention Case, 2020 - Wiley

Theo khảo sát của Nhóm nghiên cứu tại Phú Thọ, để sản xuất gỗ dán, kinh phí đầu tư tối thiểu cho mỗi cơ sở sản xuất có quy mô khoảng 1.000 m³ sản phẩm mỗi tháng cần khoảng 6-7 tỷ đồng. Kinh phí này chưa bao gồm kinh phí xây dựng kho bãi, nhà xưởng. Ngoài ra, cơ sở này cũng cần có diện tích nhà xưởng tối thiểu là 4.000 -5.000 m². Với mức yêu cầu về vốn và diện tích nhà xưởng, hầu hết các HGD không thể đáp ứng. Đối với các hộ có thể đáp ứng được đầu tư, việc vận hành và quản lý sản xuất cũng là một trở ngại đối với quy mô sản xuất HGD. Điều này lý giải tại sao số HGD tham gia vào khâu này rất ít. Cụ thể, theo nguồn dữ liệu thống kê của Tổng cục Lâm nghiệp năm 2019 chỉ có 11 HGD trong cả nước tham gia vào sản xuất gỗ dán. Số hộ này chủ yếu tập trung ở khu vực Đông Bắc (10 hộ gia đình). Một hộ còn lại ở khu vực Tây Bắc.

Đến nay, khâu sản xuất gỗ dán chủ yếu phụ trách bởi nhóm doanh nghiệp, bao gồm cả doanh nghiệp nội địa và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI).

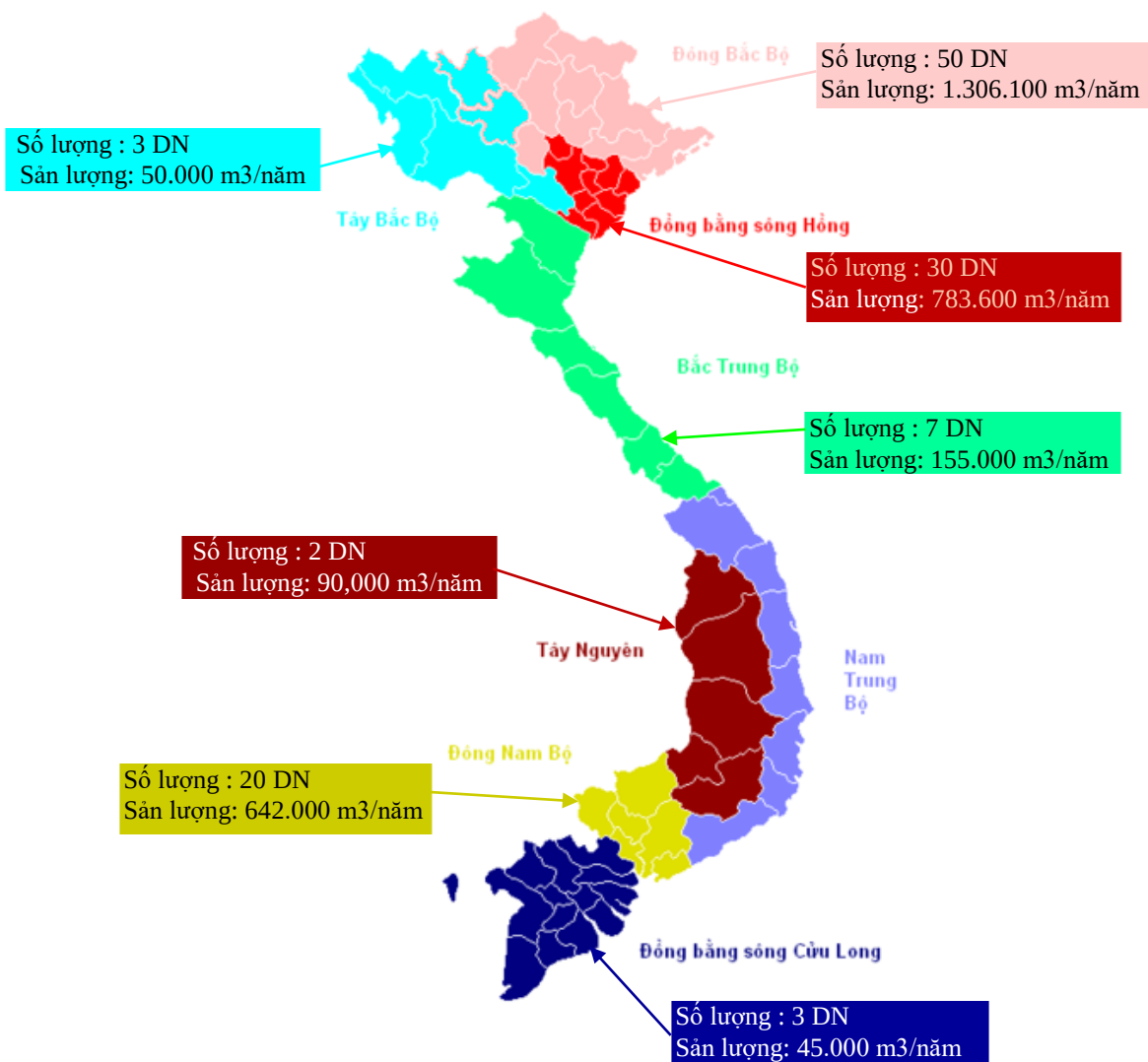
Doanh nghiệp sản xuất gỗ dán

Theo thống kê chưa đầy đủ của Tổng cục Lâm nghiệp và dữ liệu khảo sát của Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam, năm 2019 cả nước có khoảng 115 doanh nghiệp (DN) tham gia sản xuất gỗ dán với tổng sản lượng trên 3,07 triệu m³/năm. Trong số doanh nghiệp này có 39 DN FDI, với sản lượng khoảng 868.600 m³/năm. Các DN sản xuất gỗ dán tập trung chủ yếu tại 3 vùng chính, bao gồm vùng Đông Bắc, Đồng bằng Sông Hồng và Đông Nam Bộ. Lượng DN từ 3 vùng này chiếm 87% tổng số DN tham gia sản xuất gỗ dán trong cả nước. Cụ thể các vùng có số lượng DN sản xuất gỗ dán nhiều gồm:

- Vùng Đông Bắc: 50 DN, tương đương 43,5% trong tổng số DN . Sản lượng sản xuất của vùng chiếm 42,5% tổng sản lượng gỗ dán của cả nước.
- Đồng bằng Sông Hồng: 30 DN, chiếm 26,1% trong tổng lượng DN. Sản lượng sản xuất của vùng chiếm 25,5% tổng sản lượng gỗ cả nước.
- Đông Nam Bộ: 20 DN, chiếm 17,4% tổng số DN sản xuất gỗ dán cả nước. Sản lượng của vùng chiếm 20,9% tổng sản lượng gỗ dán toàn quốc.

Hình 24 và bảng 2 thể hiện số lượng các DN sản xuất gỗ dán phân bố theo vùng

Hình 24. Số lượng các công ty sản xuất gỗ dán phân bố theo vùng kinh tế



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu của Tổng cục Lâm nghiệp và khảo sát DN VIFOREST

Bảng 2. Số lượng các công ty sản xuất gỗ dán phân bố theo vùng kinh tế

Vùng	Số DN	Sản lượng (m3/năm)
Bắc Trung Bộ	7	155.000
Đông Bắc	50	1.306.100
Đông Nam Bộ	20	642.000
ĐB Sông Hồng	30	783.600
Tây Bắc	3	50.000
Tây Nam Bộ/ĐB sông Cửu Long	3	45.000
Tây Nguyên	2	90.000
Tổng	115	3.071.700

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê của Tổng cục Lâm nghiệp và khảo sát DN VIFOREST

Doanh nghiệp FDI đầu vào mặt hàng gỗ dán

Thay đổi trong đầu tư FDI vào mặt hàng gỗ dán

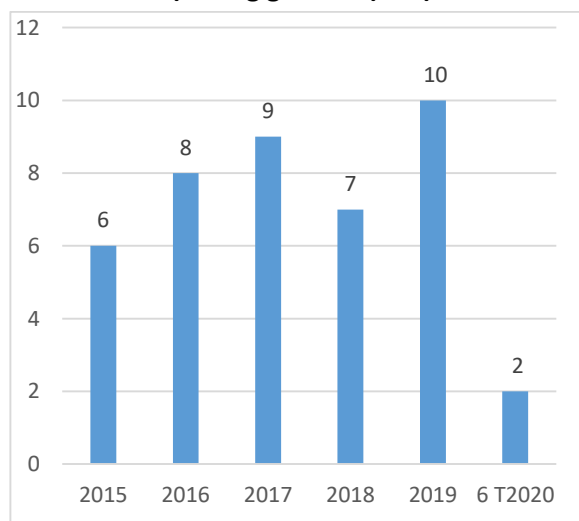
Theo thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài¹⁵ từ năm 1995 cho tháng 6 năm 2020 Việt Nam tiếp nhận 53 dự án FDI đầu tư mới vào sản xuất gỗ dán, với tổng số vốn đầu tư 276,45 triệu USD. Con số này bao gồm 2 dự án đầu tư mới về sản xuất gỗ dán, với số vốn đầu tư là 14 triệu USD trong 6 tháng đầu 2020.

Số dự án FDI đầu tư vào sản xuất gỗ dán có độ biến động rất lớn. Cụ thể, trong giai đoạn 1995-2014 (20 năm) chỉ có 11 dự án FDI đầu tư vào sản xuất gỗ dán. Tuy nhiên từ năm 2015 đến hết tháng 6 năm 2020 (khoảng 5 năm), Việt Nam đã tiếp nhận 42 dự án FDI đầu tư vào sản xuất ván dán, với số vốn đầu tư 243,07 triệu USD. Hiện có 11 quốc gia đầu tư vào mặt hàng này. Cụ thể:

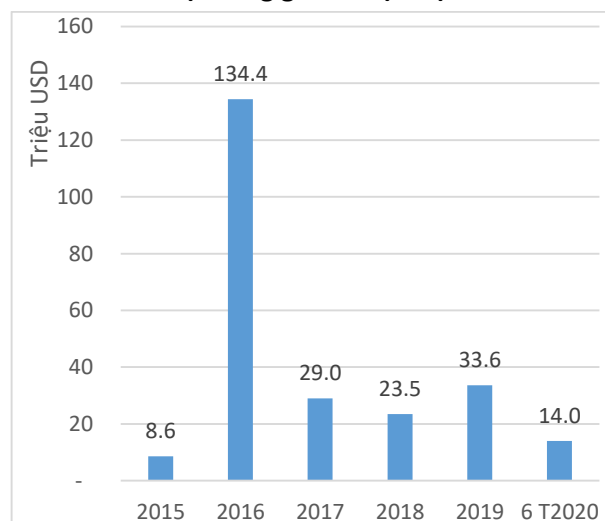
- Năm 2015: Việt Nam tiếp nhận 6 dự án đầu tư mới mặt hàng này, với số vốn 8,57 triệu USD, trong đó Trung Quốc đầu tư 4 dự án với số vốn 4,57 triệu USD;
- Năm 2016: có 8 dự án đầu tư mới với tổng số vốn 134,4 triệu USD, trong đó Trung Quốc có 4 dự án, vốn đầu tư 81,5 triệu USD
- Năm 2017, số dự án đầu tư vào mặt hàng gỗ dán tăng lên 9 dự án, tổng số vốn đầu tư trên 29 triệu USD, Trung Quốc tiếp tục là nước dẫn đầu về số dự án đầu tư mới chiếm 6 dự án với vốn đầu tư 24,5 triệu USD.
- Năm 2018, số dự án đầu tư mới vào mặt hàng này giảm còn 7 dự án với số vốn là 23,5 triệu USD, trong đó Trung Quốc đầu tư 3 dự án với vốn đầu tư 5,9 triệu USD.
- Năm 2019, số lượng dự án đầu tư mới mặt hàng gỗ dán tăng mạnh lên 10 dự án với vốn đầu tư 33,6 triệu USD, trong đó Trung Quốc có 7 dự án với số vốn 26,2 triệu USD.
- 6 tháng đầu năm 2020, có 2 dự án đầu tư mới mặt hàng gỗ dán với số vốn 14 triệu USD. Trung Quốc không đầu tư dự mới về gỗ dán.

Hình 25 và 26 là số lượng và vốn đầu tư của các dự án FDI mới vào mặt hàng gỗ dán tại Việt Nam

Hình 25. Số lượng các dự án FDI đầu tư mới vào mặt hàng gỗ dán tại Việt Nam



Hình 26. Vốn đầu tư các dự án FDI đầu tư mới vào mặt hàng gỗ dán tại Việt Nam



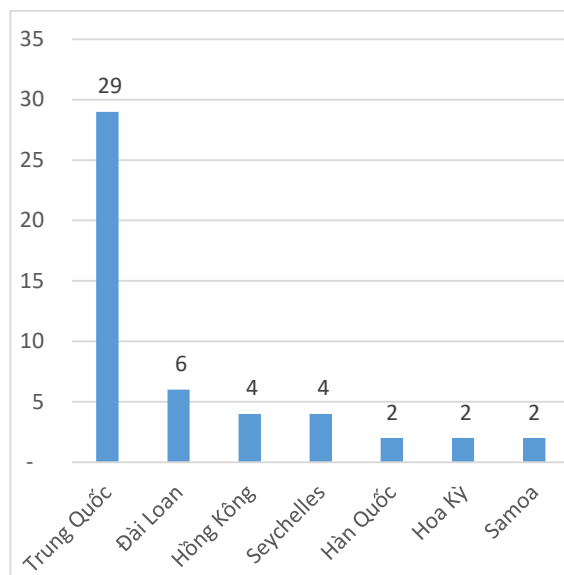
Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài

¹⁵ Số liệu thống kê từ Cục đầu tư nước ngoài cho thấy, tính đến hết năm 2019, Việt Nam có 966 DN có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động trong ngành gỗ¹⁵, trong 6 tháng đầu năm 2020, Việt Nam tiếp nhận 35 dự án đầu tư mới trong ngành gỗ với tổng số vốn đầu tư 173,37 triệu USD

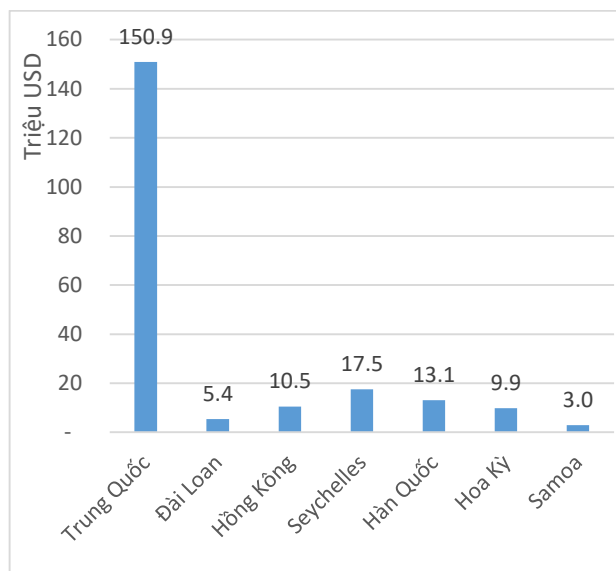
Các quốc gia đầu tư vào mặt hàng gỗ dán

Phụ lục 2 thể hiện chi tiết các quốc gia đầu tư vào mặt hàng gỗ dán tại Việt Nam, hình 27, 28 thể hiện số lượng và số vốn đầu tư của một số quốc gia chính vào mặt hàng gỗ dán.

Hình 27. Số lượng dự án FDI mới vào mặt hàng gỗ dán theo quốc gia



Hình 28. Số vốn đầu tư của các dự án FDI mới vào mặt hàng gỗ dán theo quốc gia



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài

Trung Quốc là quốc gia dẫn đầu với 29 dự án có tổng vốn đầu tư 150,87 triệu USD; đứng thứ hai là Đài Loan có 6 dự án với vốn đầu tư 5,4 triệu USD, đứng thứ 3 là Hồng Kong và Seychelles đều có 4 dự với vốn đầu tư lần lượt là 10,5 triệu USD và 17,5 triệu USD. Bảng 3 thể hiện số vốn và dự án gỗ dán mà Trung Quốc đầu tư vào Việt Nam qua các năm.

Bảng 3. Số dự án FDI và vốn từ Trung Quốc đầu tư vào sản xuất gỗ dán tại Việt Nam

Năm	Số lượng	Trị giá (USD)
2007	1	187.500
2011	1	1.600.000
2013	1	3.181.477
2014	2	3.220.453
2015	4	4.570.000
2016	4	81.500.000
2017	6	24.545.093
2018	3	5.900.000
2019	7	26.166.257
Tổng	29	150.870.780

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài

Phân bố của các dự án FDI đầu tư vào mặt hàng gỗ dán

Con số thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài cho thấy có 53 dự án đầu tư mới vào mặt hàng gỗ dán từ năm 1995 cho tới nay. Tuy nhiên nguồn số liệu thống kê này không cho phép xác định các DN FDI này hiện đang hay đã ngừng hoạt động.

Thông tin do Nhóm nghiên cứu tổng hợp từ nguồn số liệu khảo sát của Tổng cục Lâm nghiệp năm 2019 (xem phía trên) cho thấy có 39 DN FDI hiện đang hoạt động trong cả nước.

Số liệu thống kê của Cục Đầu tư Nước ngoài cho thấy các dự án gỗ dán có vốn đầu tư nước ngoài chủ yếu tập trung ở khu vực Miền Bắc (22 dự án, chiếm 42% tổng số dự án và 26% về số vốn đầu tư), Đông Nam Bộ (29 dự án, chiếm 55% về số dự án và 71% về vốn đầu tư). Bảng 4 thể hiện vùng, số lượng dự án và số vốn đầu tư của các dự án gỗ dán tại Việt Nam từ năm 1995 tới tháng 6 năm 2020

Bảng 4. Vốn và số lượng dự án gỗ dán đầu tư vào Việt Nam phân theo vùng

Vùng	Số dự án	Vốn (USD)
Đông Bắc	16	44.017.680
Đông Nam Bộ	29	196.793.411
Duyên Hải	1	5.182.466
Sông Hồng	5	23.692.857
Tây Bắc	1	5.159.000
Tây Nam Bộ	1	1.600.000
Tổng	53	276.445.414

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài

Về quy mô vốn đầu tư, số vốn đầu tư trung bình cho 1 dự án mới ngày 1 tăng, từ mức trung bình 1,4 triệu USD/1 dự án vào năm 2014 tăng lên con số trên 3 triệu USD/1 dự án vào năm 2019. Số liệu năm 2016 cho thấy mức vốn đầu tư trung bình cho 1 dự án mới tăng vọt lên là 16,8 triệu USD/1 dự án. Gia tăng về vốn trong đầu tư là do Công ty FDI vốn Trung Quốc và Marshall Islands đã đầu tư số vốn lần lượt là 68 triệu USD và 40 triệu USD cho tổ hợp dây chuyền từ sản xuất gỗ dán cho tới sản xuất ván sàn và đồ gỗ làm từ gỗ dán.

Nhiều FDI không chỉ đơn thuần sản xuất gỗ dán còn mở rộng đầu tư thêm các sản phẩm làm từ gỗ dán như ván sàn, đồ gỗ, tủ bếp. Nói cách khác, gỗ dán được sử dụng làm nguyên liệu đầu vào để sản xuất các mặt hàng này.

5. Khâu nhập khẩu gỗ dán

Tuy không bao gồm trong chuỗi cung gỗ dán tại Việt Nam (Hình 23), nguồn cung gỗ dán từ nhập khẩu đóng vai trò quan trọng đối Việt Nam. Sau khi được nhập khẩu vào lãnh thổ Việt Nam, luồng cung này được hòa vào với nguồn cung được sản xuất trong nước, từ đó đi vào kênh sản xuất các mặt hàng như ván sàn, đồ gỗ xây dựng, đồ gỗ, tủ bếp và một số mặt hàng khác phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Đến nay, gỗ dán là 1 trong 5 mặt hàng nhập khẩu chủ lực của Việt Nam. Hàng năm Việt Nam bỏ ra khoảng 170 triệu USD để nhập gần 400 nghìn m3 gỗ dán sử dụng cho chế biến đồ gỗ.

Nhập khẩu gỗ dán vào Việt Nam đang có xu hướng tăng nhanh, đặc biệt từ năm 2017, với mức tăng của năm này lần lượt là 18% về lượng và 26% về giá trị so với năm 2016. Năm 2018, Việt Nam nhập khẩu trên

452,3 nghìn m3 gỗ dán tăng 19% so với năm 2017. Trong năm 2019, Việt Nam nhập gần 520 nghìn m3 gỗ dán tăng 15% so với năm 2018.

Trong 5 tháng đầu năm 2020, kim ngạch nhập khẩu gỗ dán của Việt Nam đạt trên 64,6 triệu USD, chiếm 7,1% tổng giá trị nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam (trên 914,14 triệu USD). Do tác động của dịch Covid -19, nhập khẩu gỗ dán trong 5 tháng đầu năm 2020 giảm 17% về giá trị và 12,1% về lượng so với cùng kỳ năm 2019. Bảng 5 thể hiện lượng và giá trị gỗ dán nhập khẩu vào Việt Nam từ 2015 đến 5 tháng 2020.

Bảng 5. Lượng và giá trị gỗ dán nhập khẩu vào Việt Nam giai đoạn 2015 – 5 tháng 2020

Năm	Lượng (m3)	Giá trị (USD)
2015	288.252	118.275.128
2016	322.761	132.450.654
2017	380.576	166.960.451
2018	452.387	195.148.238
2019	518.756	213.563.080
5T 2020	163.665	64.687.544

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

Thị trường nhập khẩu gỗ dán chính

Việt Nam nhập khẩu gỗ dán từ trên 35 thị trường khác nhau, nhưng chủ yếu từ 3 thị trường chính là Trung Quốc, Indonesia và Nga. Lượng và kim ngạch nhập từ 3 quốc gia này chiếm trên 90% giá trị và lượng nhập của cả Việt Nam hàng năm.

Trong đó Trung Quốc là thị trường nhập khẩu gỗ dán quan trọng nhất của Việt Nam. Tỷ trọng nhập từ thị trường này chiếm trung bình trên 86% tổng lượng gỗ dán nhập khẩu.

Bảng 6 và bảng 7 là các thị trường nhập khẩu gỗ dán của Việt Nam theo giá trị và lượng giai đoạn 2015 tới 5 tháng 2020

Bảng 6. Giá trị gỗ dán nhập khẩu vào Việt Nam từ một số thị trường chính (USD)

Thị trường	2015	2016	2017	2018	2019	5T 2020
Trung Quốc	96.477.790	109.801.300	139.141.679	173.210.025	188.165.705	55.232.968
Indonesia	5.935.614	10.128.941	9.800.159	9.738.705	9.935.197	4.005.880
Nga	3.392.111	3.221.317	8.860.357	4.777.709	7.217.740	1.873.053
Malaysia	7.378.908	3.013.589	3.305.071	3.501.723	1.744.219	609.511
TT khác	5.090.705	6.285.508	5.853.186	3.920.076	6.500.218	1.160.460
Tổng NK	118.275.128	132.450.654	166.960.451	195.148.238	213.563.080	64.687.544

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

Bảng 7. Lượng gỗ dán nhập khẩu vào Việt Nam từ một số thị trường chính (m3)

Thị trường	2015	2016	2017	2018	2019	5T 2020
Trung Quốc	234.820	253.632	326.195	408.987	474.473	144.878
Indonesia	22.976	39.147	22.219	20.428	20.572	8.467
Nga	5.101	5.914	15.852	8.450	12.684	3.709
Malaysia	15.146	8.465	6.255	6.843	2.152	1.244
TT khác	10.209	15.604	10.055	7.679	8.875	2.266
Tổng NK	288.252	322.761	380.576	452.387	518.756	163.665

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

- **Trung Quốc**

Trung Quốc là thị trường cung gỗ dán chính cho Việt Nam. Năm 2019, Việt Nam nhập trên 474,4 nghìn m3 tương đương với 188,2 triệu USD, chiếm trên 92,3% về lượng và 88% về giá trị.

Trong 5 tháng đầu năm 2020 nhập trên 144,9 nghìn m3, ứng với 55,2 triệu USD chiếm 89% về lượng và 85% về giá trị. So với 5 tháng 2019 lượng gỗ dán nhập khẩu từ thị trường này giảm 14% về lượng và 19% về giá trị.

Cùng với sự giảm về lượng và giá trị thì giá nhập khẩu trung bình gỗ dán từ thị trường này cũng giảm từ 424 USD/m3 vào năm 2018 còn 397 USD/m3 vào năm 2019 và 5 tháng 2020 mức giá trung bình là 381 USD/m3.

- **Indonesia:**

Năm 2019 cung 12,7 nghìn m3 gỗ dán cho Việt Nam, chiếm 4% tổng lượng nhập vào Việt Nam trong cùng năm. Trong 5 tháng đầu năm 2020 Việt Nam nhập trên 3,7 nghìn m3 gỗ dán từ thị trường này chiếm 5% tổng lượng nhập.

- **Liên bang Nga:**

Cung cấp trên 12,7 nghìn m3 gỗ dán trong năm 2019 cho Việt Nam, tương đương với trên 7,3 triệu USD chiếm 2% về lượng và 3% về giá trị. Trong 5 tháng đầu năm 2020 thị trường này cung cấp cho Việt Nam trên 3,7 nghìn m3 đạt giá trị 1,9 triệu USD, chiếm 2% về lượng và 3% về giá trị.

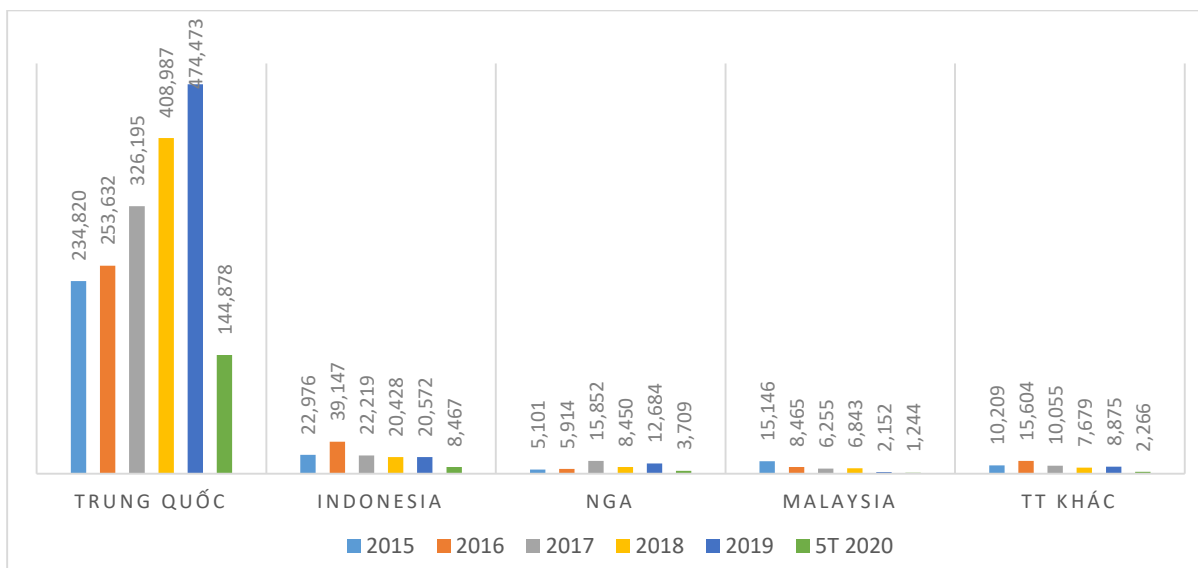
- **Malaysia**

Năm 2015 đây là thị trường cung cấp gỗ dán lớn đứng thứ 3 sau Trung Quốc và Indonesia, chiếm 5,3% tổng lượng gỗ dán Việt Nam nhập khẩu vào năm 2015, tuy nhiên lượng gỗ dán từ thị trường này có xu hướng giảm mạnh. Năm 2019 chỉ cung cho Việt Nam trên 2,1 nghìn m3 chiếm 0,4% tổng lượng gỗ dán Việt Nam nhập khẩu.

Trong 5 tháng đầu năm 2020, thị trường này cung cấp trên 1,2 nghìn m3 chiếm 0,8 % tổng lượng nhập.

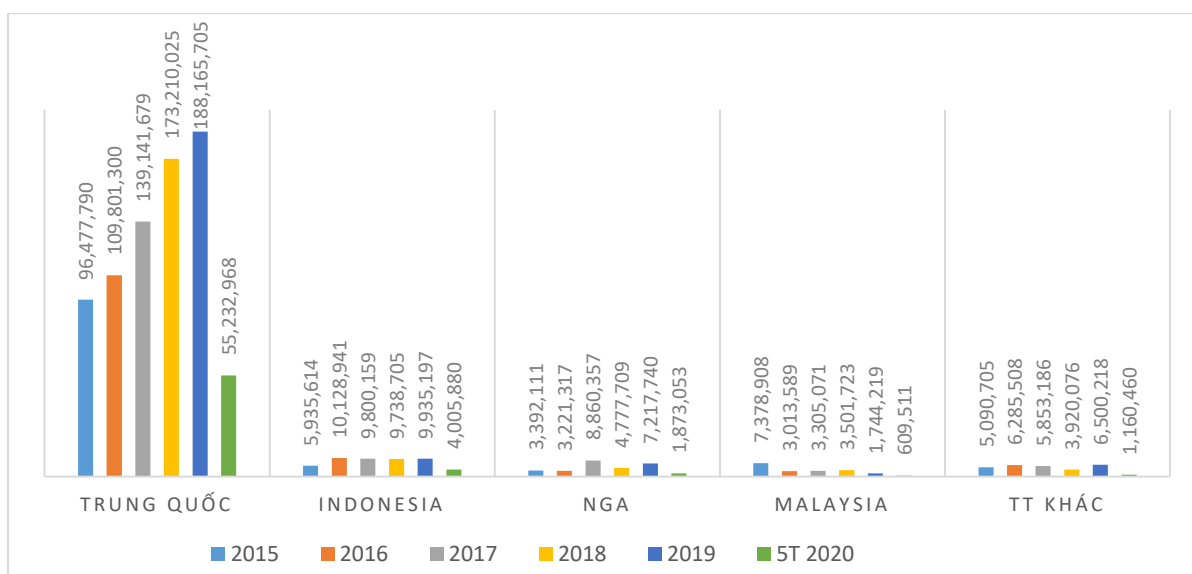
Hình 29 và hình 30 thể hiện lượng và giá trị nhập khẩu gỗ dán của Việt Nam từ các thị trường chính giai đoạn từ 2015 tới 5 tháng đầu năm 2020.

Hình 29. Lượng nhập khẩu gỗ dán của Việt Nam từ một số thị trường chính (m3)



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

Hình 30. Giá trị Việt Nam nhập khẩu gỗ dán từ một số thị trường chính (USD)



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

Doanh nghiệp nhập khẩu gỗ dán

Nguồn số liệu nhập khẩu từ cơ quan Hải quan cho thấy năm 2019 Việt Nam có 620 DN trực tiếp tham gia nhập khẩu gỗ dán vào Việt Nam, với tổng lượng nhập khoảng 518,7 nghìn m3.

Trong 5 tháng đầu năm 2020, có khoảng 420 DN tham gia nhập khẩu trực tiếp mặt hàng này với lượng nhập 116,7 nghìn m3.

620 DN trực tiếp nhập khẩu mặt hàng này năm 2019 có quy mô nhập khẩu như sau:

- 6 DN có lượng nhập trên 10.000 m3. Tổng lượng nhập của 6 DN này chiếm 24% trong tổng lượng nhập của cả năm.
- 11 DN có lượng nhập từ 5.000 – dưới 10.000/m3. Lượng nhập từ nhóm này chiếm 14% tổng lượng gỗ dán nhập khẩu năm 2019
- 101 DN nhập với lượng từ 1.000 – dưới 5.000 m3. Lượng nhập từ nhóm này chiếm 42% tổng lượng gỗ dán nhập khẩu năm 2019
- 502 DN có lượng nhập dưới 1.000 m3. Lượng nhập từ nhóm này chiếm 19% tổng lượng gỗ dán nhập khẩu năm 2019

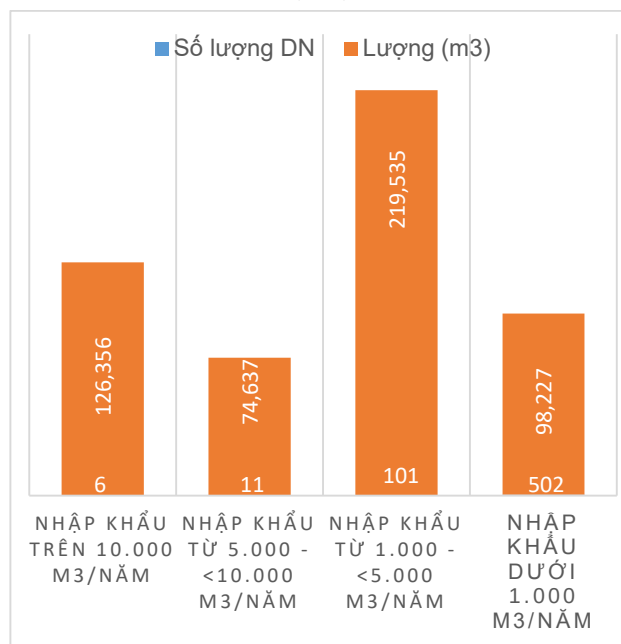
Bảng 8 và hình 31, 32 thể hiện phân loại loại hình DN nhập khẩu gỗ dán trong năm 2019

Bảng 8. Phân loại tỷ lệ các DN tham gia nhập khẩu gỗ dán năm 2019

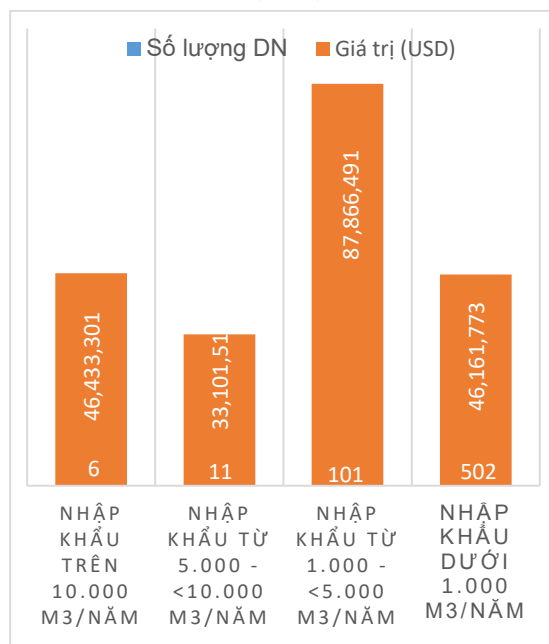
Cơ cấu DN nhập khẩu	Số lượng DN	Lượng (m3)	Giá trị (USD)
Nhập khẩu trên 10.000 m3/năm	6	126.356	46.433.301
Nhập khẩu từ 5.000 - <10.000 m3/năm	11	74.637	33.101.514
Nhập khẩu từ 1.000 - <5.000 m3/năm	101	219.535	87.866.491
Nhập khẩu dưới 1.000 m3/năm	502	98.227	46.161.773
Tổng	620	518.756	213.563.080

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

Hình 31. Phân loại DN nhập khẩu theo lượng (m3)



Hình 32. Phân loại DN nhập khẩu theo giá trị (USD)



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

Nhìn chung, các DN nhập khẩu có quy mô nhập khẩu nhỏ, với lượng nhập dưới 1.000 m3/năm.

6. Khâu xuất khẩu gỗ dán

Theo ước tính, khoảng 80% lượng gỗ dán sản xuất ra tại Việt Nam được xuất khẩu trực tiếp.

Xuất khẩu mặt hàng gỗ dán của Việt Nam rất tăng nhanh trong 5 năm gần. Bình quân, kim ngạch xuất khẩu tăng trên 20%/năm. Năm 2015 giá trị xuất khẩu đạt trên 205,7 triệu USD. Năm 2019 giá trị đạt 685,4 triệu USD, 2,5 lần về giá trị xuất khẩu. Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này chiếm 3% trong tổng giá trị xuất khẩu các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam vào năm 2015 và lên trên 7% năm 2019.

- Năm 2017, Việt Nam xuất khẩu trên 1,2 triệu m³ gỗ dán đạt 366,12 triệu USD, chiếm 5% tổng giá trị xuất khẩu G&SGP của cả nước. Lượng xuất khẩu năm 2017 tăng 26% so với năm 2016.
- Năm 2018, lượng xuất đạt trên 1,9 triệu m³, kim ngạch đạt 648,98 triệu USD, chiếm 8% tổng giá trị xuất khẩu G&SPG, tăng 59% về lượng so với năm 2017.
- Năm 2019, Việt Nam xuất khẩu trên 2,03 triệu m³ gỗ dán đạt 685,4 triệu USD, chiếm 7% tổng giá trị xuất khẩu G&SPG và tăng 6% so với năm 2018.
- Trong 5 tháng đầu năm 2020, mặc dù gặp khó khăn khấp do đại dịch Covid-19 và hai vụ kiện chống bán phá giá nhưng xuất khẩu mặt hàng này đạt 893,4 nghìn m³ ứng với 286,87 triệu USD, tăng 14% về lượng so với cùng kỳ 2019, chiếm trên 7% tổng giá trị xuất khẩu G & SPG.

Bảng 9 thể hiện giá trị và lượng xuất khẩu gỗ dán của Việt Nam giai đoạn 2015 – 5 tháng 2020

Bảng 9. Việt Nam xuất khẩu gỗ dán giai đoạn 2015 – 5 tháng 2020

Năm	Lượng (M3)	Giá trị (USD)
2015	724.942	205.712.564
2016	958.639	275.401.175
2017	1.205.108	366.129.272
2018	1.912.956	G 648.987.524
2019	2.033.450	685.419.787
5T 2020	889.144	281.981.279

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

Các thị trường xuất khẩu gỗ dán

Việt Nam xuất khẩu gỗ dán sang trên 65 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, trong đó Hàn Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Malaysia, Thái Lan là 5 thị trường nhập khẩu gỗ dán chính của Việt Nam. Năm thị trường này chiếm trên 80% trong tổng lượng và giá trị xuất khẩu của mặt hàng này mỗi năm.

Bảng 10, bảng 11 và hình 33, hình 4 là lượng và giá trị xuất khẩu mặt hàng gỗ dán của Việt Nam sang một số thị trường chính giai đoạn 2015 – 5 tháng 2020

Bảng 10. Lượng gỗ dán của Việt Nam xuất khẩu giai đoạn 2015 – 5 tháng 2020 (m3)

Thị trường	2015	2016	2017	2018	2019	5T 2020
Hàn Quốc	273.772	473.692	635.436	801.514	819.066	425.866
Mỹ	10.597	9.440	56.694	321.044	518.610	199.669
Malaysia	118.632	97.279	119.774	265.974	179.509	62.243
Nhật	121.077	125.298	146.004	215.626	161.614	76.824
Thái Lan	61.324	71.899	68.097	102.870	108.255	54.927
Singapore	32.562	34.131	33.519	47.658	38.823	15.800
Đài Loan	9.235	17.589	15.912	18.264	20.517	12.060
Trung Quốc	8.934	11.121	167	2.269	21.996	2.362
Ấn Độ	6.277	10.296	15.211	16.563	20.108	4.848
TT khác	82.033	107.857	113.933	121.087	144.952	34.545
Tổng XK	724.442	958.602	1.204.747	1.912.871	2.033.450	889.144

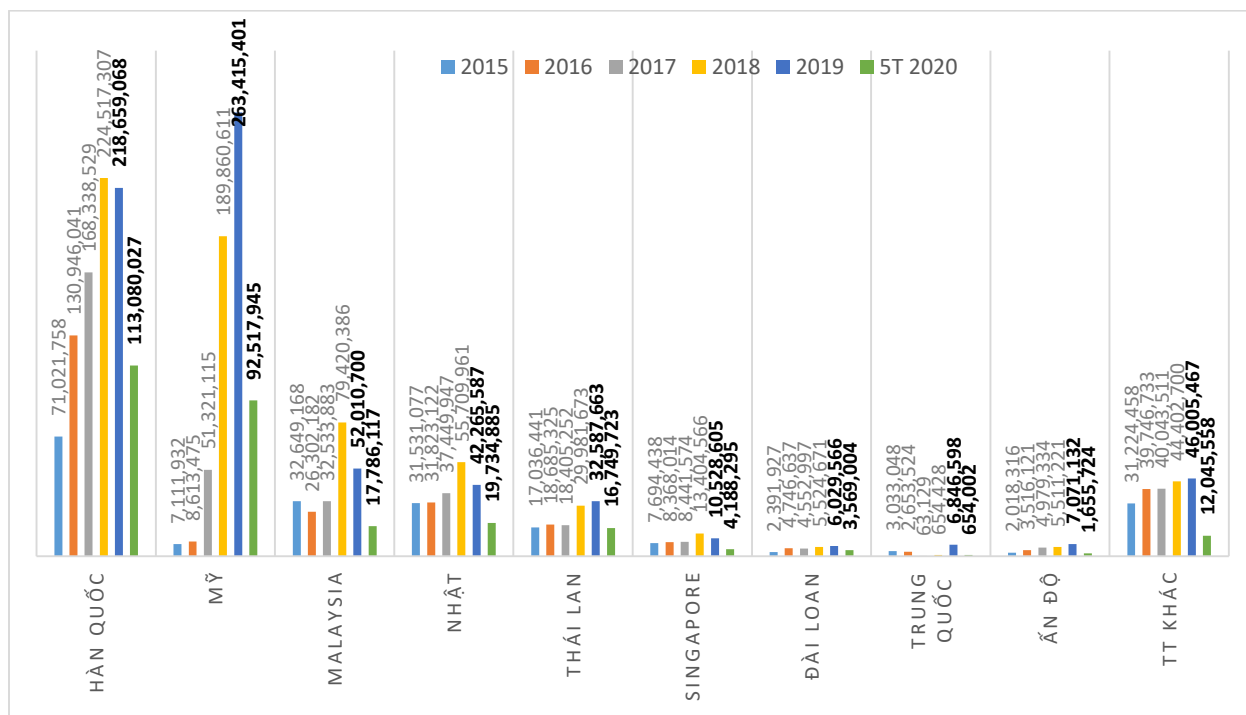
Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

Bảng 11. Giá trị xuất khẩu gỗ dán của Việt Nam giai đoạn 2015 – 5 tháng 2020 (USD)

Thị trường	2015	2016	2017	2018	2019	5T 2020
Hàn Quốc	71.021.758	130.946.041	168.338.529	224.517.307	218.659.068	113.080.027
Mỹ	7.111.932	8.613.475	51.321.115	189.860.611	263.415.401	92.517.945
Malaysia	32.649.168	26.302.182	32.533.883	79.420.386	52.010.700	17.786.117
Nhật	31.531.077	31.823.122	37.449.947	55.709.961	42.265.587	19.734.885
Thái Lan	17.036.441	18.685.325	18.405.252	29.981.673	32.587.663	16.749.723
Singapore	7.694.438	8.368.014	8.441.574	13.404.566	10.528.605	4.188.295
Đài Loan	2.391.927	4.746.637	4.552.997	5.524.671	6.029.566	3.569.004
Trung Quốc	3.033.048	2.653.524	63.129	654.428	6.846.598	654.002
Ấn Độ	2.018.316	3.516.121	4.979.334	5.511.221	7.071.132	1.655.724
TT khác	31.224.458	39.746.733	40.043.511	44.402.700	46.005.467	12.045.558
Tổng XK	205.712.564	275.401.175	366.129.272	648.987.524	685.419.787	281.981.279

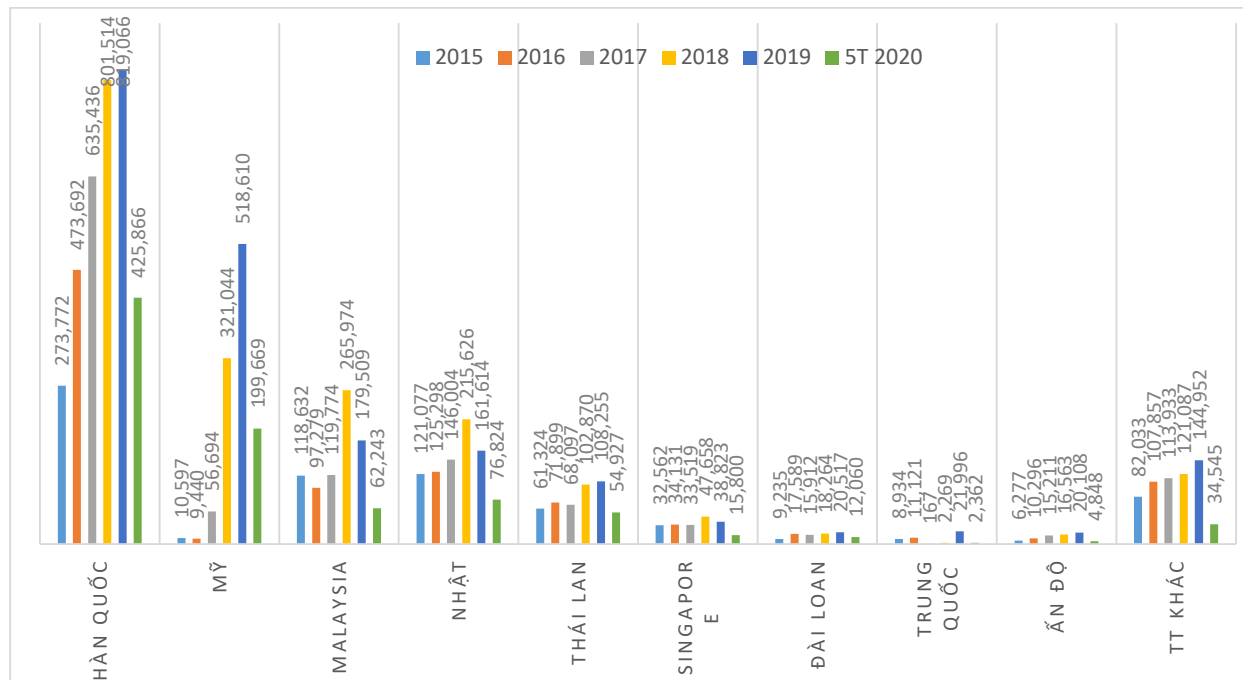
Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

Hình 33. Giá trị xuất khẩu gỗ dán của Việt Nam sang một số thị trường chính (USD)



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

Hình 34. Lượng gỗ dán của Việt Nam xuất khẩu sang một số thị trường chính (m3)



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

Thị trường Mỹ

Trước 2016, bình quân mỗi năm Việt Nam xuất khẩu khoảng 10 nghìn m3 gỗ dán sang thị trường này, chỉ chiếm khoảng 1% tổng lượng gỗ dán xuất khẩu của cả nước. Tuy nhiên từ năm 2017 trở lại đây xuất khẩu gỗ dán sang thị trường này đã chiếm trên 10% tổng lượng xuất khẩu của cả nước với mức tăng trưởng đột biến.

- Năm 2015, Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ hơn 10,5 nghìn m3, tăng 6% so với năm 2014, chiếm khoảng 1,5% tổng lượng xuất của cả nước;
- Năm 2016, lượng gỗ dán xuất sang thị trường này giảm 11% so với 2015, đạt hơn 9 nghìn m3 và chỉ chiếm 1% tổng lượng xuất cả nước;
- Năm 2017, lượng xuất khẩu đạt gần 56,7 nghìn m3 tăng 501% so với năm 2016, chiếm 4,7% tổng lượng xuất;
- Năm 2018 xuất khẩu gỗ dán sang Mỹ tiếp tục tăng, tăng 446% so với năm 2017, đạt trên 321,0 nghìn m3, chiếm 16,8% tổng lượng xuất của cả nước.
- Năm 2019, xuất khẩu đạt 518,6 nghìn m3, tăng 62% so với năm 2018 chiếm 9% về lượng xuất.

Những tháng đầu năm 2020, xuất khẩu gỗ dán sang thị trường Mỹ có mức tăng trưởng chậm hơn so với các năm khác. Tuy nhiên lượng xuất vẫn tăng 16% so với 5 tháng đầu năm 2019, đạt gần 199, 7 nghìn m3.

Do tác động của dịch Covid -19 và ảnh hưởng của vụ kiện chống bán phá, xuất khẩu mặt hàng này vào thị trường Mỹ trong tháng 5/2020 này chỉ đạt 31,6 nghìn m3, giảm 20% về lượng so với lượng xuất của tháng trước đó. Bảng 12 chỉ ra sự biến động này.

Bảng 12. Việt Nam xuất khẩu gỗ dán của Việt Nam sang Mỹ đến hết 5 tháng 2020

Năm	Lượng (m3)	Trị giá (USD)
2015	10.597	7.111.932
2016	9.440	8.613.475
2017	56.694	51.321.115
2018	321.044	189.860.611
2019	518.610	263.415.401
5T 2020	199.669	92.517.945

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

Thị trường Hàn Quốc

Hàn Quốc là thị trường nhập khẩu gỗ dán lớn nhất của Việt Nam. Lượng xuất sang thị trường này chiếm khoảng 40-50% tổng lượng và giá trị xuất khẩu của mặt hàng này của cả Việt Nam. Xuất khẩu gỗ dán sang Hàn Quốc có tốc độ tăng trưởng cao hàng năm.

- Năm 2015, Việt Nam xuất khẩu gần 273,8 nghìn m3 gỗ dán sang Hàn Quốc, tăng 16% so với năm 2014, chiếm 38% tổng lượng xuất khẩu mặt hàng gỗ dán của cả Việt Nam;
- Năm 2016, xuất khẩu sang thị trường này đạt gần 473,7 nghìn m3, tăng 73% so với năm 2015, chiếm 49% tổng lượng xuất khẩu;
- Năm 2017, xuất khẩu sang Hàn Quốc đạt 635,4 nghìn m3, tăng 34% so với năm 2016, chiếm 53% tổng lượng xuất khẩu;

- Năm 2018, xuất khẩu gỗ dán sang Hàn Quốc đạt 801,51 nghìn m3, tăng 26% so với 2017, chiếm 42% tổng lượng xuất khẩu;
- Năm 2019, Việt Nam xuất khẩu trên 819,1 nghìn m3, tăng 2% so với năm 2018, chiếm 40% tổng lượng xuất khẩu.

Trong 5 tháng đầu năm 2020, tuy ảnh hưởng của dịch Covid -19, nhưng xuất khẩu gỗ dán sang thị vẫn tăng 25% về lượng và 22% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019, đạt trên 113,1 triệu USD, với trên 425,8 nghìn m3 chiếm trên 48% tổng lượng xuất khẩu. Bảng 13 thể hiện sự tăng trưởng đó.

Bảng 13. Việt Nam xuất khẩu gỗ dán sang Hàn Quốc đến hết 5 tháng 2020

Năm	Lượng (m3)	Trị giá (USD)
2015	273.772	71.021.758
2016	473.692	130.946.041
2017	635.436	168.338.529
2018	801.514	224.517.307
2019	819.066	218.659.068
5T 2020	425.866	113.080.027

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

Thị trường Nhật Bản

Từ trước năm 2017, Nhật là thị trường xuất khẩu gỗ dán lớn thứ hai của Việt Nam sau Hàn Quốc, nhưng từ sau năm 2018, Mỹ vượt lên trên Nhật, đẩy Nhật trở thành nước nhập khẩu gỗ dán lớn thứ 3 của Việt Nam. Xuất khẩu gỗ dán sang Nhật trung bình chiếm trên 12% tổng lượng và giá trị xuất khẩu của mặt hàng gỗ dán.

- Năm 2015, xuất khẩu gỗ dán từ Việt Nam sang Nhật đạt gần 121,1 nghìn m3, giảm 32% về lượng so với năm 2014, chiếm 17% tổng lượng gỗ dán mà Việt Nam xuất khẩu.
- Năm 2016, xuất khẩu sang Nhật đạt 125,29 nghìn m3, tăng 3% so với năm 2015, chiếm 13% tổng lượng gỗ dán xuất khẩu;
- Năm 2017, gỗ dán xuất khẩu sang Nhật tăng 17% so với năm 2016, đạt 146,0 nghìn m3 chiếm 12% tổng lượng xuất;
- Năm 2018 xuất khẩu sang thị trường này tăng 48% về lượng, đạt 265,97 nghìn m3, chiếm 11% tổng lượng xuất khẩu.
- Trong năm 2019, xuất khẩu sang Nhật giảm 25% về lượng đạt 179,5 nghìn m3, chiếm 8% về tổng lượng xuất khẩu. Xuất khẩu gỗ dán của Việt Nam giảm do thị trường này ngày càng yêu cầu khắt khe hơn về chất lượng sản phẩm (về tiêu chuẩn phải tuân thủ cao hơn như, keo, như bề mặt sản phẩm,...) hơn nữa việc cạnh tranh gay gắt với các đối thủ như Trung Quốc và Indonesia cũng là nguyên nhân xuất khẩu gỗ dán giảm sang Nhật.

Trong 5 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu gỗ dán của Việt Nam sang Nhật đạt 76,82 nghìn m3, tăng 34% về lượng so với 5 tháng đầu năm 2019, chiếm 8,6% tổng lượng xuất khẩu. Tuy nhiên, xuất khẩu trong tháng 5 năm 2020 giảm 30% về lượng so với lượng xuất một tháng trước đó.

Bảng 14 chỉ ra sự biến động về lượng và giá trị xuất khẩu sang thị trường Nhật trong những tháng đầu năm 2020.

Bảng 14. Việt Nam xuất khẩu gỗ dán sang thị trường Nhật Bản tới hết 5 tháng 2020

Năm	Lượng (m3)	Trị giá (USD)
2015	121.077	31.531.077
2016	125.298	31.823.122
2017	146.004	37.449.947
2018	215.626	55.709.961
2019	161.614	42.265.587
5T 2020	76.824	19.734.885

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

Thị trường Thổ Nhĩ Kỳ

Trước 2017, Thổ Nhĩ Kỳ là 1 trong 10 thị trường nhập khẩu gỗ dán lớn nhất của Việt Nam. Tuy nhiên từ năm 2018 giá trị và lượng gỗ dán xuất khẩu sang thị trường này giảm mạnh. Tới 5 tháng đầu năm 2020 thì hầu hết các DN dừng xuất khẩu sang thị trường này. Nguyên nhân của tình trạng này là do năm 2016 Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ điều tra chống bán phá giá đối với mặt hàng gỗ dán xuất khẩu sang thị trường này. Sau khi điều tra, Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ quyết định áp mức thuế 240 USD/m³ đối với sản phẩm của tất cả các công ty xuất khẩu gỗ dán từ Việt Nam sang thị trường này, trừ 2 công ty hợp tác với các cơ quan trong quá trình điều tra.¹⁶

- Năm 2015, lượng gỗ dán Việt Nam xuất khẩu sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt 18,82 nghìn m³ chiếm 2,6% tổng lượng gỗ dán xuất khẩu của Việt Nam trong cùng năm.
- Năm 2016 tổng lượng gỗ dán Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 3% tổng lượng xuất khẩu, đạt 28,66 nghìn m³ tăng 52% so với 2015.
- Năm 2017, lượng gỗ dán xuất khẩu sang thị trường này tiếp tục tăng 14% so với năm trước đó chiếm 2,7% tổng lượng xuất khẩu của cả nước đạt 32,54 nghìn m³.
- Tuy nhiên tới năm 2018 lượng gỗ dán xuất khẩu sang Thổ Nhĩ Kỳ đã giảm mạnh trên 50% về lượng, chỉ xuất khẩu 16,17 nghìn m³ chiếm 0,8% tổng lượng xuất khẩu.
- Năm 2019 chỉ có khoảng trên 300 m³ gỗ dán xuất khẩu sang thị trường này và 5 tháng 2020 không ghi nhận giá trị và lượng xuất khẩu.

Bảng 15 là lượng và giá trị xuất khẩu gỗ dán của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ giai đoạn 2015 cho tới nay

Bảng 15. Giá trị và lượng gỗ dán xuất khẩu từ Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ

Năm	Lượng (M3)	Trị giá (USD)
2015	18.825	8.002.686
2016	28.665	11.869.891
2017	32.549	12.958.591
2018	16.176	6.946.523
2019	371	181.328
5T 2020	-	-

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

¹⁶ Thông tin chi tiết tham khảo tại: <https://moit.gov.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/tho-nhi-ky-dieu-tra-chong-ban-phagia-voi-go-dan-nhap-khau-tu-viet-nam-108113-22.html>

Doanh nghiệp xuất khẩu gỗ dán

Trong năm 2019 có trên 390 DN tham gia xuất khẩu trực tiếp gỗ dán từ Việt Nam, chiếm khoảng 7,4% tổng số DN tham gia vào hoạt động chế biến gỗ. Trong 390 DN xuất khẩu gỗ dán có:

- 3 DN xuất khẩu với lượng trên 50.000 m³/ năm, chiếm tới 18% tổng lượng xuất khẩu của cả nước;
- 8 DN xuất khẩu với lượng từ 30 nghìn m³ tới dưới 50.000 m³/năm, chiếm 14% tổng lượng xuất khẩu của cả nước;
- 12 DN hàng năm xuất khẩu từ 20 nghìn m³ tới dưới 30 nghìn m³/năm, chiếm 15% tổng lượng gỗ dán xuất khẩu;
- 25 DN xuất khẩu từ 10 nghìn tới dưới 20 nghìn m³/năm, chiếm 17% tổng lượng gỗ dán xuất khẩu;
- 53 số DN xuất khẩu từ 5 nghìn tới dưới 10 nghìn m³/năm, chiếm 18% tổng lượng gỗ dán xuất khẩu;
- 89 số DN xuất khẩu từ 1 nghìn tới dưới 5 nghìn m³ /năm, chiếm 11% tổng lượng gỗ dán xuất khẩu
- 200 số DN xuất khẩu dưới 1 nghìn m³/năm chỉ chiếm 8% tổng lượng xuất khẩu.

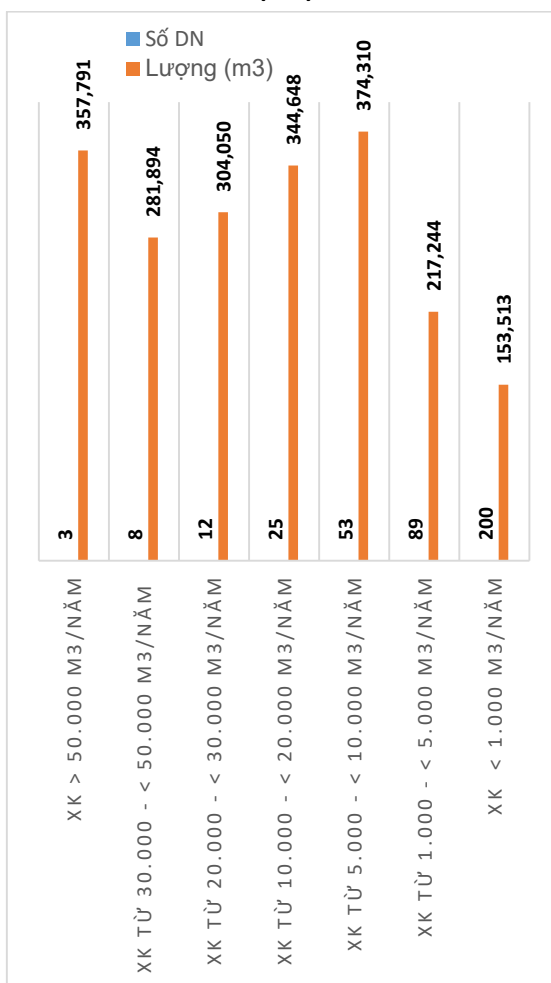
Bảng 16 và hình 35, hình 36 thể hiện phân loại nhóm DN tham gia xuất khẩu năm 2019.

Bảng 16. Cơ cấu các doanh nghiệp xuất khẩu gỗ dán năm 2019

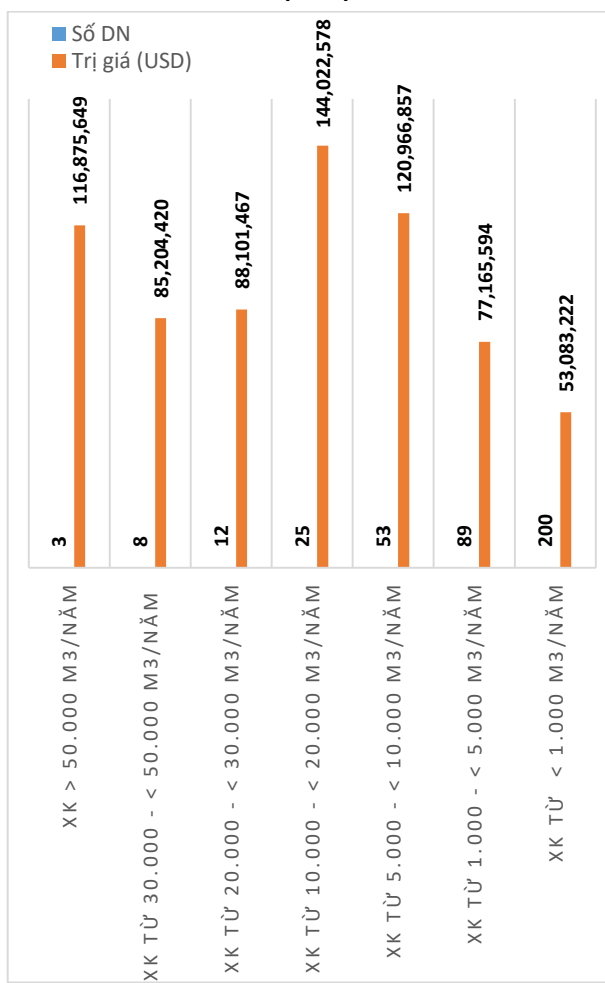
Cơ cấu DN xuất khẩu	Số lượng DN	Lượng (m³)	Giá trị (USD)
DN xuất khẩu trên 50.000 m ³ /năm	3	357.791	116.875.649
DN xuất khẩu từ 30.000 - < 50.000 m ³ /năm	8	281.894	85.204.420
DN xuất khẩu từ 20.000 - < 30.000 m ³ /năm	12	304.050	88.101.467
DN xuất khẩu từ 10.000 - < 20.000 m ³ /năm	25	344.648	144.022.578
DN xuất khẩu từ 5.000 - < 10.000 m ³ /năm	53	374.310	120.966.857
DN xuất khẩu từ 1.000 - < 5.000 m ³ /năm	89	217.244	77.165.594
DN xuất khẩu từ < 1.000 m ³ /năm	200	153.513	53.083.222
Tổng	390	2.033.450	685.419.787

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

Hình 35. Quy mô DN xuất khẩu theo lượng xuất
(m3)



Hình 36. Quy mô DN xuất khẩu theo giá trị xuất
(USD)



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

Quy mô trên cho thấy, chủ yếu các DN xuất khẩu gỗ dán từ Việt Nam là doanh nghiệp có quy mô nhỏ, với lượng xuất trung bình dưới 1.000 m3/năm. Lượng doanh nghiệp có quy mô này chiếm trên 51% trong tổng số DN trực tiếp xuất khẩu gỗ dán năm 2019.

7. Khâu đầu vào cho ngành chế biến gỗ

Khoảng 20% trong tổng lượng gỗ dán sản xuất ở Việt Nam được đưa vào làm nguồn nguyên liệu đầu vào cho ngành chế biến gỗ của Việt Nam. Con số này có thể bao gồm một phần lượng gỗ dán nhập khẩu, sau khi nguồn nhập khẩu này được “hòa” vào với nguồn cung trong nước.

Tuy nhiên, hiện chưa có thông tin về phương thức và tỷ lệ “hòa” giữa luồng cung nhập khẩu và luồng cung trong nước đối của mặt hàng này.

Gỗ dán được sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho các mặt hàng khác như ván sàn, đồ gỗ (ví dụ như sử dụng là vách ngăn tủ, mặt bàn,...), tủ bếp và một số mặt hàng khác.

Theo ước tính của nhóm chuyên gia, trong 20% lượng gỗ dán được sản xuất đi vào chế biến đồ gỗ (80% lượng còn lại được xuất khẩu trực tiếp), phần lớn trong số này (80%) được sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho sản xuất các mặt hàng đồ gỗ, nguyên liệu ngành xây dựng, phương tiện vận chuyển, bao bì... sử dụng tiêu thụ nội địa. Phần 20% còn lại được đi vào sản xuất đồ gỗ, một phần sau chế biến được đưa vào xuất khẩu, một phần được tiêu thụ nội địa, tại Hình 22 của báo cáo này thể hiện các tỷ lệ đó.

Đây cũng là khâu cuối cùng của chuỗi cung gỗ dán tại Việt Nam. Phần dưới đây thảo luận về một số rủi ro trong các khâu của chuỗi cung này.

8. Rủi ro trong chuỗi cung gỗ dán hiện nay

8.1. Bối cảnh phát sinh rủi ro

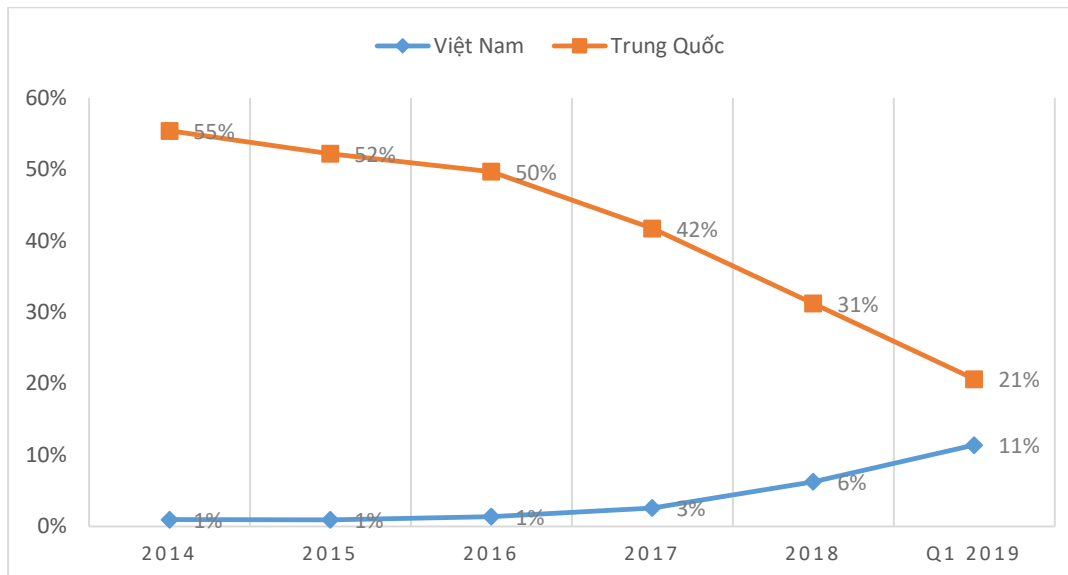
Trong 5 năm trở lại đây, ngành gỗ dán của Việt Nam có tốc độ phát triển mạnh mẽ. Tốc độ tăng trưởng của ngành trong những năm gần đây đạt bình quân trên 31%/năm. Kể từ 2015 cho tới nay ngành cũng tiếp nhận 42 dự án đầu tư FDI mới. Bên cạnh đó, ngành hiện đang có sự tham gia đông đảo của các cá nhân (ví dụ HĐG) và tổ chức (công ty) vào các khâu khác nhau của chuỗi cung. Điều này thể hiện mối quan tâm rất lớn của các bên liên quan tới sản xuất và kinh doanh đối với mặt hàng này.

Tuy nhiên, ngành đang trải qua những biến động rất lớn, đặc biệt kể từ khi cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung bắt đầu khởi động (năm 2018). Biến động này thể hiện qua các mặt sau:

- Lượng xuất khẩu gỗ dán từ Việt Nam, đặc biệt sang các thị trường chính như Mỹ, Hàn Quốc, tăng đột biến trong những năm gần đây. Lượng doanh nghiệp trực tiếp tham gia xuất khẩu ngày càng đông đảo. (xem phần 6 -Khâu xuất khẩu gỗ dán);
- Các dự án FDI, đặc biệt là các dự án có nguồn vốn từ Trung Quốc, đầu tư vào sản xuất mặt hàng này tăng nhanh. (xem mục 4.3 – Khâu sản xuất gỗ dán, mục Doanh nghiệp FDI đầu tư vào mặt hàng gỗ dán);
- Nhập khẩu gỗ dán từ Trung Quốc vào Việt Nam cũng tăng mạnh. (xem phần 5- Khâu nhập khẩu gỗ dán, mục thị trường nhập khẩu gỗ dán chính)
- Các cơ sở chế biến và sản xuất gỗ dán tăng nhanh, kéo theo sự mở rộng của các cơ sở chế biến trong các khâu khác của chuỗi cung này (ví dụ các cơ sở sản xuất ván bóc). (xem mục 4.2 – Khẩu sản xuất ván bóc và mục 4.3- Khẩu sản xuất gỗ dán)

Trung Quốc là cường quốc sản xuất và xuất khẩu gỗ dán. Năm 2019, lượng gỗ dán Trung Quốc xuất khẩu đạt 5,37 triệu tấn, giảm 12% về lượng, tương đương 4,48 tỉ USD, giảm 19% về giá trị so với năm 2018. Các biến động trong sản xuất và thương mại gỗ dán của Việt Nam xảy ra trong bối cảnh lượng cung gỗ dán từ Trung Quốc cho các thị trường xuất khẩu chính, đặc biệt là tại thị trường Mỹ, bị giảm sút nghiêm trọng, do nguyên nhân Chính phủ Mỹ áp mức thuế rất cao (thuế chống bán phá giá là 183,36% và thuế chống trợ cấp từ 22,98% đến 194,9%) đối với mặt hàng này của Trung Quốc xuất khẩu vào Mỹ. Suy giảm nguồn cung mặt hàng này từ Trung Quốc vào Mỹ một phần bù đắp bằng luồng cung từ Việt Nam, như Hình 37 chỉ ra.

Hình 37. Tỷ trọng cơ cấu kim ngạch nhập gỗ dán vào Hoa Kỳ từ Việt Nam và Trung Quốc



Trích từ nguồn Trần Lê Huy và cộng sự, 2019.

Sự gia tăng đột biến trong xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam sang các thị trường xuất khẩu chính làm nảy sinh các rủi ro, và đến nay các rủi ro này đã trở thành hiện thực. Ngành gỗ dán đã và đang phải đối mặt với 3 vụ kiện chống bán phá giá. Cụ thể:

- Ngày 9 tháng 6 vừa qua Bộ Thương mại Hoa Kỳ đã ra phán quyết chính thức điều tra ngành sản xuất gỗ dán của Việt Nam, dựa trên cáo buộc ngành đã vi phạm điều luật chống lẩn tránh thuế. Hiện quá trình điều tra đang được tiến hành.
- Ngày 3 tháng 12 năm 2019, Ủy ban Thương mại của Hàn Quốc cũng đã chính thức điều tra ngành sản xuất gỗ dán của Việt Nam, cũng dựa trên các cáo buộc tương tự. Chính phủ Hàn Quốc đã áp dụng mức thuế sơ bộ đối với mặt hàng này được xuất khẩu từ Việt Nam vào thị trường này.
- Ngày 28 tháng 10 năm 2016 Bộ Kinh tế của Thổ Nhĩ Kỳ đưa ra quyết định cuối cùng sau khi điều tra mặt hàng này của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường này. Mức thuế mà Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ áp dụng là 240 USD/m³, trừ sản phẩm của 2 công ty hợp tác với cơ quan điều tra trước đó.

Thông tin chi tiết về các vụ kiện này được tổng hợp trong phần Phụ lục 3 của Báo cáo này.

Trong tương lai, có thể sẽ xuất hiện thêm các vụ cáo buộc về vi phạm luật chống bán phá giá, chống lẩn tránh thuế đối về mặt hàng gỗ dán của Việt Nam, và về các mặt hàng khác của Việt Nam có sử dụng gỗ dán làm nguồn nguyên liệu đầu vào như tủ bếp, ván sàn hay đồ gỗ. Định vị các rủi ro trong chuỗi cung gỗ dán hiện nay là hết sức cần thiết, nhằm giúp cho các cơ quan quản lý và ngành giảm thiểu rủi ro trong tương lai.

8.2. Định vị các loại hình rủi ro trong chuỗi cung

Thông tin về các khâu của chuỗi cung gỗ dán được xác định trong các phần phía trên cho thấy có ít nhất 4 loại hình rủi ro hiện đang tồn tại trong chuỗi cung gỗ dán của Việt Nam hiện nay, bao gồm (a) rủi ro từ khâu nguyên liệu gỗ rừng trồng đầu vào tới khâu sản xuất ván bóc, (b) rủi ro trong khâu từ sản xuất ván

bóc tó gỗ dán, (c) rủi ro trong pha trộn giữa nguồn cung trong nước và luồng cung nhập khẩu, và (d) rủi ro trong khâu từ gỗ dán làm nguyên liệu đầu vào để sản xuất các mặt hàng khác phục vụ xuất khẩu.

(a) Rủi ro từ khâu nguyên liệu gỗ rừng trồng đầu vào tới sản xuất ván bóc

Phần 4, Sản xuất và thương mại gỗ dán tại Việt Nam nêu trên chỉ ra các công đoạn liên quan đến khâu nguyên liệu gỗ rừng trồng đầu vào bao gồm. Các công đoạn quan trọng nhất bao gồm:

- HGD, hợp tác xã hoặc công ty trồng rừng bán gỗ tròn cho tư thương hoặc công ty
- Tư thương hoặc công ty bán gỗ tròn cho sơ sản xuất ván bóc, là HGD hoặc công ty

Quy định hiện hành quy định các mức thuế về giá trị gia tăng và thuế thu nhập khác nhau, tùy thuộc vào đối tượng chủ thể tham gia vào các công đoạn này.

Thực tế hiện nay cho thấy đa phần các hộ gia đình mua gỗ tròn, chủ yếu từ các hộ trồng rừng, để sản xuất ván bóc là các hộ kinh doanh cá thể. Theo quy định tại Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài chính, các hộ kinh doanh cá thể này phải đóng thuế khoán. Mức thuế khoán cho mỗi hộ được xác định thông qua hình thức điều tra/kê khai của các hộ kinh doanh, với các hộ có tổng doanh thu cả năm trên 100 triệu đồng thì bắt đầu phải đóng thuế (hộ doanh thu hàng năm dưới mức này thì không phải đóng thuế). Mức thuế khoán bao gồm 2 phần, thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân.

Thông tư này cũng quy định mức thuế khác nhau đối với 2 loại hình hộ: Hộ chỉ đơn thuần tham gia vào kinh doanh (chuyên làm thương mại) mà không tham gia vào khâu sản xuất, và hộ tham gia vào khâu sản xuất.

Cụ thể, theo quy định tại điểm b.1, khoản 2, điều 2 của Thông tư này, nếu HGD phân phối, cung cấp hàng hóa (chỉ chuyên làm thương mại), mức thuế khoán phải nộp là 1,5 % trong tổng doanh thu hàng năm, trong đó thuế GTGT là 1%, thuế Thu nhập cá nhân 0,5%.

Nếu HGD tham gia sản xuất thì mức thuế khoán phải nộp là 4,5%, bao gồm 3% thuế GTGT và 1,5% thuế thu nhập cá nhân.

Như vậy, mức thuế áp dụng cho 2 loại hình nhóm hộ khác nhau là rất khác nhau, và việc áp dụng không phải lúc nào cũng rõ ràng và đồng nhất, đặc biệt trong bối cảnh các hộ tham gia vào khâu này đều có quy mô nhỏ, với năng lực quản lý và hiểu biết về các quy định của pháp luật còn hạn chế.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế, đối với cả 2 loại hình nhóm HGD việc áp dụng đúng các mức thuế khoán như Thông tin đã quy định là rất khó khăn. Bên cạnh đó, có thể nhiều HGD tham gia cả khâu thương mại và sản xuất. Trong trường hợp này, các quy định về mức thuế khoán theo Thông tư không thể áp dụng. Trên thực tế, có rất ít HGD hiện nay nộp khoản thuế theo Thông tư này quy định. Điều này có nghĩa rằng hộ không có bằng chứng về sự tuân thủ đối với quy định về thuế do cơ quan quản lý đưa ra. Đây là một trong những rủi ro cơ bản trong khâu đầu vào của chuỗi cung gỗ dán hiện nay.

(b) Rủi ro trong khâu từ ván bóc tới gỗ dán

Hầu hết các hộ gia đình và các cơ sở sản xuất ván bóc mua gỗ nguyên liệu (gỗ tròn) từ các HGD. Việc các HGD cung gỗ tròn cho các cơ sở sản xuất ván bóc trong bối cảnh thiếu các bằng chứng đảm bảo sự tuân thủ với các quy định về thuế hiện hành làm phát sinh rủi ro trong khâu này. Rủi ro trong khâu này đồng nghĩa với rủi ro trong tất cả các khâu còn lại của chuỗi cung, bao gồm cả các chuỗi cung sử dụng gỗ dán làm nguồn nguyên liệu đầu vào.

Cụ thể, nhiều công ty mua nguồn nguyên ván bóc đầu vào của các cơ sở chế biến là các hộ gia đình không có hóa đơn chứng từ cho nguồn nguyên liệu đầu vào. Để hợp thức hóa, một số công ty sản xuất gỗ dán phải tìm cách để hợp pháp hóa nguồn nguyên liệu đầu vào từ các cơ sở ván bóc.

Thời gian vừa qua, báo chí rầm rộ đưa tin về Công ty TNHH Junma Phú Thọ. Đây là công ty có nguồn vốn đầu tư từ Trung Quốc chuyên sản xuất gỗ dán để xuất khẩu, với Mỹ là thị trường xuất khẩu chính. Cơ quan chức năng của Việt Nam quyết định khởi tố điều tra công ty này và một số công ty có liên quan, bởi các nghi ngờ công ty có sự gian lận thương mại, mua hóa đơn chứng từ để hợp pháp hóa nguồn cung gỗ nguyên liệu đầu vào.¹⁷ Mặc dù trường hợp của công ty Junma phức tạp, điều này bộc lộ một lỗ hổng lớn trong việc thực hiện yêu cầu về quy định hiện hành của nhà nước về các khoản thuế, đặc biệt là các quy định áp dụng đối với nhóm đối tượng là các hộ gia đình nằm ở đầu chuỗi cung của chuỗi. Trường hợp này cũng chuyển tải một thông điệp quan trọng rằng (i) các quy định hiện hành đối với các nhóm đối tượng nhỏ, hoặc siêu nhỏ, bao gồm cả hộ gia đình có thể chưa sát với thực tế sản xuất kinh doanh của các nhóm này, và (ii) thực hiện các quy định này trong thực tế tại các địa phương còn có một số lỗ hổng. Tất cả các hạn chế này là một trong những nguyên nhân quan trọng làm phát sinh rủi ro không phải chỉ trong khâu này mà cho cả các khâu khác còn lại trong chuỗi cung.

Phụ lục 1 mô tả các quy định hiện hành về thuế được áp dụng đối với các Hộ gia đình/hợp tác xã/công ty tham gia vào chuỗi cung trồng rừng, thương mại, sản xuất về cung cấp gỗ tròn, ván bóc trong hoạt động sản xuất gỗ dán.

(c) Rủi ro trong pha trộn nguồn cung trong nước và nhập khẩu

Loại hình rủi ro thứ 3 có liên quan đến việc luồng nguyên liệu gỗ dán nhập khẩu, đặc biệt từ Trung Quốc, được “hòa” với nguồn cung nguyên liệu sản xuất trong nước trước khi đi vào khâu xuất khẩu, dưới nhãn mác là sản phẩm có nguồn gốc từ Việt Nam, trong khi các sản phẩm này không đáp ứng đủ tiêu chí về nhãn mác. Hành vi này được coi là hành vi vi phạm các quy định về chống bán phá giá tại quốc gia nhập khẩu.

Thực tế, việc “hòa” hay trộn lẫn giữa luồng cung nhập khẩu và nguồn cung sản xuất trong nước có thể chỉ xảy ra trên giấy tờ mà không phải trên thực tế. Có một số tín hiệu cho thấy một phần của luồng cung nhập khẩu từ Trung Quốc đã được các doanh nghiệp sản xuất gỗ dán từ Việt Nam, cụ thể là các doanh nghiệp vốn sở hữu của Trung Quốc, hoặc doanh nghiệp Việt thông đồng với các doanh nghiệp Trung Quốc, “phù phép” để biến nguồn gỗ dán nhập khẩu thành gỗ dán sản xuất trong nước. Việc “phù phép” có thể thực hiện thông qua việc “hòa” nguồn nhập khẩu với nguồn sản xuất nội địa, theo các tỷ lệ mà các cơ sở này định ra, hoặc chỉ xảy ra trên giấy tờ. Điển hình là việc Công ty TNHH Fine Wood Việt Nam có các hành vi lẩn tránh thuế phòng vệ thương mại được điều tra bởi Cơ quan Hải quan và Bảo vệ biên giới Mỹ khởi xướng điều tra¹⁸.

¹⁷ Thông tin báo chí liên quan đến trường hợp của công ty Junma được đăng tải bởi nhiều cơ quan báo chí, bao gồm Báo An Ninh Thế Giới (<http://antg.cand.com.vn/Vu-an-noi-tieng/Triet-xoa-duong-day-mua-ban-hoa-don-2-000-ty-dong-598205/>), Báo Pháp luật Việt Nam (<https://baophapluat.vn/nhip-song-hom-nay/nghi-van-cong-ty-tnhh-junma-phu-tho-co-dau-hieu-vi-pham-phap-luat-ve-thue-524089.html>), Tạp chí Thuế (<http://tapchithue.com.vn/cai-cach-va-hien-dai-hoa/18451-thue-phu-tho-cong-an.html>), VTV (<https://vtv.vn/phap-luat/triet-pha-duong-day-mua-ban-trai-phep-hoa-don-tri-gia-gan-2000-ty-dong-20200605084241204.htm>) và một số báo chí khác.

¹⁸ Thông tin về Việt Công ty Fine Wood Việt Nam <https://moit.gov.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/canh-bao-gia-tang-tinh-trang-hang-trung-quoc-%C4%91oi-lot-mac-viet-16507-2701.html>

Quyết định khởi xướng điều tra của Bộ Thương mại Hoa Kỳ đối với ngành sản xuất gỗ dán của Việt Nam được dựa trên các cáo buộc đối với một số công ty sản xuất gỗ dán từ Việt Nam, trong đó chủ yếu là đối với các công ty có vốn sở hữu từ Trung Quốc đã “phù phép” nguồn cung gỗ dán nhập khẩu từ Trung Quốc vào Việt Nam, nhằm lẩn tránh thuế mà Chính phủ Mỹ áp dụng đối với mặt hàng này được xuất khẩu trực tiếp từ Trung Quốc.

Cáo buộc của Chính phủ đối với một số công ty sản xuất gỗ dán từ Việt Nam gian lận thương mại là có cơ sở. Thứ nhất, trong những năm gần đây, nhập khẩu gỗ dán vào Việt Nam tăng đột biến, với lượng nhập mỗi năm lên tới gần 500.000 m³, kim ngạch gần 200 triệu USD. Lượng nhập từ Trung Quốc chiếm gần 90% trong tổng lượng nhập. Có thể lượng nhập gia tăng là bởi sự mở rộng thị trường cho các mặt hàng đồ của Việt Nam, bao gồm các mặt hàng có sử dụng gỗ dán làm nguồn nguyên liệu đầu vào, tại Mỹ tăng mạnh kể từ khi cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung bắt đầu. Tuy nhiên, theo một số chuyên gia đánh giá, nhu cầu về nguyên liệu gỗ dán để sản xuất đồ gỗ dùng trong xuất khẩu không thể giải thích được sự gia tăng nhập khẩu gỗ dán với số lượng rất lớn vào Việt Nam trong thời gian vừa qua.

Thứ 2, các dự án FDI tập trung vào sản xuất gỗ dán tại Việt Nam, đặc biệt là dự án có nguồn vốn sở hữu từ Trung Quốc tăng rất mạnh trong những năm vừa qua. Từ năm 2015 đến hết tháng 6 năm 2020, ngành gỗ đón nhận 42 dự án đầu tư vào sản xuất gỗ dán, trong đó có 29 dự án có vốn sở hữu từ Trung Quốc, chiếm 69% trong tổng dự án. Hầu hết các dự án này đều có quy mô nhỏ, với vốn đầu tư từ 1-3 triệu USD/dự án. Sự gia tăng đột biến về số dự án FDI từ Trung Quốc, và quy mô dự án nhỏ có thể là tín hiệu cho thấy các đầu tư không phải là dài hạn, và khi kết nối với sự mở rộng nhanh về luồng cung nhập khẩu mặt hàng này từ Trung Quốc thì tín hiệu về gian lận thương mại trở nên rõ ràng hơn. Đây cũng là một trong những loại hình rủi ro phổ biến trong chuỗi cung gỗ dán hiện tại.

(d) Rủi ro trong khâu sử dụng gỗ dán làm nguyên liệu cho các mặt hàng xuất khẩu

Gỗ dán sản xuất trong nước và nhập khẩu với các rủi ro nêu trên được sử dụng làm nguyên liệu đầu vào để sản xuất các mặt hàng đồ gỗ, đặc biệt đối với các mặt hàng phục vụ thị trường xuất khẩu sẽ chính là một loại hình rủi ro khác. Có tín hiệu có thấy loại hình rủi ro này tồn tại đối với một số nhóm mặt hàng tủ bếp và bộ phận đồ gỗ.

Giá trị xuất khẩu mặt hàng tủ bếp của Việt Nam làm từ gỗ dán đang tăng mạnh trong những năm gần đây. Hiện tủ bếp của Việt Nam được xuất khẩu ở dạng nguyên chiếc hoặc bộ phận đồ gỗ, được khai báo ở mã HS 940390 (bộ phận đồ gỗ) hoặc HS 94034 (nội thất phòng bếp). Năm 2019 giá trị xuất khẩu của hai nhóm mặt hàng này (tính gộp) tăng 34% so với năm 2018.

Trong 5 tháng đầu năm 2020, do ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19, trong khi giá trị xuất khẩu của các mặt hàng như nội thất phòng ngủ, nội thất văn phòng giảm, giá trị xuất khẩu nội thất phòng bếp và bộ phận đồ gỗ lại tăng lần lượt ở các mức là 58% và 17%. Bảng 17 chỉ ra sự thay đổi đó.

Bảng 17. Giá trị xuất khẩu mã hàng HS 9403 giai đoạn 2017 -5 tháng 2020 (USD)

Nhóm sản phẩm	2017	2018	2019	5T 2020
Nội thất phòng bếp (9403.40)	202.980.277	276.647.004	370.016.917	187.665.671
Bộ phận đồ gỗ (9403.90)	532.654.209	581.990.431	780.543.912	325.598.272
Tổng XK mã hàng 9403	3.779.273.148	4.003.004.188	4.814.937.139	1.772.067.878

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

Mỹ là thị trường nhập khẩu nhiều mặt hàng nội thất phòng bếp và bộ phận đồ gỗ của Việt Nam. Năm 2019, Mỹ nhập 219,6 triệu USD đồ nội thất phòng bếp chiếm 59% tổng giá trị xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam vào tất cả các thị trường. Trong cùng năm, Mỹ cũng nhập các mặt hàng thuộc nhóm phần đồ gỗ với giá trị 635,9 triệu USD, chiếm 81% tổng giá trị nhập khẩu mặt hàng này của cả Việt Nam từ tất cả các thị trường. Trong 5 tháng đầu năm 2020, hai mặt hàng trên xuất khẩu sang Mỹ tăng lần lượt 124% và 22% về kim ngạch trong khi các mặt hàng đồ nội thất khác giảm. Bảng 18 thể hiện sự gia tăng này.

Bảng 18. Giá trị xuất khẩu mã hàng HS 9403 sang thị trường Mỹ giai đoạn 2017 – 5 tháng 2020 (USD)

Sản phẩm	2017	2018	2019	5T 2020
Nội thất phòng bếp (9403.40)	104.177.880	140.936.382	219.683.629	131.949.640
Bộ phận đồ gỗ (9403.90)	416.520.931	458.873.262	635.940.208	73.412.713

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

Kim ngạch xuất khẩu nội thất phòng bếp và bộ phận đồ gỗ của Việt Nam sang Mỹ tăng trong bối cảnh nhập khẩu các mặt hàng này vào Việt Nam cũng tăng theo. Việc gia tăng nhập khẩu các mặt hàng này có thể là phản ứng của doanh nghiệp chế biến xuất khẩu, nhằm đáp ứng với nhu cầu gia tăng trong nhập khẩu các nhóm mặt hàng này tại Mỹ, do việc thiếu hụt nguồn cung từ Trung Quốc (là tác động của cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung). Tuy nhiên, đây cũng có thể là tín hiệu đối với việc lẩn tránh thuế của các doanh nghiệp Trung Quốc, khi các doanh nghiệp này lợi dụng Việt Nam để làm kênh trung chuyển mặt hàng này sang thị trường Mỹ. Các thông tin về Việt Nam nhập khẩu nhóm các mặt hàng này từ Trung Quốc như sau:

Giá trị nhập khẩu đối với mã hàng HS 9403 nói chung từ Trung Quốc vào Việt Nam tăng mạnh. Năm 2019 kim ngạch nhập khẩu đạt 124,7 triệu USD tăng 136% so với năm 2018.

Khi nhập khẩu vào Việt Nam từ Trung Quốc, mặt hàng tủ bếp thường được khai báo ở mã bộ phận đồ gỗ (HS 94039). Năm 2019 giá trị nhập khẩu mặt hàng này tăng trên 312% so với năm 2018. Kim ngạch 5 tháng đầu năm 2020 tăng 187% so với cùng kỳ của năm 2019 (Bảng 19).

Bảng 19. Việt Nam nhập khẩu tủ bếp và bộ phận đồ gỗ từ Trung Quốc đến hết tháng 5 năm 2020 (USD)

Mặt hàng	2017	2018	2019	So 2019/18 (%)	5T 2020	5T 2019	So 5T (%)
Nội thất phòng bếp (9403.40)	3.113.285	4.982.520	4.488.536	-10%	1.027.869	1.872.060	-45%
Bộ phận đồ gỗ (9403.90)	16.633.813	18.007.259	74.274.276	312%	44.739.413	15.565.514	187%

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

Năm 2019, bộ phận đồ gỗ (HS 94039) nhập từ Trung Quốc vào Việt Nam chiếm 74% về giá trị trong tổng kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng đồ gỗ (HS9403) từ thị trường này vào Việt Nam trong cả năm. Giá trị

nhập khẩu bộ phận đồ gỗ năm 2019 là 65,3 triệu USD, tăng 426% so với năm 2018. Trong 5 tháng đầu năm 2020, giá trị nhập khẩu mặt hàng này là 40,9 triệu USD, tăng 225% so với giá trị cùng kỳ năm 2019. Bảng 20 thể hiện sự gia tăng này.

Bảng 20. Nhập khẩu nội thất phòng bếp và bộ phận đồ gỗ từ Trung Quốc vào Việt Nam đến hết tháng 5 năm 2020.

Mã hàng	2017	2018	2019	So 2019/18 (%)	5T 2020	5T 2019	So 5T (%)
Nội thất phòng bếp (9403.40)	507.645	846.767	1.380.500	63%	451.476	486.005	-7%
Bộ phận đồ gỗ (9403.90)	11.597.806	12.416.991	65.338.377	426%	40.978.814	12.698.173	223%

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

Ngày 13 tháng 4 vừa qua, sau quá trình điều tra về các cáo buộc trong gian lận thương mại, Bộ Thương mại Mỹ đã chính thức gia quyết định áp dụng mức thuế chống bán phá giá đối với mặt hàng tủ bếp của Trung Quốc xuất khẩu vào thị trường này.¹⁹ Mặc dù tủ bếp là nhóm mặt hàng bị áp thuế, một số sản phẩm thuộc nhóm mặt hàng phòng tắm có sử dụng cùng nguồn nguyên liệu với tủ bếp cũng bị áp thuế. Các mức thuế khác nhau được áp dụng cụ thể đối với từng mặt hàng, với hầu hết các mặt hàng bị áp mức thuế 48,5%. Tuy nhiên có mặt hàng bị áp cao nhất lên tới 293,45%.

Việc Chính phủ Mỹ áp dụng mức thuế chống bán phá giá đối với mặt hàng tủ bếp của Trung Quốc đã phát đi thông điệp cảnh báo quan trọng cho nhóm mặt hàng tủ bếp của Việt Nam và các bộ phận đồ gỗ có sử dụng cùng nguồn nguyên liệu với tủ bếp mà Việt Nam hiện đang xuất vào Mỹ. Thông điệp cảnh báo này được hình thành dựa trên các thông tin tương tự đối với mặt hàng gỗ dán từ Việt Nam mà Chính phủ Mỹ đang điều tra. Thông tin này bao gồm: lượng xuất khẩu vào Mỹ tăng mạnh, đặc biệt là trong những năm gần đây, xu hướng tăng tương tự từ luồng nhập mặt hàng này từ Trung Quốc. Các tín hiệu này đã tương đối rõ ràng, đòi hỏi các cơ quan quản lý và ngành cần có những phương thức giảm rủi ro, nhằm tránh tình trạng giống như mặt hàng gỗ dán hiện nay. Phần dưới đây đưa ra một số kiến nghị giảm rủi ro, góp phần giúp ngành sản xuất gỗ dán và các ngành sử dụng gỗ dán làm nguyên liệu đầu vào phát triển bền vững trong tương lai.

9. Giảm rủi ro và phát triển bền vững ngành gỗ dán

Rủi ro đối với mặt hàng gỗ dán từ Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ và các thị trường khác như Hàn Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ đã trở thành hiện thực. Các rủi ro này **có thể** lan rộng trong tương lai trên cả 2 phương diện (i) về thị trường xuất khẩu (ví dụ thêm số quốc gia quyết định điều tra) và (ii) mở rộng điều tra đối với một số mặt hàng mới có sử dụng nguồn gỗ dán làm nguyên liệu đầu vào (ví dụ như mặt hàng tủ bếp) được xuất sang một thị trường cụ thể. Hình thành và thực hiện các cơ chế giảm thiểu rủi ro trên cả 2 phương diện này là một việc hết sức cấp bách và cần thiết đối với các cơ quan quản lý và cộng đồng doanh nghiệp các doanh nghiệp trong ngành, đặc biệt là đối với các bên đang trực tiếp tham gia chuỗi

¹⁹ Thông tin chi tiết về trường hợp này tham khảo tại website của tổ chức Furniture Today: <https://www.furnituretoday.com/furniture-manufacturing/doc-launches-anti-circumvention-inquiry-into-chinese-made-plywood-products/>.

cung gỗ dán, cũng như các chuỗi cung có sử dụng gỗ dán làm nguồn nguyên liệu đầu vào. Dựa trên các thông tin phân tích ở trên, Nhóm nghiên cứu đưa ra bốn nhóm kiến nghị sau.

9.1. Nhóm kiến nghị nhằm giảm rủi ro trong khâu gỗ nguyên liệu và ván bóc

Rủi ro trong khâu này hiện nay chủ yếu hình thành do các quy định có liên quan đến các mức thuế được áp dụng cho các hoạt động trong khâu hoặc chưa rõ ràng, chưa phù hợp với tình trạng và điều kiện sản xuất kinh doanh của các nhóm đối tượng tham gia khâu này, đặc biệt là đối với hộ gia đình, còn tiềm ẩn một số lỗ hổng trong việc áp dụng, tạo cơ sở cho việc trục lợi của một số đối tượng. Do vậy các kiến nghị cụ thể để giảm rủi ro trong khâu này bao gồm:

- Tiến hành đánh giá chi tiết về thực trạng của khâu này. Cho đến nay, vẫn chưa có bất cứ một đánh giá chi tiết nào về thực trạng của khâu này. Việc thiếu thông tin dẫn đến các cơ chế chính sách ban hành không sát thực tế. Một ví dụ điển hình là trong thời gian vừa qua, khi cơ quan công an của Phú Thọ đưa ra thông tin áp thuế đối với các hộ gia đình làm ván bóc, một loạt các cơ sở sản xuất ván bóc quy mô hộ gia đình đã phải tạm ngừng hoạt động, vì theo các cơ sở này, mức thuế cơ quan công an đưa ra làm cho sản xuất kinh doanh của các hộ không có lãi²⁰.
- Dựa trên thông tin đánh giá thực trạng, thực hiện đánh giá các chính sách có liên quan hiện nay. Đánh giá này sẽ giúp cho việc điều chỉnh các cơ chế chính sách hiện nay sát với thực tế hơn, tạo thuận lợi cho các bên tham gia trong khâu đầu của chuỗi cung này thực thi chính sách hiệu quả.
- Để nâng cao tính thực tiễn trong việc áp dụng, cơ quan quản lý cần nhắc nhở đơn giản hóa và đồng nhất hóa các cơ chế chính sách hiện hành, đặc biệt là các chính sách có liên quan đến thuế và phí áp dụng cho các đối tượng khác nhau thuộc khâu này.
- Chính phủ hỗ trợ các hộ gia đình tham gia trong khâu này, nhằm nâng cao năng lực, tiếp cận thông tin với các yêu cầu mà luật pháp quy định, tiếp cận thông tin yêu cầu thị trường. Các gói tín dụng ưu đãi, bao gồm cả các ưu đãi về thuế, cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ có vai trò lớn trong việc nâng cao năng lực và sự tuân thủ các yêu cầu pháp lý của hộ gia đình.
- Cán bộ địa phương tăng cường năng lực trong việc thực thi chính sách, đảm bảo các chính sách áp dụng cho các nhóm đối tượng này được thực hiện nhất quán, tránh tình trạng sách nhiễu, không đem lại hiệu quả trong thực thi.

9.2. Nhóm kiến nghị nhằm giảm rủi ro trong pha trộn nguồn gỗ dán nhập khẩu và nguồn sản xuất nội địa.

Việc hòa trộn giữa nguồn gỗ dán nguyên liệu nhập khẩu và nguồn sản xuất trong nước là một trong những nguyên nhân dẫn đến rủi ro trong chuỗi, đặc biệt trong bối cảnh cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung. Giảm thiểu rủi ro trong khâu này có thể được thực hiện thông qua các cơ chế sau:

- Đánh giá chi tiết thực trạng của việc nhập khẩu gỗ dán. Các đánh giá này nhằm tìm hiểu các thông tin về các loại hình doanh nghiệp nhập khẩu, và luồng gỗ dán nhập khẩu được sử dụng như thế nào sau khi được nhập khẩu vào nội địa. Việc đánh giá có thể bắt đầu với dữ liệu nhập khẩu của cơ quan Hải Quan, kết hợp với các hình thức như khuyến khích doanh nghiệp tự khai báo về thông tin chuỗi cung của mình, chính quyền địa phương kiểm tra doanh nghiệp, thông tin

²⁰ Phú Thọ: Thuế cao, nhiều hộ cá thể kinh doanh, sản xuất dăm gỗ phải dừng sản xuất: <https://m.baophapluat.vn/cau-chuyen-phap-luat/phu-tho-thue-cao-nhieu-ho-ca-the-kinh-doanh-san-xuat-dam-go-phai-dung-san-xuat-526799.html?gidzl=g1pwlZilPtEd0lrJrJ9kSQi0y5FED6vpj0AdKCaoQIEr1V5KppHkT-K2z5MQOsSXvLVq36PB0wiLqYjeSG>

thu thập từ các hiệp hội gỗ địa phương. Thông tin chi tiết về chuỗi cung gỗ dán nhập khẩu sẽ làm sáng tỏ các thông tin có liên quan đến thực trạng của các khâu trong chuỗi

- Đánh giá thực trạng sản xuất gỗ dán trong nước. Hiện chưa có bất cứ một đánh giá nào về thực trạng sản xuất gỗ dán trong nước. Thống kê của Tổng cục Lâm nghiệp năm 2019 về các cơ sở chế biến mới dừng lại ở mức độ số lượng các cơ sở này mà chưa tìm hiểu các thông tin về nguồn cung nguyên liệu đầu vào, đầu ra của các cơ sở này, và việc tuân thủ các quy định pháp luật của các cơ sở này hiện nay. Đánh giá thực trạng sản xuất sẽ làm sáng tỏ thực trạng của hợp phần này, góp phần cung cấp thông tin cho chuỗi cung nội địa. Tương tự như việc đánh giá luồng cung nhập khẩu, đánh giá luồng cung sản xuất nội địa có thể được thực hiện thông qua việc khuyến khích doanh nghiệp tự khai báo, kết hợp với thông tin điều tra từ chính quyền địa phương hoặc/và các hiệp hội nghề nghiệp địa phương.
- Các cơ quan quản lý có liên quan tăng cường kiểm tra giám sát đối với các đơn vị nhập khẩu và các đơn vị sản xuất nội địa. Việc kiểm tra giám sát không chỉ dừng lại đối với các doanh nghiệp sản xuất nội địa, mà cần bao gồm cả các công ty có vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các công ty có nguồn vốn sở hữu từ Trung Quốc.

9.3. Giảm rủi ro trong khâu gỗ dán là nguyên liệu đầu vào cho các mặt hàng xuất khẩu khác

Gỗ dán hiện đang được sử dụng làm nguyên liệu đầu vào để sản xuất các mặt hàng khác như ván sàn, đồ gỗ, tủ bếp... phục vụ xuất khẩu. Rủi ro trong các khâu đầu của chuỗi cung gỗ dán, bao gồm trong cả khâu sản xuất và pha trộn nguồn cung nhập khẩu và nội địa làm sản sinh ra rủi ro trong khâu xuất khẩu các mặt hàng sử dụng nguyên liệu gỗ dán. Để giảm thiểu rủi ro trong khâu này, các kiến nghị đưa ra bao gồm:

- Nghiên cứu về thực trạng chuỗi cung đồ gỗ có sử dụng gỗ dán là nguồn nguyên liệu hiện nay. Đánh giá này nên bắt đầu bằng việc lựa chọn các nhóm mặt hàng chính có sử dụng gỗ dán nguyên liệu, từ đó đánh giá các thông tin chi tiết về thực trạng sử dụng nguồn cung đầu vào, sản phẩm và thị trường đầu ra.
- Tổ chức hội thảo, tọa đàm, chia sẻ thông tin giữa các doanh nghiệp hiện đang tham gia trong các chuỗi cung sử dụng gỗ dán làm nguyên liệu đầu vào, và giữa các doanh nghiệp và cơ quan quản lý, nhằm nắm bắt được thực trạng về rủi ro, từ đó khuyến khích các doanh nghiệp đưa ra các cơ chế giảm thiểu rủi ro.
- Khuyến khích các doanh nghiệp tiên phong trong việc chuyển đổi nguồn cung nguyên liệu gỗ dán, từ luồng cung không rõ ràng, tiềm ẩn nhiều rủi ro, sang các luồng cung rõ ràng, với các thông tin về nguyên liệu, đầu ra, đầu vào mà doanh nghiệp hoàn toàn đánh giá và kiểm soát được về tính pháp lý và sự tuân thủ các yêu cầu pháp lý của các bên cung nguyên liệu này.

Báo cáo kiến nghị tiến hành đồng bộ các biện pháp rủi ro trong tất cả các khâu nêu trên. Tuy nhiên ưu tiên cao nhất nên được đặt ra đối với các cơ chế, chính sách và biện pháp nhằm giảm rủi ro đối với nhóm sản phẩm có tín hiệu rủi ro rõ ràng nhất, như mặt hàng tủ bếp và các nhóm đồ gỗ khác. Thực hiện các ưu tiên này, và các biện pháp đồng bộ khác sẽ không chỉ góp phần giảm thiểu rủi ro trong chuỗi cung gỗ dán hiện tại mà còn cả trong các chuỗi cung khác sử dụng gỗ dán là nguyên liệu đầu vào để sản xuất ra các mặt hàng xuất khẩu. Điều này sẽ góp phần giúp ngành gỗ dán và các ngành liên quan phát triển bền vững trong tương lai.

Phụ lục

Phụ lục 1: Một số quy định trong các khâu từ gỗ rừng trồng tới nhà máy gỗ dán

Các khâu	Quy định	Quy định
Gỗ rừng trồng ↓ khai thác ↓ Gỗ tròn ↓	Công đoạn 1: Chủ rừng là Hộ gia đình/Công ty/HTX trồng rừng khi bán gỗ 1. Hồ sơ để khai thác Chủ rừng tự khai thác, sau khai thác chủ rừng lập bảng kê lâm sản (Theo quy định tại Điều 15 của Thông tư 27 của Bộ NN và PTNT) 2. Thuế GTGT - HGD/công ty/HTX là các chủ rừng không nộp thuế GTGT (Theo Khoản 1, điều 4 và khoản 5 điều 5 của Thông tư 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính)	Theo quy định tại Điều 15 của Thông tư 27 của Bộ NN và PTNT Theo Khoản 1, điều 4 và điều 11 thông tư 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính
Vận chuyển ↓ Đơn vị mua gỗ (HGD/HTX/Công ty) ↓ Bán ↓ Đơn vị cung cấp ván bóc (HGD/HTX/Công ty)	Công đoạn 2: Thương mại gỗ tròn: Người mua gỗ là các HGD/Công ty/HTX mua gỗ từ HGD/Công ty/HTX trồng rừng sau đó bán gỗ tròn 1. Vận chuyển: Bảng kê lâm sản + HĐ mua bán 2. Thuế 2.1. Đối với HGD bán gỗ tròn - Trường hợp 1: HGD là cơ sở có đăng ký, có hóa đơn đỏ Mức thuế phải đóng là 1,5%: gồm 1% thuế GTGT và 0,5% thuế thu nhập cá nhân Được quy định tại khoản 5, Điều 5 Thông tư 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính và điểm b, khoản 2, Điều 2 tại Thông tư 92/2015/TT-BTC - Trường hợp 2: HGD đóng thuế khoán (thuế được đóng dựa vào doanh thu, doanh thu của HGD do cán bộ thuế địa phương điều tra) Mức thuế phải đóng là 4,5% gồm: 3% thuế GTGT và 1,5% thuế thu nhập cá nhân Theo quy định tại điểm b1, khoản 2, Điều 2 tại Thông tư 92/2015/TT-BTC 2.2. Đối với Công ty bán gỗ tròn: - Trường hợp các Công ty kinh doanh thương mại (nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ) bán sản phẩm gỗ rừng trồng chưa qua chế biến cho Công ty (cũng là một doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ) thì trường hợp này thuộc đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT theo quy định tại Khoản 5 Điều 5 Thông tư 219 nêu trên. Hóa đơn xuất cho Công ty là hoá đơn không có thuế	Nộp theo QĐ tại khoản 5, điều 5 thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính và Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015

	GTGT, trên hóa đơn ghi dòng giá bán là giá không có thuế GTGT, dòng thuế suất và thuế GTGT không ghi, gạch bỏ - Trường hợp cho đối tượng khác: Thuế GTGT phải đóng là 10% Theo quy định tại Điều 11 <i>Thông tư 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính</i>	
Đơn vị cung cấp ván bóc (HGĐ/HTX/Công ty) ↓ Bán Đơn vị SX gỗ dán	Công đoạn 3: HGĐ/HTX/Công ty cung cấp ván bóc - >bán ván bóc → Công ty SX gỗ dán Thuế 1. Đối với HGĐ sản xuất ván bóc sau đó bán ván bóc - Trường hợp 1: HGĐ là cơ sở có đăng ký, có hóa đơn đỏ Mức thuế phải đóng là 1,5%: gồm 1% thuế GTGT và 0,5% thuế thu nhập cá nhân Được quy định tại khoản 5, Điều 5 Thông tư 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính và điểm b, khoản 2, Điều 2 tại Thông tư 92/2015/TT-BTC - Trường hợp 2: HGĐ đóng thuế khoán (thuế được đóng dựa vào doanh thu, doanh thu của HGĐ do cán bộ thuế địa phương điều tra) Mức thuế phải đóng là 4,5% gồm: 3% thuế GTGT và 1,5% thuế thu nhập cá nhân Theo quy định tại điểm b1, khoản 2, Điều 2 tại Thông tư 92/2015/TT-BTC 2. Đối với HGĐ thương mại ván bóc Mức thuế phải đóng là 7%: gồm thuế giá trị gia tăng là 5%; thuế thu nhập cá nhân là 2%. Theo quy định tại điểm b1, khoản 2, Điều 2 tại Thông tư 92/2015/TT-BTC 3. Đối với Công ty bán ván bóc: Thuế GTGT phải đóng là 10% Theo quy định tại Điều 11 <i>Thông tư 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính</i>	<i>Nộp theo QĐ tại khoản 5, Điều 5 thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính</i> <i>Và Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015</i> Các công ty sản xuất gỗ dán tự cân đối đầu vào

Phụ lục 2: Các quốc gia đầu tư vào mặt hàng gỗ dán tại Việt Nam

Quốc gia	Số lượng	Vốn đầu tư (USD)
Trung Quốc	29	150.870.780
Đài Loan	6	5.419.812
Hồng Kông	4	10.500.000
Seychelles	4	17.500.000
Hàn Quốc	2	13.141.965
Hoa Kỳ	2	9.895.857
Samoa	2	2.970.000
Malaysia	1	2.247.000
Marshall Islands	1	40.000.000
Nhật Bản	1	9.400.000
Singapore	1	14.500.000
Tổng	53	276.445.414

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài

Phụ lục 3: Tóm tắt tiến trình các vụ điều tra liên quan mặt hàng gỗ dán

Thời gian	Nội dung
1. Vụ kiện chống bán phá giá từ Mỹ	
Ngày 25/02/2020 Liên Minh thương mại công bằng gỗ dán cứng Hoa Kỳ gửi đơn yêu cầu đề nghị Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với sản phẩm gỗ ván ép cứng xuất khẩu từ Việt Nam <i>(được đại diện bởi Hãng Luật WILEY)</i>	- Sản phẩm điều tra: Mặt hàng Gỗ dán cứng. Theo Hoa Kỳ, xuất khẩu mặt hàng này năm 2019 đạt 309 triệu USD tăng 950% so với năm 2016 - Cáo buộc: Liên Minh thương mại công bằng gỗ dán cứng Hoa Kỳ cho rằng, sau khi Hoa Kỳ áp thuế mặt hàng này với hàng hóa của Trung Quốc thì: (1) Các nhà sản xuất Trung Quốc đã chuyển sản phẩm này sang Việt Nam để thực hiện lắp ráp và tiếp tục xuất khẩu sang Hoa Kỳ; (2) Các nhà máy lắp ráp sản phẩm gỗ dán cứng tại Việt Nam và các nhà máy sản xuất tại Trung Quốc là các công ty liên kết để thực hiện hành vi tránh biện pháp chống bán phá giá chống trợ cấp đối với sản phẩm của Trung Quốc Đề nghị của nguyên đơn: - Khởi xướng điều tra và xác định tồn tại hành vi lẩn tránh áp dụng biện pháp trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận đơn; - Yêu cầu điều tra và áp dụng biện pháp với tất cả các nhà xuất khẩu sản phẩm bị cáo buộc của Việt Nam.
Ngày 28/2/2020 Cục phòng vệ thương mại – Bộ Công thương đã có chính thức thông báo về vụ việc này	Công văn số 121/PVTM-P3 ngày 28/2/2020 Thông báo Bộ Thương mại Hoa Kỳ nhận đơn yêu cầu điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với sản phẩm gỗ dán cứng từ Việt Nam

Ngày 3/3/2020 Hiệp hội Gỗ và lâm sản Việt Nam đã có cuộc trao đổi với đại diện các công ty gỗ dán và chi hội gỗ dán	Nội dung: Thông báo tình hình Mỹ chấp nhận đơn đề nghị của Liên Minh Liên Minh thương mại công bằng gỗ dán cứng Hoa Kỳ và nghe chia sẻ của các công ty gỗ dán Tham dự cuộc họp có: Công ty JUNMA Phú Thọ; Công ty TNHH sản xuất Long Lưu – Thanh Hóa; Công ty TTTK – Hà Nội; Công ty TNHH Trung Việt và Chi hội gỗ dán
Ngày 4/3/2020 DOC Hoa Kỳ ra thông báo về thời gian để các bên đưa ra lập/bình luận, ý kiến liên quan tới các cáo buộc trong đơn.	Nội dung: DOC đưa ra thời hạn để các bên liên quan gửi ý kiến: - Ngày 10/3 đối với bản lập luận (file comments) và; - 16/3 đối với bản phản biện (rebuttal comments).
Ngày 5/03/2020 Cục phòng vệ thương mại – Bộ Công thương đã tổ chức cuộc họp với hơn 20 công ty gỗ dán	Nội dung: Thông báo về tình hình DOC Hoa Kỳ chấp thuận đơn kiện và thông báo thời DOC Hoa Kỳ đưa ra thời hạn gửi bản lập luận và bản phản biện
Ngày 9/3/2020 DOC Hoa Kỳ gia hạn lần 1 về thời gian gửi bản lập luận và bản phản biện đối với phạm vi điều tra sản phẩm của Việt Nam và cáo buộc về lẩn tránh thuế	Nội dung: Thông báo thời hạn mới để các bên liên quan gửi ý kiến là: - Ngày 13/3 đối với bản lập luận (file comments) và - Ngày 19/3 đối với bản phản biện (rebuttal comments).
Ngày 10/3/2020 Cổ phần ván ép Việt Bắc (VietBac Plywood JSC) đã làm đơn đề nghị về việc gia hạn thời gian đưa ra bình luận, ý kiến và quan điểm (comment) của các bên về phạm vi sản phẩm	Nội dung: Công ty Cổ phần ván ép Việt Bắc (VietBac Plywood JSC) đã làm đơn gửi DOC Hoa Kỳ đề nghị gia hạn thời gian đưa ra bình luận, ý kiến và quan điểm (comment) của các bên về phạm vi sản phẩm và lẩn tránh thuế
Ngày 11/3/2020 DOC gia hạn lần 2 về thời gian về thời gian gửi bản lập luận và bản phản biện đối với phạm vi điều tra sản phẩm của Việt Nam và cáo buộc về lẩn tránh thuế	Nội dung: Thông báo thời hạn mới để các bên liên quan gửi ý kiến là: - Ngày 17/3 đối với bản lập luận (file comments) và - Ngày 20/3 đối với bản phản biện (rebuttal comments).
Ngày 16/3/2020 DOC gia hạn lần 3 về thời gian về thời gian gửi bản lập luận và bản phản biện đối với phạm vi điều tra sản phẩm của Việt Nam và cáo buộc về lẩn tránh thuế	Nội dung: Thông báo thời hạn mới để các bên liên quan gửi ý kiến là: - Ngày 20/3 đối với bản lập luận (file comments) và - Ngày 26/3 đối với bản phản biện (rebuttal comments).
Trước ngày 20/3/2020 Các bên liên quan trong đó có các công ty sản xuất gỗ dán tại Việt Nam đã gửi đơn đưa ra lập luận về đơn	Nội dung: DOC nhận được các đơn của các đơn vị đưa ra lập luận và phản biện về đơn kiện của Liên Minh công bằng gỗ cứng Hoa Kỳ, gồm: - VIFOREST gửi ngày 18/3/2020 - Truong Son Industrial Wood JSC ngày 20/3/2020

khởi kiện của Liên Minh gỗ dán cứng Hoa Kỳ	- Viet Bac Plywood JSC and Plywood Source LLC ngày 20/3/2020; - TL Trung Viet Co.,Ltd ngày 20/3/2020 - Thanh Hoa Wood Industry Co.,Ltd ngày 20/3/2020; - Bộ Công Thương Việt Nam ngày 25/3/2020
Ngày 1/4/2020 DOC Hoa Kỳ gửi thông báo về yêu cầu bổ sung chứng nhận của đơn vị (doanh nghiệp) đối với các bản ý kiến (comment) đã nộp vào ngày 20 tháng 3 vừa qua	DOC Hoa Kỳ gửi thông báo yêu cầu các đơn vị đã gửi thư đưa ra bình luận về đơn cáo buộc ở trên bổ sung chứng nhận của đơn vị (doanh nghiệp) đối với các bản ý kiến (comment) đã nộp vào ngày 20 tháng 31
Ngày 14/4/2020 DOC Hoa Kỳ thông báo gia hạn thời gian xem xét/ra quyết định khởi xướng đối trong vụ việc Hoa Kỳ nhận đơn yêu cầu điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với sản phẩm gỗ dán cứng của Việt Nam.	Nội dung: DOC Hoa Kỳ thông báo gia hạn thời gian xem xét/ra quyết định khởi xướng đối trong vụ việc Hoa Kỳ nhận đơn yêu cầu điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với sản phẩm gỗ dán cứng của Việt Nam. Thời hạn mới theo thông báo này là ngày 02 tháng 6 năm 2020
Ngày 2/6/2020 DOC Hoa Kỳ lại tiếp tục có thông gia hạn thời gian xem xét/ra quyết định khởi xướng	Nội dung: DOC Hoa Kỳ tiếp tục có thông báo gia hạn thời gian xem xét/ra quyết định khởi xướng lần thứ hai trong vụ việc Hoa Kỳ nhận đơn yêu cầu điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với sản phẩm gỗ dán cứng của Việt Nam. Thời hạn mới theo thông báo này là ngày 09 tháng 6 năm 2020
Ngày 11/6/2020 DOC Hoa Kỳ quyết định khởi xướng điều tra	Nội dung: Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp chống lẩn tránh thuế với sản phẩm gỗ dán của Việt Nam. Theo quy định của Hoa Kỳ, nếu các doanh nghiệp chứng minh được nguyên liệu sử dụng để sản xuất sản phẩm gỗ dán xuất khẩu sang Hoa Kỳ có xuất xứ Việt Nam hoặc từ các nước khác (không phải Trung Quốc) có thể sẽ không bị coi là có hành vi lẩn tránh thuế - Sản phẩm và phạm vi điều tra: + Các sản phẩm gỗ dán cứng được sản xuất tại Việt Nam, gồm: gỗ dán hoàn thiện tại Việt Nam bằng cách sử dụng các thành phần gỗ dán (ván lạng lớp mặt, ván lạng mặt sau, và/hoặc ván lạng lõi đã lắp ráp hoặc ván lạng lõi riêng lẻ) được sản xuất tại Trung Quốc hoặc có các thành phần của Trung Quốc (lõi lắp ráp, tấm lõi đa lớp, hoặc ván lạng lõi riêng lẻ) được lắp tại Việt Nam với các thành phần khác (ván lạng lớp mặt và/hoặc ván lạng mặt sau) được sản xuất tại Việt Nam hoặc nước thứ ba, và sau đó được xuất khẩu sang Hoa Kỳ + Các công ty tham gia xuất khẩu gỗ dán
Hiện tại:	Phía các DN Việt Nam đang đợi DOC gửi câu hỏi điều tra

2. Vụ kiện chống bán phá giá từ Hàn Quốc	
Ngày 03/12/ 2019 Ủy ban thương mại Hàn Quốc (KTC) đã khởi xướng điều tra sản phẩm Gỗ dán (Plywood) của Việt Nam	Ủy ban thương mại Hàn Quốc (KTC) đã khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá với sản phẩm Gỗ dán (Plywood) của Việt Nam Sản phẩm điều tra: Gỗ ván (Plywood) thuộc các mã HS: 4412.31.4011; 4412.31.4019; 4412.31.4021; 4412.31.1029; 4412.31.5010; 4412.31.6010; 4412.31.6090; 4412.31.7010; 4412.31.7090; 4412.33.4010; 4412.33.4020; 4412.33.5000; 4412.33.6000; 4412.33.7000; 4412.34.4020; 4412.34.5000; 4412.34.6000; 4412.34.7000; 4412.39.9000; 4412.99.6000; 4412.99.9100; 4412.99.4100; 4412.99.5100. Giai đoạn điều tra: 01/07/2018 – 30/6/2019. Thời gian để tiến hành điều tra vụ việc chống bán phá giá là 12 tháng (kể từ ngày khởi xướng) và có thể gia hạn nhưng không quá 18 tháng. Cáo buộc: Quy trình, phạm vi và thủ tục điều tra: - Kể từ ngày khởi xướng, Ủy ban thương mại Hàn Quốc (KTC) có thể sẽ tiến hành lựa chọn bị đơn bắt buộc và gửi bản câu hỏi điều tra để thu thập thông tin trong quá trình xem xét, đánh giá, xác định hành vi bán phá giá của doanh nghiệp xuất khẩu. Thời hạn để trả lời bản câu hỏi thường là 37 ngày kể từ ngày ban hành. - Các doanh nghiệp xuất khẩu không được chọn làm bị đơn bắt buộc có thể gửi yêu cầu (bằng văn bản) đề nghị được tham gia làm bị đơn tự nguyện và tính toán mức thuế riêng cho từng doanh nghiệp. Văn bản yêu cầu tham gia vụ việc phải được gửi tới KTC trong vòng 03 tuần kể từ ngày thông báo khởi xướng điều tra. Sau khi nhận được bản trả lời câu hỏi, Hàn Quốc có thể sẽ ban hành kết luận sơ bộ và áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời. Thêm vào đó, KTC sẽ tiến hành thẩm tra tại chỗ các doanh nghiệp đã trả lời bản câu hỏi để xác minh những thông tin đã cung cấp. Ngày sau đó : KTC gửi câu hỏi điều tra tới 6 doanh nghiệp được chọn điều tra
Ngày 29/4/2020 Ủy ban thương mại Hàn Quốc công bố kết quả điều tra sơ bộ	Nội dung Theo thông báo này, Hàn Quốc quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời lên sản phẩm gỗ dán của của Việt Nam từ 9,18-10,65%. Trong đó có 6 công ty có mức thuế riêng (Công ty SAVICO áp thuế chống bán phá giá là 10,65%; Công ty TNHH XNK Thanh Hùng áp ở mức: 10,27%; Công ty Junma Phú Thọ và Công ty TNHH MTV Kiều Thị Junma mức áp là 10,55%; Công ty TNHH Gỗ Yên Bái mức là 9,25%; Công ty TNHH Gỗ Rongjia Việt Nam

	mức áp là 9,18%). Còn lại toàn bộ các công ty khác xuất khẩu gỗ dán sang Hàn Quốc áp mức thuế chung là 10,54%. Thời gian áp thuế: từ 29/5/2020- 28/9/2020
Ngày 25/5/2020 Bộ Công thương Việt Nam đã có phản hồi về quyết định này	Nội dung: Bộ Công thương Việt Nam gửi bản lập luận để bày tỏ quan điểm đối với kết luận sơ bộ của KTC và đề nghị KTC và hủy bỏ điều tra.
Hiện tại	Đang đợi kết quả cuối cùng của vụ việc
<i>3. Vụ kiện chống bán phá giá từ Thổ Nhĩ Kỳ</i>	
Ngày 27/5/2015 Bộ Kinh Tế ra quyết định chính thức điều tra mặt hàng gỗ dán của Việt Nam	Bộ Kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ ra quyết định khởi xướng điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá với gỗ dán nhập khẩu từ một số nước trong đó có Việt Nam. Sản phẩm điều tra: Gỗ dán có mã HS: 4412.10; 4412.31; 4412.32 và 4412.39 Giai đoạn điều tra: từ năm 2010 đến nay (hết tháng 5/2015) Quy trình, thủ tục điều tra: Thời gian để tiến hành điều tra vụ việc chống bán phá giá là 12 tháng (kể từ ngày khởi xướng) và có thể gia hạn nhưng không quá 18 tháng. Cáo buộc: Bộ Kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ sơ bộ xác định kể từ năm 2010, lượng nhập khẩu sản phẩm bị điều tra từ Việt Nam đã tăng lên đáng kể, theo đó lượng hàng nhập khẩu từ Việt Nam từ năm 2010 trở về trước chỉ đạt 3.250m³, nhưng trong năm 2013 đã tăng lên 10.052m³ và năm 2014 là 24.065m³. Lượng xuất khẩu của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu mặt hàng này vào Thổ Nhĩ Kỳ cũng tăng từ 2% trong năm 2010 lên 8% trong năm 2014 (đứng thứ 4 sau Nga, Ukraine và Brasil). Tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng gỗ dán của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ trong kỳ điều tra là 20 triệu USD Căn cứ những diễn biến, dữ liệu thực tế nêu trên, Bộ Kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ đã quyết định khởi xướng điều tra vụ việc để xem xét liệu có khả năng tồn tại việc lẩn tránh thuế chống bán phá giá với gỗ dán hay không. Nguyên nhân: Trước đó, năm 2006 Thổ Nhĩ Kỳ đã ra quyết định áp thuế chống bán phá giá với cùng sản phẩm nêu trên nhập khẩu từ Trung Quốc, mức thuế là 240 USD/m³
Ngày 2/6/2015 Bộ kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ gửi thông báo tới các DN về câu hỏi điều tra	Nội dung Bộ Kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ gửi thông báo tới các doanh nghiệp xuất khẩu gỗ dán sang Thổ Nhĩ Kỳ về bộ câu hỏi điều tra và thời gian trả lời câu hỏi điều tra trong vòng 37 ngày kể từ ngày gửi thông báo Thông báo được gửi tới trên 20 DN xuất khẩu sang Thổ Nhĩ Kỳ

9/7/2015 Công ty Việt Nam gửi câu hỏi trả lời phiếu điều tra	Nội dung: Hai Công ty Việt Nam là Tekcom và Công ty TNHH SXTM Việt Thổ gửi phiếu trả lời cho Bộ Kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ
Ngày 28/10/2016 Bộ Kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ có thông báo chính thức về mức thuế áp với mặt hàng gỗ dán của Việt Nam	Nội dung: Bộ Kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ có QĐ số 29871 đã đăng tải thông báo số 2016/45 về quyết định cuối cùng đối với vụ điều tra điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá với gỗ dán nhập khẩu từ một số nước trong đó có Việt Nam. Theo đó quyết định công bố: - Việt Nam chỉ có 2 doanh nghiệp Việt Nam tham gia cung cấp thông tin cho cơ quan điều tra sẽ không bị áp dụng biện pháp chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá, đó là Công ty Tekcom và Công ty TNHH XNK Việt – Thổ. - Các doanh nghiệp khác sẽ bị áp dụng thuế chống bán phá giá là 240 USD/m³ (tương đương với mức thuế chống bán phá giá đã được Thổ Nhĩ Kỳ áp dụng đối với hàng nhập khẩu của các doanh nghiệp Trung Quốc). Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày công bố

Tài liệu tham khảo

1. Trần Lê Huy, Cao Thị Cẩm và Tô Xuân Phúc. **Thương mại gỗ dán giữa Việt Nam với Trung Quốc và Hoa Kỳ**. Báo cáo: Forest Trends, VIFOREST, HAWA, BIFA và FPA Bình Định. Tháng 8 năm 2019. (<http://goviet.org.vn/bai-viet/thuong-mai-go-dan-giua-viet-nam-voi-trung-quoc-va-hoa-ky-9018>).
2. Trần Thúy Hoa, Tô Xuân Phúc, Nguyễn Tôn Quyền và Cao Thị Cẩm. **Ngành cao su Việt Nam Thực trạng và giải pháp phát triển bền vững**. Báo cáo: Forest Trends, Hiệp hội Cao su Việt Nam, Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam. Tháng 9 năm 2018. (<http://goviet.org.vn/bai-viet/nganh-cao-su-viet-nam-thuc-trang-va-giai-phap-phat-trien-ben-vung-8904>)